

CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH**

Cơ sở: Công ty CP Minh Trí Vinh

Địa điểm: Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An.

*Nghệ An, tháng 12 năm 2024*

CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH**

Cơ sở: Công ty CP Minh Trí Vinh

Địa điểm: Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An.

**CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM THỊ THANH HƯƠNG**

*Nghệ An, tháng 12 năm 2024*

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG .....	iv
DANH MỤC HÌNH .....	iv
Chương I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	5
1.1. Tên chủ cơ sở.....	5
1.2. Tên cơ sở .....	5
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	6
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	6
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	6
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
Chương II.....	15
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	15
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. ....	15
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	15
Chương III .....	16
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, .....	16
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	16
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	16
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	16
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	16
3.1.3. Xử lý nước thải .....	17
3.2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	18
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	20
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	21
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	23
3.6. Phương án phòng ngừa ứng, phó sự cố môi trường .....	24
Chương IV .....	26

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	26
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	26
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	27
Chương V .....	28
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	28
Chương VI.....	30
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	30
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	30
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	30
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	30
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	30
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	30
Chương VII.....	31
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA .....	31
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	31
Chương VIII .....	32
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	32
PHỤ LỤC .....	33

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

UBND	: Ủy ban nhân dân
BTNMT	: Bộ tài nguyên Môi trường
NĐ-CP	: Nghị định – Chính phủ
TT	: Thông tư
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
CTNH	: Chất thải nguy hại
VNĐ	: Việt Nam đồng
KCN	: Khu công nghiệp
BTCT	: Bê tông cốt thép
VSV	: Vi sinh vật
GTVT	: Giao thông vận tải
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy

---

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1 1: Tọa độ lô đất cơ sở.....	5
Bảng 1 2: Bảng các thiết bị phục vụ sản xuất .....	8
Bảng 1 3: Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng.....	9
Bảng 1 4: Mức tiêu thụ điện .....	11
Bảng 1 5: Nhu cầu sử dụng nước .....	13
Bảng 3 1: Thông số xây dựng các hạng mục xây dựng phục vụ quá trình xử lý nước thải .....	18
Bảng 3 2: Tải lượng ô nhiễm khí thải đốt nhiên liệu từ phương tiện giao thông.....	19
Bảng 3 3: Danh mục các chất thải nguy hại dự kiến phát sinh từ hoạt động của dự án.....	22
Bảng 4 1: Các chất ô nhiễm và giới hạn cho phép .....	26
Bảng 5 1: Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý năm 2023.....	28
Bảng 5 2: Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý năm 2024.....	28

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1 1: Sơ đồ vị trí Công ty CP Minh Trí Vinh.....	5
Hình 1 2: Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất .....	7
Hình 1 3: Hình ảnh kho phụ liệu của Công ty CP Minh Trí Vinh .....	10
Hình 1 4: Hình ảnh kho nguyên liệu của Công ty CP Minh Trí Vinh .....	10
Hình 3 1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải .....	16
Hình 3 2: Sơ đồ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.....	21
Hình 3 3: Khu vực chứa chất thải nguy hại của Công Ty .....	23
Hình 3.4: Bình chữa cháy được tại các vị trí trong Công ty.....	25

## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1.1. Tên chủ cơ sở

- Công ty CP Minh Trí Vinh
- Địa chỉ: đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, tp Vinh, Nghệ An
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thanh Hương
- Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Điện thoại: 0388 687788;
- Email: mtv.office@minhtrigarment.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2901567817, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ: 8 ngày 14 tháng 04 năm 2023.

### 1.2. Tên cơ sở

- Công ty CP Minh Trí Vinh
- Địa điểm cơ sở: đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, tp Vinh, Nghệ An



Hình 1 1: Sơ đồ vị trí Công ty CP Minh Trí Vinh

- Địa điểm thực hiện:

Vị trí lô đất: Thuộc khu công nghiệp Bắc Vinh.

- Phía Bắc lô đất giáp: Kho nông sản thực phẩm;

- Phía Nam lô đất giáp: Mương thoát nước;
- Phía Tây lô đất giáp: Đường D2 KCN Bắc Vinh;
- Phía Đông lô đất giáp: Hàng rào KCN Bắc Vinh.

Diện tích lô đất: 8.647 m<sup>2</sup>

- Vị trí Khu công nghiệp Bắc Vinh:

Khu công nghiệp Bắc Vinh nằm trên các tuyến giao thông đường bộ như quốc lộ 1A; đường quốc lộ 46 (đường Đặng Thai Mai); đường phía Nam KCN; đường vành đai phía Đông KCN, ngay gần trung tâm thành phố Vinh, gần sát sân bay Vinh và ga đường sắt Vinh; giao thông thuận lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian vận chuyển.

- Các giấy phép môi trường thành phần:

+ Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy may mặc xuất khẩu tại KCN Bắc Vinh xã Hưng Đông, thành phố Vinh” số 45/TB-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2012 của UBND thành phố Vinh;

+ Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh số 10/TB-UBND ngày 25 tháng 06 năm 2014 của UBND thành phố Vinh;

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 40.000312.T cấp lần thứ nhất: ngày 28/08/2014.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhà máy 1 được đầu tư với nguồn vốn 14.574.918.000 đồng và nhà máy 2 được đầu tư với nguồn vốn 13.745.278.000 đồng. Dự án thuộc dự án nhóm C theo khoản 3 điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14. Dự án nhóm C thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 Luật bảo vệ môi trường. Dự án đầu tư nhóm III thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND cấp huyện theo khoản 4 điều 41 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

Hoạt động sản xuất của công ty khi sản xuất ổn định ước tính khoảng 2.000.000 sản phẩm/năm.

#### **1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Để đảm bảo cạnh tranh trên thị trường dựa trên các yêu cầu của khách hàng như: yêu cầu về chất lượng phải tốt, giá cả hợp lý, mẫu mã đẹp... Công ty đã tổ chức sản xuất

---

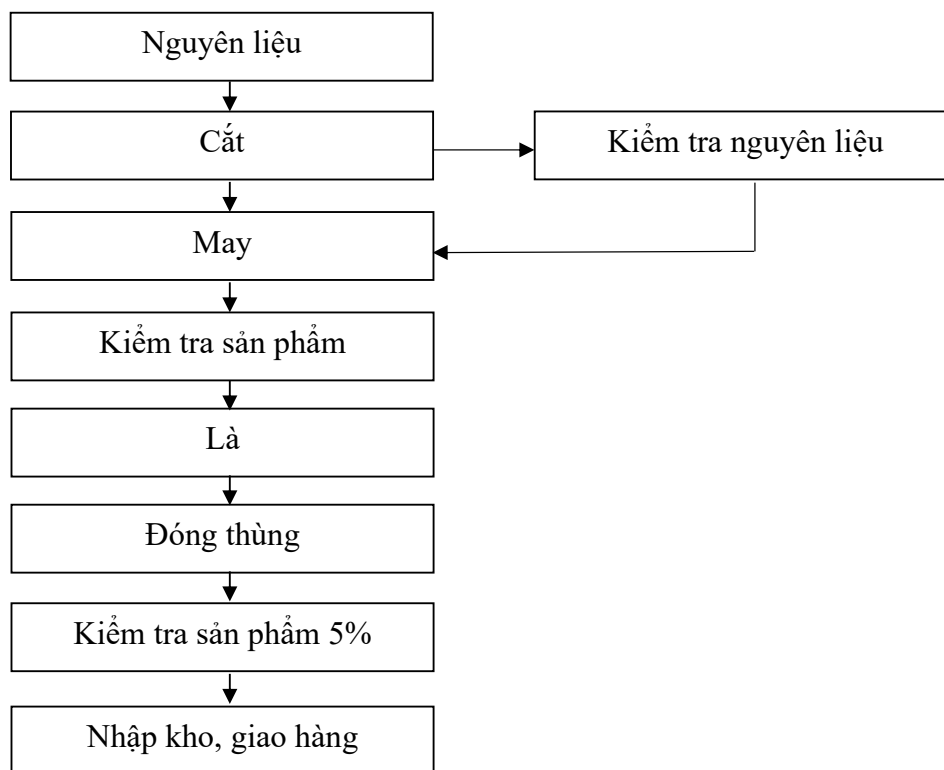
*Công ty CP Minh Trí Vinh*

*Địa chỉ: đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, tp Vinh, Nghệ An*



theo một quy trình thống nhất từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào đến khâu đưa hàng ra thị trường tiêu thụ. Việc tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất luôn diễn ra nhịp nhàng, ăn khớp và tính khoa học cao.

Quy trình sản xuất của công ty được tiến hành như sau:



*Hình 1 2: Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất*

*\* Thuyết minh quy trình công nghệ:*

Từ nguyên liệu vải ban đầu sẽ được đưa đến kho nguyên liệu của công ty. Sau khi kiểm tra nguyên liệu được đưa vào hệ thống máy cắt, vải được cắt thành những phần mảnh theo thiết kế, trước khi đưa vào các khâu may chi tiết các mảnh vải này sẽ được kiểm tra lại. Còn phần vải thừa sẽ được thải bỏ hoặc sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như may thanh tấm thảm lau nhà, nhồi bao gối,... Sau khi may các chi tiết xong, tùy theo thiết kế từng loại quần, áo chúng sẽ được chuyển qua khâu hoàn thiện sản phẩm: ráp và kiểm tra thành phẩm, xong rồi chuyển sang đóng nút. Tùy loại sản phẩm hay theo yêu cầu đơn hàng mà gắn những kiểu nút khác nhau. Sau khi được gắn nút quần áo sẽ chuyển sang công đoạn tiếp theo là, ủi thẳng, tạo cho quần áo không nhăn, gọn, đẹp. Quần áo sau khi ủi đạt yêu cầu kỹ thuật được may nhãn xếp vô bao, đóng gói thành phẩm và kiểm tra sản phẩm rồi đem đi tiêu thụ.

*\* Danh mục máy móc của Cơ sở:*

Bảng 1 1: Bảng các thiết bị phục vụ sản xuất

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Tình trạng	Số lượng
1	Máy bẻ 1 kim, cắt chỉ tự động	JUKI ĐL-8700-7-0B/EC-10BF	80% - 100%	920
2	Máy bẻ 2 kim, cắt chỉ tự động	JUKI LH-3168SF	80% - 100%	52
3	Máy xén 2 kim 4 chỉ	JUKI MO-6714S-BE6-44H/G39/Q41	80% - 100%	390
4	Máy xén 2 kim 5 chỉ	JUKI MO-6714S-DE4-40H/E35	80% - 100%	47
5	Máy xén 2 kim 5 chỉ	PEGASUS W1562-01GX356CT	80% - 100%	135
6	Máy đính bọ	JUKI LK-1900ASS/C-596KSS	80% - 100%	28
8	Máy thừa khuyết	JUKI LBH-781U	80% - 100%	32
9	Máy đính cúc	JUKI MB377NS00S	80% - 100%	26
10	Máy cắt vòng	KM BK-700	80% - 100%	2
11	Máy cắt tay	KM KS-AUV10#	80% - 100%	45
12	Máy cắt đầu bàn	ESTNAM EC-3	80% - 100%	26
13	Máy cắt đầu bàn	SULEE ST- 360H	80% - 100%	6
14	Bàn hút chân không	VEIT Á 1450 (KT 150*90 không gói)	80% - 100%	62
15	Bàn hút chân không	VEIT Á 1450 (KT 130*80 không gói)	80% - 100%	14
16	Máy ép mex họng	VRIT AX450 (KT băng rôn 450mm)	80% - 100%	58
17	Hệ thống quạt thông gió công nghiệp	EOS50/1,5GALI 1,5Hp/50Hz/400V	80% - 100%	114
18	Tấm làm mát (KT 1800mmx600x150)	COOLING PADS	80% - 100%	1382.4m <sup>2</sup>
19	Tấm phân phối nước (KT 30mmx600x150)	COOLING PADS	80% - 100%	23.04 m <sup>2</sup>
20	Máy phóng co vải bằng hơi nước	KBB-JB-5000F	80% - 100%	2

21	Hệ thống thiết kế mẫu, giác sơ đồ và nhảy cỡ sản phẩm		80% - 100%	2
22	Máy khâu vi tính TAJMA	TMFD-915	80% - 100%	3
23	Máy khâu vi tính TAJMA	TMFD-6018	80% - 100%	3

### 1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm: quần áo. Công suất sản phẩm tối đa là 2.000.000 sản phẩm/năm.

Theo số liệu thực tế năm 2023, công suất sản phẩm đạt được là 1.500.000 sản phẩm/năm. Từ tháng 1 – 11/2024, công suất sản phẩm đạt được là 1.600.000 sản phẩm/năm.

### 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

#### a) Nhu cầu nguyên vật liệu

Nhu cầu về nguyên vật liệu sản xuất được tính theo năm theo phương thức nhận gia công. Nguyên vật liệu nhập vào ước tính như sau:

Bảng 1 2: Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng

TT	Chủng loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Nguồn cung cấp nhập
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu chính</b>			
1	Vải chính	m	2.650.000	Nhập khẩu, Bên thuê
2	Vải lót	m	125.000	Nhập khẩu, Bên thuê
3	Vải dụng	m	60.000	Nhập khẩu, Bên thuê
<b>II</b>	<b>Phụ liệu</b>			
1	Chỉ may	cuộn	85.000	Việt Nam
2	Khóa	chiếc	75.000	Việt Nam
3	Khuy, cúc	chiếc	5.600.000	Việt Nam
4	Nhãn mác	chiếc	6.100.000	Việt Nam
<b>III</b>	<b>Vật tư đóng gói</b>			
1	Túi PE	chiếc	825.000	Việt Nam
2	Thùng Carton	chiếc	68.000	Việt Nam



*Hình 1.3: Hình ảnh kho phụ liệu của Công ty CP Minh Trí Vinh*



*Hình 1.4: Hình ảnh kho nguyên liệu của Công ty CP Minh Trí Vinh*

*b) Nhu cầu sử dụng điện*

Điện được cấp đầy đủ và liên tục trong suốt ca làm việc, đáp ứng yêu cầu chiếu sáng, sử dụng các thiết bị. Hệ thống dây dẫn và thiết bị kiểm soát an toàn, phù hợp với thông số kỹ thuật.

Nhu cầu điện năng phục vụ cho sản xuất kinh doanh là khoảng 500.000 kwh/năm (tính cho năm ổn định), Nguồn điện được cung cấp ổn định từ hệ thống lưới điện thành phố Vinh.

Bảng 1 3: Mức tiêu thụ điện

STT	Thời gian		Mức tiêu thụ điện (KWH/tháng)
	Tháng	năm	
1	Tháng 1	2023	50,292
2	Tháng 2		71,484
3	Tháng 3		82,064
4	Tháng 4		85,918
5	Tháng 5		81,919
6	Tháng 6		75,167
7	Tháng 7		71,003
8	Tháng 8		75,189
9	Tháng 9		70,369
10	Tháng 10		62,271
11	Tháng 11		61,512
12	Tháng 12		54,846
13	Tháng 1	2024	57,671
14	Tháng 2		45,079
15	Tháng 3		70,177
16	Tháng 4		69,703
17	Tháng 5		76,355
18	Tháng 6		79,504
19	Tháng 7		79,180
20	Tháng 8		90,440
21	Tháng 9		73,841
22	Tháng 10		89,760
23	Tháng 11		80,520

*c) Nhu cầu sử dụng nước*

Do địa điểm khu vực công ty đã có hệ thống cấp nước sạch, nên toàn bộ lượng nước cần sử dụng công ty sẽ mua của Công ty TNHH 1 thành viên cấp nước Nghệ An. Lượng nước cung cấp được sử dụng cho các hoạt động sau:

+ Cấp cho hoạt động sản xuất: Quá trình sản xuất hàng may mặc của công ty không tiến hành các công đoạn giặt, tẩy... nên không sử dụng nước với khối lượng lớn. Nước phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty chỉ sử dụng cho nồi hơi điện cấp hơi cho quá trình là quần áo và nước cấp cho hệ thống làm mát nhà xưởng (sử dụng vào mùa nóng) lượng nước này được sử dụng tuần hoàn, bổ sung khi hao hụt;

+ Cấp nước cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;

+ Cấp nước cho quá trình nấu ăn;

Tổng số cán bộ công nhân viên tại Công ty dự kiến tối đa là 1000 người, mỗi người làm việc 1 ca/ngày 8 giờ. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì nhu cầu cấp nước sinh hoạt tối thiểu 80 lit/người/ngày.

Vậy nhu cầu cấp nước cho 1000 người là  $80 \times 900 / 1000 = 80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Nước thải bằng 100% lượng nước cấp =  $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

Do số lượng đơn hàng nên thực tế, số lượng công nhân hiện tại của cơ sở là 760 người. Nhu cầu sử dụng nước của công ty là không đồng đều giữa các tháng. Lượng nước sử dụng được tính cho tháng cao điểm là  $1,012 \text{ m}^3/\text{tháng}$ , trung bình lượng nước sử dụng cho mỗi tháng là  $764.17 \text{ m}^3/\text{tháng}$ .

*(Căn cứ theo hóa đơn tiền nước từ tháng 01/2023 đến tháng 11/2024).*

Tương đương với lượng nước trung bình 1 ngày công ty sử dụng là  $29.39 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (1 tháng làm việc 26 ngày)

Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở như sau:

Bảng 1 4: Nhu cầu sử dụng nước thực tế của Cơ sở

STT	Thời gian		Lượng nước sử dụng (m <sup>3</sup> /tháng)
	Tháng	năm	
1	Tháng 1	2023	770
2	Tháng 2		889
3	Tháng 3		916
4	Tháng 4		738
5	Tháng 5		892
6	Tháng 6		886
7	Tháng 7		773
8	Tháng 8		658
9	Tháng 9		616
10	Tháng 10		670
11	Tháng 11		804
12	Tháng 12		709
13	Tháng 1	2024	612
14	Tháng 2		442
15	Tháng 3		806
16	Tháng 4		783
17	Tháng 5		765
18	Tháng 6		899
19	Tháng 7		848
20	Tháng 8		1,012
21	Tháng 9		733
22	Tháng 10		715
23	Tháng 11		640

*d) Nhu cầu xả nước thải*

Công ty sử dụng nguồn nước sạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngành nước và Môi trường cấp để phục vụ cho các hoạt động bên trong công ty

Lượng nước thải phát sinh tại công ty được tính bằng 100% nước cấp Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Vậy lượng nước thải phát sinh tối đa trung bình trong ngày là:  $80 \times 100\% = 80 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

\*Chất lượng nước thải:

Toàn bộ nước thải của dự án sau khi xử lý sẽ đạt yêu cầu trước khi đổ về hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp Bắc Vinh.



## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Địa điểm thực hiện xây dựng Cơ sở Nhà máy may Minh Trí Vinh thuộc KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, Nghệ An, đây là địa điểm thuận lợi cho di chuyển của cán bộ công nhân nhà máy.

Công ty Cp Minh Trí Vinh đã được cấp giấy xác nhận chấp thuận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư số 45/TP-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2012 và số 10/TB-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của UBND thành phố Vinh.

Dự án được thực hiện hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển chuyên ngành và quy hoạch phát triển của thành phố Vinh

#### 2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải của Cơ sở chảy vào đường ống thoát nước của KCN Bắc Vinh thì được hệ thống xử lý nước thải KCN xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1,2.

Theo Điều 4, Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Danh mục các nguồn phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước không đề cập đến nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực. Do vậy, báo cáo này chúng tôi không đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước là hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Mặt khác, hoạt động xả nước thải của Cơ sở không ảnh hưởng nhiều đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận, chất lượng nguồn nước tiếp nhận, hệ sinh thái thủy sinh, sự phát triển kinh tế-xã hội của khu vực. Dựa vào những điều kiện chủ quan và khách quan nêu trên, có thể thấy hệ thống thoát nước của khu vực hoàn toàn phù hợp cho việc tiếp nhận nước thải của Cơ sở.

### Chương III

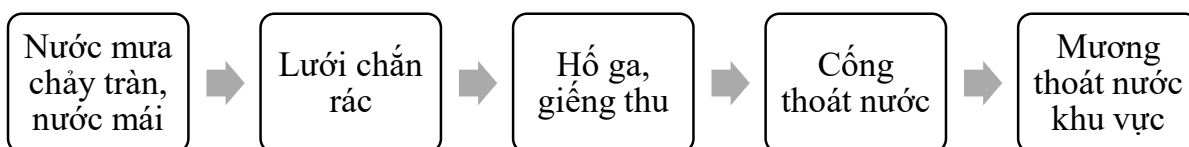
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

+ Nước mưa chảy tràn qua phạm vi khu vực các nhà xưởng và mặt bằng sân bãi có lẫn các tạp chất rắn, đất, đá,... Dọc theo hệ thống ống thoát nước mưa bố trí các hố ga có lưới chắn rác. Rác và các chất lơ lửng sẽ được tách và giữ lại trong hố ga. Các hố ga sẽ được định kỳ nào vét rác và bùn lắng gom về cùng xử lý rác thải sinh hoạt tại các bãi xử lý rác.

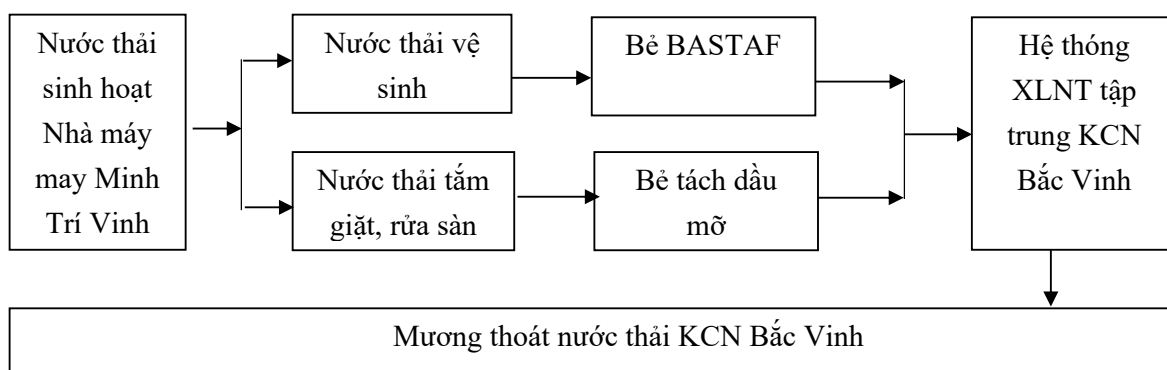
+ Nước mưa sau khi được thu từ trên mái của các xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ vào các ống thoát và cùng với nước mưa ở mặt bằng sẽ tự chảy vào cống nổi chảy qua đường vào hệ thống mương bê tông chính bố trí dưới hè đường. Trên mương thoát nước có bố trí các hố ga (5m/hố). Vừa để thu nước mưa đồng thời lắng đất cát. Toàn bộ nước mưa ở các khu nhà được thoát ra hệ thống mương dọc đường D2 KCN Bắc Vinh nguồn tiếp nhận.



Hình 3 1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

#### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải của Dự án bao gồm 2 dòng nước thải vệ sinh, rửa sàn: Nước thải vệ sinh được dẫn vào bể Bastaf để xử lý, nước thải rửa sàn, tắm giặt được xử lý qua bể tách dầu mỡ để lắng cặn lơ lửng, tác dầu mỡ. Sau đó, 2 dòng nước này sẽ được dẫn bằng hệ thống mương thoát nước thải chung vào bể lắng 2 ngăn của công ty trước khi chảy tiếp vào hệ thống thu gom thoát nước của của khu công nghiệp để xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008?BTNMT cột B trước khi bơm thải ra hệ thống thoát nước thải của KCN.



Hình 3 2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải nhà máy

### 3.1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ nhà tắm, nhà ăn và nước thải từ nhà vệ sinh. Đối với nước thải nhà vệ sinh xử lý bằng bể tự hoại cải tiến bố trí dưới móng của các công trình: Nhà điều hành, nhà nghỉ, nhà ăn ... để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp.

Nguyên lý hoạt động của bể Bastaf:

BASTAF là bể phản ứng kỵ khí với các vách ngăn mỏng và năng lọc kỵ khí dòng hướng lên, có chức năng xử lý nước thải sinh hoạt và các loại nước thải khác có thành phần tính chất tương tự như nước thải.

Nguyên tắc, nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng – lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Bastaf cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Các ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trong ra theo nước.

Sử dụng bể Bastaf để xử lý nước thải sinh hoạt (xí tiêu) cho phép đạt hiệu suất tốt, ổn định (Hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cặn lơ lửng SS, nhu cầu oxy hóa

học COD, nhu cầu oxy sinh hóa BOD<sub>5</sub> từ 70% - 75%). So với các bể tự hoạt thông thường trong điều kiện làm việc tốt, Bastaf có hiệu suất xử lý cao hơn gấp 2 – 3 lần.

Thông số các hạng mục xử lý nước thải như sau:

Bảng 3 1: Thông số xây dựng các hạng mục xây dựng phục vụ quá trình xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Thông số
1	Bể tự hoại 3 ngăn	02 bể	m <sup>3</sup>	Kích thước bể mỗi bể: 20m <sup>3</sup> L x W x H = 4 x 2,5 x 2 (m)
2	Bể lọc cặn 2 ngăn	01 bể	m <sup>3</sup>	Kích thước bể mỗi bể: 10m <sup>3</sup> L x W x H = 4 x 1,9 x 1,4 (m)
3	Bể tách dầu, tách cặn	01 bể	m <sup>3</sup>	Kích thước bể mỗi bể: 10m <sup>3</sup> L x W x H = 4 x 1,9 x 1,4 (m)
4	Hố ga lắng cặn	04 hố	Chiếc	Kích thước: L x W x H = 0,9x 0,9x1,5 (m)

### 3.2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

#### \* Nguồn gốc phát sinh

- Ô nhiễm khí, bụi từ hoạt động sản xuất

Do đặc điểm sản xuất hàng may mặc nên quá trình hoạt động của công ty phát sinh bụi vải, nhiệt dư...

+ Bụi từ công đoạn này thường có kích thước và trọng lượng nhẹ, dễ phát tán ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất tại công đoạn này.

+ Ô nhiễm nhiệt: Trong quá trình sản xuất, nhiệt phát sinh chủ yếu ở khu vực lò hơi, lượng nhiệt này thoát ra ngoài gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp tới người vận hành lò hơi.

- Khí thải từ hoạt động giao thông

Các phương tiện giao thông ra công ty gây ra sự xáo trộn ô nhiễm bụi mặt đất, quá trình vận hành cũng phát sinh ra các nguồn ô nhiễm.

Các phương tiện thường sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu Diesel, quá trình vận hành các phương tiện thải vào môi trường không khí một lượng khói thải có chứa các chất ô nhiễm như : bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO,... Hàng ngày ước tính có khoảng 5 lượt xe hơi và xe tải, 350 lượt xe gắn máy ra vào dự án.

Thời gian tối đa cho mỗi lần nổ máy là 10 phút. Với khoảng thời gian đó, xe tải và xe hơi sử dụng khoảng 1 lít nhiên liệu, xe gắn máy sử dụng hết khoảng 0,1 lít nhiên

liệu. Tính toán được mỗi ngày có khoảng 75 lít nhiên liệu được các phương tiện sử dụng tại công ty.

Dựa vào lượng nhiên liệu sử dụng và hệ số ô nhiễm khi đốt nhiên liệu từ các phương tiện do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập, ta có thể tính toán được tải lượng của các chất ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện giao thông tại khu vực Nhà máy đưa vào môi trường không khí như sau:

*Bảng 3 2: Tải lượng ô nhiễm khí thải đốt nhiên liệu từ phương tiện giao thông*

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 lít)	Tải lượng ô nhiễm (kg/năm)
1	Hydrocacbon	46.48	508.96
2	SO <sub>2</sub>	1.26	13.79
3	NO <sub>x</sub>	15.82	173.18
4	CO	407.40	4460.40
5	Aldehyde	0.56	6.13

Như vậy, từ kết quả trên cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy là không lớn.

Với không gian thoáng, diện tích rộng và các phương tiện GTVT không hoạt động đồng thời thì các chất khí độc này sẽ được nhanh chóng hoà loãng vào môi trường không khí. Tuy nhiên, Công ty cũng cần có những biện pháp hạn chế lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông.

**\* Biện pháp giảm thiểu**

- Xử lý ô nhiễm bụi, nhiệt từ quá trình cắt may và gia công

Lắp đặt hệ thống hút các mảnh vải vụn, bụi bông trong quá trình gia công sản phẩm may mặc. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy hút bụi để đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất.

Tận dụng lợi thế thông gió tự nhiên ở mức tối đa, các bộ phận phát sinh nhiệt cần thông thoáng, kết hợp lắp đặt hệ thống gió tại các vị trí công nhân đang làm việc.

Để giảm thiểu các ô nhiễm môi trường và đảm bảo an toàn cho người lao động trực tiếp tại nhà máy công ty sẽ yêu cầu công nhân làm việc tại các xưởng bắt buộc phải đeo khẩu trang chống bụi khi làm việc.

*Xử lý bụi từ quá trình bóc dỡ nguyên vật liệu.*

Quá trình này mang tính phân tán, khó tập trung, biện pháp khống chế sau:

+ Cô lập nguồn phát sinh, nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi lan sang các khu vực khác.

+ Thường xuyên tưới nước mặt đường: Để giảm thiểu ô nhiễm bụi do phương tiện giao thông. Trong những ngày khô ráo, lượng nước cần sử dụng phải đủ để đảm bảo mặt đường luôn ẩm. Nguồn nước được sử dụng là nguồn nước cấp của nhà máy.

+ Điều động xe chở nguyên liệu, nhập xuất hàng một cách hợp lý, khoa học.

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển cũ, lạc hậu không chở quá tải.

+ Trang bị bảo hộ cho công nhân bốc xếp nhất là khẩu trang và mũ.

Do diện tích mặt bằng rộng, Công ty sẽ trồng các loại cây xanh trong khuôn viên, tạo cảnh quan, môi trường trong lành, thoáng mát.

### **3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### *a) Chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn sinh hoạt của công ty phát sinh từ khu nấu bếp, nhà ăn cả của công nhân, khu văn phòng. Tại các nguồn phát sinh chất thải rắn này có các thùng chứa rác có nắp đậy kín và phân công công nhân vệ sinh thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày tại nguồn phát sinh. Rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom vận chuyển xử lý hợp vệ sinh tại các bãi rác trong khu vực.

Công nhân chủ yếu là người địa phương, cùng với đặc thù sản xuất may mặc nên tại công ty chỉ tổ chức ăn 1 bữa trưa do vậy lượng chất thải phát sinh giảm đi rất nhiều. Lượng rác thải sinh hoạt thông thường từ 0,5 kg/người/ngày. Ước tính, số người tham gia là 360 người. Như vậy, lượng rác thải sinh hoạt tương ứng khoảng 180 kg/ngày. Tương đương 65,7 tấn/năm

Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, đồ ăn thừa, kim loại... Chúng bao gồm các loại chủ yếu là:

+ Chất thải rắn từ khu vực vệ sinh: chất thải này có hàm lượng hữu cơ cao, có khả năng phân huỷ sinh học được công ty tiến hành xử lý chất thải này bằng bể tự hoại 03 ngăn.

+ Chất thải từ khu vực nhà ăn: gồm thức ăn thừa, thực phẩm loại, rau quả hư hỏng,... được thu gom, tận dụng dùng làm thức ăn chăn nuôi hoặc xử lý bằng cách ủ yếm khí, sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

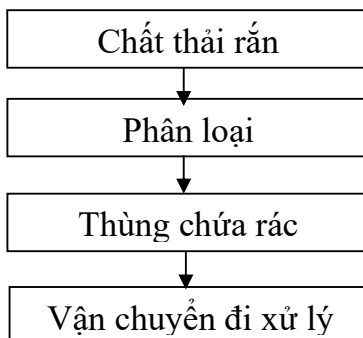
#### **\*Biện pháp giảm thiểu**

Đối với chất thải hữu cơ gồm thức ăn thừa, thực phẩm loại, rau quả hư hỏng,... được thu gom, tận dụng dùng làm thức ăn chăn nuôi hoặc xử lý bằng cách ủ yếm khí, sử dụng làm phân bón cho cây trồng trong khuôn viên dự án hay xử lý bằng hầm biogas.

Đối với chất thải rắn có thể tái sử dụng được (chiếm 25% tổng lượng rác thải) gồm vỏ hộp bằng nhôm, chai nhựa, nilon, giấy sẽ thu gom vào nơi quy định và bán cho các cơ sở tái chế định kỳ 1 tháng/1 lần.

Đối với một phần rác thải không tái sử dụng được (khoảng 5% tổng lượng rác thải) sẽ thu gom, lưu giữ tại khu riêng và hợp đồng với Công ty môi trường hoặc đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt.

Sơ đồ quản lý chất thải rắn thông thường như sau:



Hình 3 2: Sơ đồ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

#### b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của công ty phát sinh trong quá trình sản xuất là nguyên liệu phụ liệu dư thừa trong quá trình cắt: đầu vải, các mảnh vải trong quá trình cắt dư thừa ra, các đoạn chỉ hỏng... không dính các thành phần nguy hại, lượng thải này trung bình khoảng 1 – 1,2 tấn/tháng, tương ứng khoảng 12000 - 14400 kg/năm.

Các loại chất thải phế liệu có khả năng tái chế được thu gom lưu chứa vào khu vực riêng và bán lại cho các cơ sở có nhu cầu mua các loại phế liệu này. Đối với chất thải không nguy hại không có khả năng tái chế được Chủ dự án hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

##### \*Biện pháp giảm thiểu

Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu là vải vụn. Lượng chất thải này được công ty thu gom tập trung tại nơi quy định, và ký hợp đồng với đơn vị vận chuyển thu gom đem đi xử lý.

### 3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

##### \* Nguồn gốc phát sinh chất thải nguy hại

Do đặc thù sản xuất ngành may mặc cần số lượng công nhân lớn nhu cầu ánh sáng trong xưởng sản xuất là rất cao, do vậy công ty có phát sinh chất thải rắn nguy hại là các bóng đèn huỳnh quang mỗi năm ước tính sẽ thải ra ngoài môi trường khoảng 5 - 10 bóng đèn huỳnh quang

Trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị có phát sinh dầu thải, giẻ lau có lẫn dầu ước tính khoảng 5 - 10 kg/năm.

Trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị có phát sinh các loại dầu động cơ, hộp số, bôi trơn ước tính khoảng 10 - 15 kg/năm

Trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị có phát sinh vỏ hộp, thùng đựng dầu máy ước tính khoảng 5 – 10 kg/năm

Hoạt động của khối văn phòng có phát sinh hộp mực in là chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2 -3 kg/năm.

Trong quá trình khám sức khỏe cho người lao động có phát sinh rác thải y tế như găng tay với khối lượng khoảng 5 – 10 kg/năm

Trong quá trình vận hành hoạt động của nhà máy có phát sinh pin, ác quy của các thiết bị ước tính khối lượng khoảng 2 -3 kg/năm

Nhà máy sẽ lưu giữ và quản lý theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Các chất thải dạng lỏng được chứa trong các thùng phuy, can nhựa kín; các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt. CTNH sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 20m<sup>2</sup>.

Công ty đã có Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 40.000312.T Công ty cũng ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH để xử lý CTNH theo đúng quy định. Hiện nay Công ty đang có Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại với Công ty cổ phần xử lý môi trường Nghệ An, tần suất thu gom 12 tháng/lần.

Mã số của các chất thải nguy hại trên được liệt kê trong bảng sau :

Bảng 3 3: Danh mục các chất thải nguy hại dự kiến phát sinh từ hoạt động của dự án

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	10 - 15	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang, cháy hỏng	Rắn	5 - 10	16 01 06
3	Hộp mực in thải	Rắn	2 -3	08 02 04
4	Các loại dầu động cơ, hộp số, bôi trơn	lỏng	10 - 15	17 02 03
5	Vỏ, thùng đựng dầu máy	Rắn	5 – 10	18 01 02
6	Rác thải y tế	Rắn/lỏng	5 – 10	13 01 01
7	Ác quy	Rắn	2 -3	16 01 12
	<b>Tổng cộng</b>		<b>39 - 66</b>	



**Ghi chú :** Mã CTNH theo Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.



Hình 3 3: Khu vực chứa chất thải nguy hại của Công ty

### 3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn gốc phát sinh: Tiếng ồn và độ rung phụ thuộc vào từng loại máy móc thiết bị khi sử dụng nguồn gốc phát sinh tiếng ồn và độ rung bao gồm.

+ Hoạt động của máy móc thiết bị như: bàn là, máy cắt, quạt, hệ thống làm mát... có phát sinh tiếng ồn.

+ Hoạt động của các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào công ty cũng phát sinh tiếng ồn và độ rung...

- Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung

+ Khi lắp đặt các thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thiết kế các ô cửa phù hợp để tránh phát tán tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

+ Thực hiện các chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian công nhân phải tiếp xúc với các nguồn ồn cao.

+ Khu vực xưởng sản xuất chính được xây dựng kiên cố, thiết kế phù hợp tránh phát tán tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

+ Các phương tiện máy móc sử dụng trong sản xuất, các phương tiện vận chuyển, phương tiện chuyên chở thường xuyên bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị cần thiết nhằm giảm thiểu tiếng ồn, lượng phát thải các khí gây ô nhiễm.

+ Công ty sẽ trồng cây xanh quanh nhà máy, một mặt tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan, mặt khác làm giảm tối đa tiếng ồn do máy móc hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng. Nếu thiết bị hoạt động phát ra nhiều tiếng ồn và gặp sự cố, phải tiến hành báo cáo để Công ty tiến hành sửa chữa kịp thời;

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### **3.6. Phương án phòng ngừa ứng, phó sự cố môi trường**

Cơ sở đã lắp đặt hệ thống PCCC đồng bộ với đầy đủ các thiết bị báo cháy, chữa cháy ở vị trí thuận tiện cho từng tầng. Cán bộ, nhân viên trong tòa nhà đều được tập huấn các biện pháp phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ có thể xảy ra.

Với những thiết bị và biện pháp đang thực hiện kể từ khi đi vào hoạt động ổn định đến nay công ty vẫn luôn đảm bảo hoạt động bình thường, không để xảy ra các sự cố môi trường đáng tiếc nào.

Công ty đã được cấp:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 75/TD-PCCC(2016) ngày 03/6/2016 (công trình: Nhà máy may Minh Trí Vinh).

- Biên bản nghiệm thu về PCCC ngày 08/6/2016 của Cảnh sát PCCC tỉnh Nghệ an đối với công trình nhà máy may Minh Trí Vinh (đạt yêu cầu).



*Hình 3.4: Bình chữa cháy được đặt tại các vị trí trong Công ty*

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- *Nguồn phát sinh nước thải:* Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của Công ty.
- *Lưu lượng xả nước thải tối đa:* 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm
- *Dòng nước thải:* Có 1 dòng nước thải sau xử lý tại bể tự hoại. Nước thải được xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: các chất ô nhiễm xin cấp phép bao gồm các thông số nằm trong QCVN 14:2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Cột B, hệ số K = 1,2.

*Bảng 4 1: Các chất ô nhiễm và giới hạn cho phép*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
1	pH	-	5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
3	TSS	mg/l	100
4	TDS	mg/l	1200
5	Sunfua	mg/l	4,8
6	Amoni	mg/l	12
7	Nitrat	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5000

- *Vị trí xả thải:* tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- *Tọa độ vị trí xả nước thải:*

Nhà máy 1: X: 18.704917; Y: 105.656236 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105<sup>00</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>).

Nhà máy 2: X: 18.706447; Y: 105.655718 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105<sup>00</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy
- Chế độ xả nước thải: Liên tục
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

#### 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: các quạt gió của nhà xưởng
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:  
Nhà máy số 1: Tọa độ X = 18.705155; Y = 105.655955  
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiếu 3°)  
Nhà máy số 2: Tọa độ X = 18.706619; Y = 105.656171.  
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiếu 3°)

- Quy chuẩn áp dụng

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**Chương V**

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

Năm 2023, Đơn vị đã tiến hành quan trắc môi trường theo quy định. Kết quả quan trắc môi trường nước thải sau xử lý được tổng hợp trong bảng dưới đây:

*Bảng 5 1: Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý năm 2023*

TT	Thông số	ĐVT	nhà máy Minh Trí Vinh		QCVN 14 cột B, Cmax	Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh
			Lần 1	Lần 2		
1	pH(*)	-	7.1	7.0	5 - 9	5 - 9
2	TDS	mg/L	213	210	1000	-
3	DSS	mg/L	52.0	56.5	100	100
4	BOD <sub>5</sub> (20C)	mg/L	43.7	38.9	50	300
5	COD	mg/L	109.0	91.9	-	500
6	Clo dư	mg/L	< 0.2	0.22	-	2
7	Sắt (Fe)	mg/L	0.31	0.33	-	5
8	Mn	mg/L	0.24	0.25	-	1
9	Tổng N	mg/L	38.6	23.5	-	60
10	Tổng P	mg/L	6.18	3.85	-	8
11	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N	mg/L	4.77	6.16	50	-
12	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/L	5.30	5.85	10	-
13	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	11.2	10.6	20	-
14	Coliform	MPN/100ml	4760	4710	5000	460.000

**- Ghi chú:**

QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B). Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, đô thị khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**- Nhận xét:**

Các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

Bảng 5 2: Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý năm 2024

TT	Thông số	ĐVT	nhà máy Minh Trí Vinh		Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh
			Lần 1	Lần 2	
1	pH(*)	-	7.2	7.1	5 - 9
4	BOD <sub>5</sub>	mg/L	43.7	46.5	300
5	COD	mg/L	124.2	114.1	500
2	TSS	mg/L	58.0	64.5	100
3	TDS	mg/L	219	201	-
13	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	9.4	7.9	-
8	Mn	mg/L	0.26	<0.015	1
7	Sắt (Fe)	mg/L	0.34	0.39	5
12	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/L	6.69	4.10	-
11	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N	mg/L	1.33	1.18	-
9	Tổng N	mg/L	51.8	44.8	60
10	Tổng P	mg/L	5.69	6.91	8
6	Clo dư	mg/L	0.21	0.23	2
14	Coliform	MPN/100ml	6300	9400	460.000

**- Nhận xét:**

Các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép so với Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh.

## **Chương VI**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường 2020. Hiện tại các công trình xử lý nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm do vậy cơ sở sẽ không có thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm và kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

#### **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

##### **6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Căn cứ theo quy định tại:

- Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

##### **6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Căn cứ theo quy định tại:

- Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

#### **6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Do dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc (tự động, liên tục và định kỳ) như đã nêu trên vì vậy không có kinh phí.



## **Chương VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm trở lại đây, Cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, Cơ sở luôn lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ đầy đủ đảm bảo chất lượng các thành phần môi trường trong giới hạn cho phép trước khi thải ra môi trường.

Chủ cơ sở cam kết có các biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu trong giấy phép môi trường và phối hợp với các cơ quan chức năng giám sát thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty CP Minh Trí Vinh cam kết về các nội dung:

- Cam kết tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp với đặc điểm của loại hình hoạt động xử lý nước thải của dự án; phòng chống các sự cố kỹ thuật, cháy nổ trong khu vực dự án.
  - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/năm tuân thủ quy định của Bộ Lao động - Thương binh xã hội và Luật Lao động.
  - Cam kết tuân thủ đúng quy trình vận hành; bảo trì thiết bị; công tác PCCC; phòng chống sự cố.
  - Cam kết thu gom, chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý.
  - Đảm bảo các nguồn thải đạt các tiêu chuẩn bắt buộc về môi trường sau đây:
    - + Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B, Kv = 1,2 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp.
    - + Chất thải rắn thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu an toàn vệ sinh. Cam kết việc quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 20/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 20/01/2022.
    - + Chất lượng không khí môi trường làm việc đạt QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.
    - + Tiếng ồn, độ rung khu vực sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.
  - Công ty cam kết định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
  - Công ty cam kết báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Công ty cam kết thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.
  - Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và sẽ dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**PHỤ LỤC**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2901567817, đăng ký lần đầu ngày 13/8/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 14/04/2023 (Người đại diện theo pháp luật là Bà: Phạm Thị Thanh Hương – Tổng Giám đốc).
- Thông báo số 10/TB-UBND về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh của Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh.
- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ ngày 16/4/2014 với Công ty đầu tư phát triển KCN Bắc Vinh (thời hạn đến ngày 18/12/2048).
- Giấy xác nhận đầu tư số 12/2014/XNĐT ngày 30/06/2014 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam.
- Chứng chỉ quy hoạch số 03/CCQH-KCN ngày 23/04/2014 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 40.000312.T cấp lần thứ nhất: ngày 28/08/2014.
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở năm 2023, 2024.
- Hợp đồng kinh tế thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại số 240517/HĐ-XLMTNA-MINHTRIVINH ngày 17/05/2024.
- Hợp đồng kinh tế về thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải số 015/2024/HĐKT.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 2901567817**

*Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 08 năm 2012.*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 14 tháng 04 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH TRI VINH JOINT STOCK  
COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH TRI VINH JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu Công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Điện thoại: 0388 687788

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

*Bảng chữ: Một trăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHẠM THỊ THANH HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001175017047

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thụy Phú, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thụy Phú, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt  
Nam



**TRƯỞNG PHÒNG**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

*Nguyễn Quang Lợi*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 10 /TB-UBND

Vinh, ngày 25 tháng 6 năm 2014

### THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường  
của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh  
tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh

Kính gửi: Công ty Cổ phần Minh Trí Vinh

Sau khi xem xét hồ sơ đề ngày 20/6/2014 của Công ty Cổ phần Minh Trí Vinh về việc đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, UBND thành phố Vinh thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh nêu trên đã được đăng ký tại UBND thành phố Vinh.

2. Công ty Cổ phần Minh Trí Vinh có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong Bản cam kết bảo vệ môi trường. Trường hợp không thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung đã cam kết, UBND Thành phố sẽ xem xét thu hồi và hủy bỏ việc đăng ký cam kết bảo vệ môi trường này.

b) Báo cáo với Ban quản lý KKT Đông Nam, UBND xã Hưng Đông về nội dung của Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đã được chấp thuận và Thông báo này.

3. Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh.

4. Công ty Cổ phần Minh Trí Vinh phải báo cáo với UBND thành phố Vinh khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND thành phố Vinh.

5. Thông báo này thay thế cho Thông báo số 05/TB-UBND ngày 20/3/2012 của UBND Thành phố về việc chấp thuận đăng ký Bàn cam kết bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch không nung, công suất dưới 10 triệu viên quy chuẩn/năm của Công ty CP đầu tư thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Nghệ An tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- CT, PCT phụ trách đô thị;
- Phòng TNMT;
- BQL KKT Đông Nam;
- UBND xã Hưng Đông;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quốc Hồng

1  
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH TRÍ VINH

## **BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN: "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH  
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BẮC VINH, TỈNH NGHỆ AN**

**Nghệ An, năm 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH TRÍ VINH**



**BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN: "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH  
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BẮC VINH, TỈNH NGHỆ AN**

**CHỦ DỰ ÁN  
CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Nguyễn Hằng Hạnh*

**Tháng 03, năm 2014**



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Quy mô, công suất Nhà máy may Minh trí Vinh .....	5
Bảng 1.3: Danh mục các máy móc, thiết bị của Nhà máy .....	6
Bảng 1.4: Dự toán khối lượng nguyên vật liệu xây dựng.....	7
Bảng 1.5: Nguồn nguyên liệu và phụ liệu cho hoạt động SX của Nhà máy .....	8
Bảng 1.6: Nhu cầu về nguyên vật liệu sản xuất .....	8
Bảng 1.7: Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	9
Bảng 1.8: Lưu lượng nước cấp cho cứu hỏa .....	9
Bảng 1.9: Tổng mức đầu tư xây dựng Nhà máy .....	10
Bảng 2.1: Nguồn gây tác động và các thành phần gây ô nhiễm .....	11
Bảng 2.2: Hệ số ô nhiễm của các phương tiện giao thông .....	14
Bảng 2.3: Ước tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (Xe tải 8 tấn).....	14
Bảng 2.4: Kết quả tính toán và dự báo độ ồn cho khu vực dự án.....	15
Bảng 2.5: Dự báo khối lượng các chất ô nhiễm do mỗi người phát sinh hàng ngày.....	17
Bảng 2.6: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt .....	17
Bảng 2.7: Đối tượng, quy mô bị tác động giai đoạn hoạt động .....	20
Bảng 2.8: Thành phần hóa học của nguồn nguyên liệu sử dụng (than kiplê) .....	22
Bảng 2.9: Thời lượng các chất ô nhiễm trong quá trình đốt lò hơi .....	22
Bảng 2.10: Lượng nhiệt thải ra trung bình của người.....	24
Bảng 2.11: Thành phần nước thải sinh hoạt.....	25
Bảng 2.12: Các loại rác sản xuất của nhà máy khi hoạt động.....	26

## DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu đất.....	2
Hình 1.2: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của Nhà máy .....	5
Hình 3.1: Sơ đồ xử lý khí thải lò hơi của Nhà máy.....	32
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy may Minh Trí Vinh.....	33
Hình 3.3: Phương án thu gom nước thải của Nhà máy may Minh trí Vinh.....	34
Hình 3.4: Cấu tạo bể Bastaf xử lý nước thải sinh hoạt .....	35
Hình 3.5: Sơ đồ thu gom rác thải Nhà máy may Minh Trí Vinh.....	35

## MỤC LỤC

<b>I THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>1</b>
1.1. Tên dự án đầu tư.....	1
1.2. Chủ dự án.....	1
1.3. Địa chỉ liên hệ của Chủ dự án.....	1
1.4. Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.....	1
1.5. Phương tiện liên lạc với của chủ dự án.....	1
1.6. Địa điểm thực hiện dự án.....	1
1.7. Nội dung của dự án.....	2
1.8. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng.....	7
1.9. Tổng mức đầu tư, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án.....	10
<b>II CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>11</b>
2.1. Các loại chất thải phát sinh.....	11
2.2. Tác động do các rủi ro, sự cố.....	27
<b>III BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC</b> .....	<b>28</b>
3.1. Xử lý chất thải.....	28
3.2. Giảm thiểu tác động do các rủi ro, sự cố.....	37
<b>IV. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>40</b>
4.1. Các công trình xử lý môi trường.....	40
4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng.....	40
4.1.2. Giai đoạn vận hành của dự án.....	40
4.2. Chương trình giám sát môi trường.....	41
4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng.....	41
4.2.2. Giai đoạn vận hành của dự án.....	42
4.2.3. Chế độ báo cáo.....	42
<b>V. CAM KẾT THỰC HIỆN</b> .....	<b>43</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ tài nguyên và môi trường
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TC	: Tiêu chuẩn
UBND	: Ủy ban nhân dân
BTCT	: Bê tông cốt thép
BASTAF	: Bể tự hoại cải tiến
BVMT U.S	: Bảo vệ môi trường Mỹ
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
XLNT	: Xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
CP	: Cổ phần

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Vinh, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Kính gửi: Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam

Chúng tôi là: Công ty CP Minh Trí Vinh

Địa chỉ: Tổ 10, khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Xin gửi đến quý Cơ quan bản cam kết bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

**L THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên dự án đầu tư**

"Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An".

**1.2. Chủ dự án**

- Công ty CP Minh Trí Vinh

**1.3. Địa chỉ liên hệ của Chủ dự án**

- Tổ 10, khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

**1.4. Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án**

- Đại diện: Bà Nguyễn Hồng Hạnh; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

**1.5. Phương tiện liên lạc với của chủ dự án**

- Điện thoại: 038.3596072;

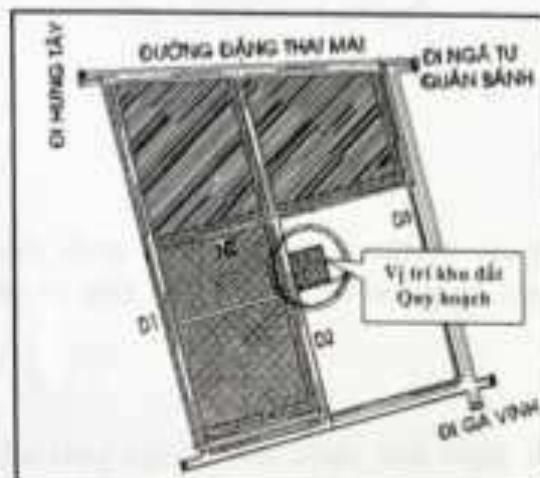
**1.6. Địa điểm thực hiện dự án**

Theo dự án đầu tư, vị trí khu đất quy hoạch xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An có vị trí ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Kho nông sản thực phẩm;
- Phía Nam giáp: Mương thoát nước;
- Phía Đông giáp: Hàng rào Khu công nghiệp Bắc Vinh;
- Phía Tây giáp: Đường D2, Khu công nghiệp Bắc Vinh.

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 8.635,66m<sup>2</sup>. Hiện trạng khu đất như sau:

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Khu đất quy hoạch dự án nằm trong KCN Bắc Vinh, hiện nay đang được UBND tỉnh cho phép Công ty CP Minh Trí Vinh lập quy hoạch triển khai dự án (Đã được UBND tỉnh Nghệ An cho phép chuyển đổi Dự án Nhà máy gạch bê tông nhẹ NAMIC của Công ty CP Đầu tư TM và XL VLXD Nghệ An sang Nhà máy may xuất khẩu tại KCN Bắc Vinh tại văn bản số 092/UBND-XD ngày 24/02/2014). Trong đó, tổng diện tích đất được xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt là 8.635,66m<sup>2</sup>. Hiện trạng khu đất tương đối bằng phẳng và đã được giải phóng mặt bằng (Công ty CP Đầu tư TM và XL VLXD Nghệ An chưa thực hiện xây dựng các hạng mục công trình trên phần đất nêu của Dự án).



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí khu đất

- *Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật:*

+ *Hiện trạng giao thông:* Dự án được quy hoạch nằm trong Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, giao thông đi lại đã được đầu tư xây dựng khá đồng bộ theo Quy hoạch chung. Trong đó, có các đường Quy hoạch D1, D2, D3, N2 và các đường lên xã. Đây là những tuyến đường chính của KCN có mật độ người, phương tiện lưu thông tương đối nhiều.

+ *Hiện trạng cấp điện:* Khu vực Quy hoạch dự án đã có nguồn điện lưới Quốc gia dọc theo tuyến đường quy hoạch D2 của KCN Bắc Vinh.

+ *Hiện trạng cấp nước:* Khu vực dự án đã có đường ống cấp nước nước sạch của thành phố D400 chạy dọc đường quy hoạch D2 của KCN Bắc Vinh đã được xây dựng hoàn chỉnh. Do đó, khi dự án đi vào hoạt động việc đầu nối khá thuận lợi.

+ *Hiện trạng thoát nước và vệ sinh môi trường:*

+ *Hiện tại, khu đất thực hiện dự án đã có hệ thống thoát nước hiện trạng, nước mặt chủ yếu chảy theo địa hình tự nhiên. Nước thải được xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của KCN Bắc Vinh dọc đường D2.*

+ *Thông tin liên lạc:* Khu đất nằm trong thành phố và Khu công nghiệp Bắc Vinh nên hệ thống thông tin, liên lạc đã có hoàn chỉnh.

## 1.7. Nội dung của dự án

### 1.7.1. Quy hoạch sử dụng đất

"Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An" có tổng diện tích là 8.635,66m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 5.259m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 60,1%. Trong đó, quy hoạch xây dựng các hạng mục công trình như sau:

Mái nhà: Được lắp đặt xà gỗ thép, kèo thép, Lợp tôn sóng màu xanh rêu dày 0,5mm, lớp cách nhiệt dày 50 và trần thạch cao;

Nền nhà: Được rải cát san nền đầm chặt, bê tông lót, vữa XM M75 dày 20 sau đó lát gạch chống trơn 200x200mm.

Thân nhà: Tường xây gạch đặc M75, vữa XM M5; Trát tường vữa xi măng M50 dày 15; Tất cả kết cấu thép sơn 1 lớp sơn chống gỉ, 2 lớp sơn trang trí.

Thoát nước mái: Nước mái thu qua hệ thống máng nước và các ống xối chảy vào các hố thu rồi đi vào hệ thống thoát nước chung.

- Nhà trực bảo vệ:

Nhà thường trực: Cao 1 tầng, có diện tích 9,0m<sup>2</sup>. Tường nhà xây gạch đặc M75, vữa xi măng M50, trát tường bằng vữa xi măng M50 dày 15, lu sơn màu vàng nhạt; Mái lợp tôn sóng dày 0,5mm. Nền lát gạch Grant 300x300mm. Nhà thường trực được sử dụng để làm phòng bảo vệ và nhà nghỉ cho lái xe. Vị trí nhà thường trực được bố trí tại 03 trong bản vẽ mặt bằng tổng thể kèm theo.

- Diện chiếu sáng và chống sét:

+ Giải pháp cấp điện: Nguồn cung cấp cho dự án được lấy từ các tủ điện hạ áp đặt tại các xưởng sản xuất của phân hạ tầng kỹ thuật (trong tủ có abtomat tổng, abtomat nhánh).

Chiếu sáng tự nhiên kết hợp với đèn Neon và đèn lóp, theo hệ thống dây dẫn đi ngầm.

Hệ thống điện trong công trình sẽ được bảo vệ theo nguyên lý chọn lọc và phân cấp từng tầng bằng các áp tô mát 3 cực và 1 cực.

Toàn bộ cáp và dây dẫn trong công trình sẽ dùng loại lõi đồng có cách điện XLPE và PVC có độ chịu nhiệt cao, cấp điện áp 0,6/1KV. Các cáp và dây dẫn nêu trên sẽ được luồn trong các ống nhựa, máng nhựa cứng PVC chống cháy kẹp sát tường, trần đến các phòng ban trong xưởng và các khu phụ trợ.

+ Hệ thống chống sét: Thiết kế theo tiêu chuẩn chống sét hiện hành, Cọc tiếp địa bằng hệ thống cọc thép L63 x 63 x 6 dài 2,5m, thanh tiếp địa dùng loại thép tròn  $\phi 14$  liên kết các cọc tiếp với nhau bằng liên kết hàn. Kim thu sét bằng thép trong  $\phi 16$ , đầu ma đồng vuốt nhọn, dây dẫn thu sét và tiếp địa bằng thép tròn  $\phi 10$ . Thiết kế, bố trí hệ thống đảm bảo điện trở tiếp đất  $\leq 10\Omega$ .

Hệ thống chống sét được thiết kế đồng bộ dùng hệ thống kim thu sét dọc theo mái và dây dẫn ra hệ thống tiếp địa cho cả công trình.

### 1.7.3. Quy mô, công suất và sản phẩm của Nhà máy

\* Quy mô, công suất:

Nhà máy may Minh trí của Công ty CP Minh Trí Vinh được đầu tư sản xuất hàng gia công và hàng F.O.B quy đổi theo áo Polo. Quy mô công suất của nhà máy như bảng sau:

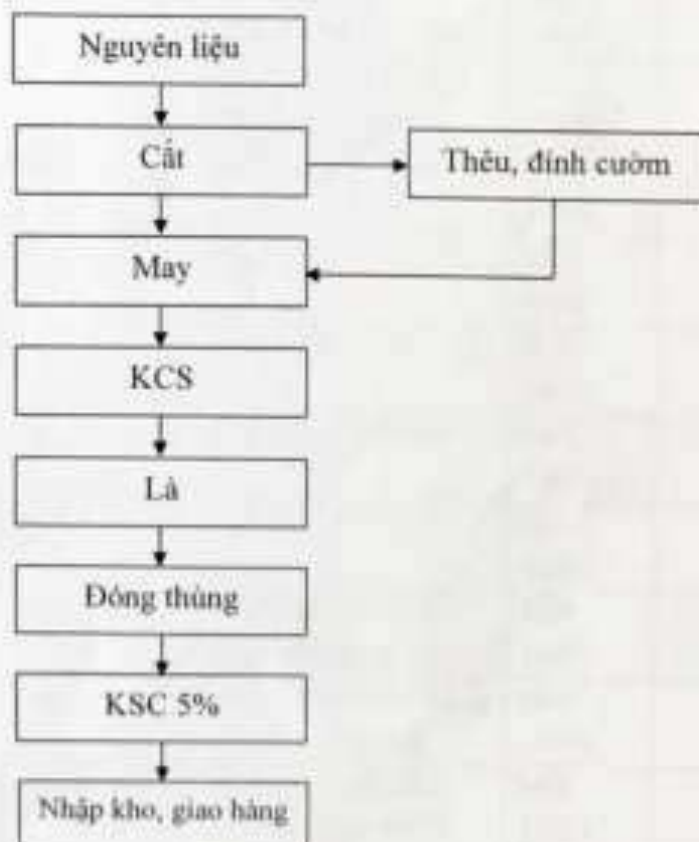
**Bảng 1.1: Quy mô, công suất Nhà máy may Minh trí Vinh**

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Quy mô	
			Năm thứ 1	Năm thứ 2
1	Hàng gia công (Quy đổi theo áo Polo)	Cái	750.000	1.200.000
2	Hàng F.O.B (Quy đổi theo áo Polo)	Cái	200.000	300.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>Cái</b>	<b>950.000</b>	<b>1.500.000</b>

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

Công suất của Nhà máy khi đi vào hoạt động đến năm thứ 2 đạt đến 1,5 triệu sản phẩm/năm và ổn định trong những năm tiếp theo.

**\* Công nghệ sản xuất:**



**Hình 1.2: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của Nhà máy**

**\* Danh mục các máy móc, thiết bị của Nhà máy:**

Nhà máy may Minh Trí của Công ty CP Minh Trí Vinh đi vào hoạt động sẽ sử dụng các loại máy móc, thiết bị chính sau để phục vụ cho quá trình sản xuất của Nhà máy:

**Bảng 1.2: Danh mục các máy móc, thiết bị của Nhà máy**

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Tình trạng	Số lượng
1	Máy băng 1 kim, cắt chỉ tự động	JUKI DDL-8700-7-0B/EC-10BF	Mới 100%	500
2	Máy băng 2 kim, cắt chỉ tự động	JUKI LH-3168SF	Mới 100%	30
3	Máy xén 2 kim 4 chỉ	JUKI MO-6714S-BE6-44H/G39/Q141	Mới 100%	200
4	Máy xén 2 kim 5 chỉ	JUKI MO-6714S-DE4-40H/E35	Mới 100%	25
5	Máy xén 2 kim 5 chỉ	PEGASUS W1562-01GX356CT	Mới 100%	125
6	Máy đính bọ	JUKI LK-1900ASS/MC-596KSS	Mới 100%	15
7	Máy đính bọ	JUKI LK-1903ASS-301/MC-596KSS	Mới 100%	20
8	Máy thừa khuyết	JUKI LBH-781U	Mới 100%	14
9	Máy đính cúc	JUKI MB377NS00S	Mới 100%	14
10	Máy cắt vòng	KM BK- 700	Mới 100%	1
11	Máy cắt tay	KM KS-AUV 10#	Mới 100%	25
12	Máy cắt đầu hàn	ESTNAMEC- 3	Mới 100%	14
13	Bàn hút chân không	VEIT AS 1450 (KT 130*80 không gói)	Mới 100%	8
14	Máy ép mex họng	VRIT AX450 (KT băng rộng 450mm)	Mới 100%	56
15	Hệ thống quạt thông gió công nghiệp	EOS50/1,5GALI 1,5Hp/50Hz/400V	Mới 100%	2
16	Tấm làm mát (KT 1800mmx600x150)	COOLING PADS	Mới 100%	691,2m <sup>2</sup>
17	Tấm phân phối nước	COOLING PADS	Mới	11,52m <sup>2</sup>



TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Tình trạng	Số lượng
	(KT 30mmx600x150)		100%	
18	Hệ thống cấp hơi đốt than	VN	Mới 100%	1
19	Máy phòng co vải bằng hơi nước	KBB-JB-5000F	Mới 100%	1
20	Hệ thống thiết kế mẫu, giác sơ đồ và nhảy cỡ sản phẩm		Mới 100%	1
21	Máy thêu vi tính TAJMA	TMFD-915	Mới 100%	1
22	Máy thêu vi tính TAJMA	TMFD-6918	Mới 100%	1
23	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	VN	Mới 100%	1

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

**\* Tổ chức quản lý và bố trí lao động:**

Dự kiến, số cán bộ công nhân viên của nhà máy là 1.500 người. Trong đó bố trí như sau:

- Cán bộ quản lý, văn phòng: 17 người;
- Cán bộ kỹ thuật, giám sát: 43 người;
- Công nhân trực tiếp sản xuất: 1.455 người.

**1.8. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng**

- Nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng: Theo Hồ sơ dự toán, Công ty CP Thiết kế xây lắp và Dịch vụ thương mại. Khối lượng nguyên vật liệu (xi măng, gạch đá, cát, sỏi, tôn...) xây dựng Dự án là 36.320,5 tấn, cụ thể như bảng sau:

**Bảng 1.3: Dự toán khối lượng nguyên vật liệu xây dựng**

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị	Khối lượng	Trọng lượng riêng (Tấn/m <sup>3</sup> )	Trọng lượng (Tấn)
1	Đá 1 x 2	m <sup>3</sup>	8.674,200	1,6	13.878,720
2	Đá 2 x 4	m <sup>3</sup>	1.388,620	1,55	2.152,361
3	Đá 4 x 6	m <sup>3</sup>	3.978,120	1,55	6.166,086
4	Đá hộc	m <sup>3</sup>	228,937	1,5	343,406
5	Gạch chỉ các loại	Viên	15.683,720	0,0023	36,073
6	Cát vàng	m <sup>3</sup>	2.274,320	1,45	3.297,764

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị	Khối lượng	Trọng lượng riêng (Tấn/m <sup>3</sup> )	Trọng lượng (Tấn)
7	Cát mịn	m <sup>3</sup>	2.459,940	1,38	3.394,717
8	Gỗ nẹp, gỗ giằng chống	m <sup>3</sup>	2.510,760	1,0	2.510,760
9	Gỗ ván khuôn	m <sup>3</sup>	3.568,120	0,77	2.747,452
10	Thép các loại	Kg	930.487,090	0,001	930,487
11	Xi măng	Kg	341.996,450	0,001	341,996
12	Xi măng trắng	Kg	95.898,960	0,001	95,899
13	Gạch Ceramic	m <sup>2</sup>	89.949,740	0,003	269,849
14	Sơn các loại	Kg	69.080,440	0,001	69,080
15	Tôn lamination	m <sup>2</sup>	10.740,980	0,008	85,928
<b>Tổng</b>					<b>36.320,5</b>

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

- Nhu cầu vật tư, thiết bị phục vụ Nhà máy may Minh Trí Vinh: Được cung cấp từ các Công ty tại Nghệ An, trong nước và nhập khẩu. Cụ thể:

**Bảng 1.4: Nguồn nguyên liệu và phụ liệu cho hoạt động SX của Nhà máy**

TT		Nguyên liệu	Phụ liệu
1	Hàng gia công xuất khẩu	Do bên thuê gia công cung cấp	Chỉ may, thùng coston, băng dính.
2	Hàng F.O.B	Vải mua trong nước hoặc nhập khẩu	Chỉ may, thùng coston, băng dính, móc, cúc.

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

Nhu cầu về nguyên vật phục vụ sản xuất của Nhà máy bao gồm:

**Bảng 1.5: Nhu cầu về nguyên vật liệu sản xuất**

TT	Tên vật tư	DVT	Số lượng	F.O.B	Cho toàn nhà máy
1	Vải	Tấn	120		120
2	Chỉ	Tấn	45		45
3	Thùng cát tông	Tấn	32		32
4	Ni lông	Tấn	25		25
5	Phụ liệu gia công	Tấn		110	110
6	Nhiên liệu đốt (than)	Tấn	15		15

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

- Cấp điện: Nguồn cấp điện cho Nhà máy may Minh Trí Vinh, các công trình khác đều lấy trên hệ thống điện của thành phố Vinh khu vực xã Hưng Đông. Dự án sẽ xây dựng 1 trạm biến áp phía Nam dự án với 1 máy biến áp công suất 360KVA-10/0,4KV.

- Cấp nước: Nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt được lấy từ nguồn nước sạch của thành phố Vinh khu vực xã Hưng Đông, từ hệ thống nước sạch được dự trữ thông qua bể nước được thiết kế xây dựng dùng kỹ thuật tại thiết kế dự án. Nhu cầu sử dụng nước được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 1.6: Nhu cầu sử dụng nước của dự án**

Loại lao động	Số lượng (người)		TCXDVN 33: 2006 (l/người/ca)	K <sub>an</sub>	Lưu lượng (m <sup>3</sup> )
	NN	VN			
Cán bộ quản lý, văn phòng	2	15	25	3	1,275
Cán bộ kỹ thuật, giám sát	3	40	25	3	3,975
Công nhân trực tiếp sản xuất		1.445	25	3	85,88
<b>Tổng cộng</b>					<b>91,13</b>

*Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014*

Như vậy, lưu lượng nước cấp cho Nhà máy may Minh Trí Vinh khi đi vào hoạt động là 91,13m<sup>3</sup>/ngày (Mỗi ngày làm việc 1 ca 12 tiếng).

- Lưu lượng nước cấp cho cứu hỏa (tính cho 3 giờ cháy liên tục):

**Bảng 1.7: Lưu lượng nước cấp cho cứu hỏa**

TT	Đối tượng sử dụng	Quy mô	Tiêu chuẩn	Công suất	Đơn vị
1	Nước chữa cháy ngoài nhà (Q <sub>cc1</sub> )	3h	10 l/s (36m <sup>3</sup> /h)	108	m <sup>3</sup>
2	Nước chữa cháy trong nhà (Q <sub>cc2</sub> )	N= 2	2,5 l/s	54	m <sup>3</sup>
<b>Tổng cộng</b>				<b>162</b>	<b>m<sup>3</sup></b>

*Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014*

Theo thiết kế cơ sở và bản vẽ mặt bằng tổng thể, Chủ dự án sẽ xây dựng một bể nước ngầm có thể tích là 100m<sup>3</sup>, bể này phục vụ để cấp nước cho nước sinh hoạt trong Nhà máy và đồng thời là bể nước cấp để phòng cháy chữa cháy. Công ty cũng sử dụng công nghệ cột áp lực và sử dụng cột tháp nước trong đó xây dựng một nhà chứa 6 máy bơm bao gồm 2 máy bơm xăng dùng để chữa cháy, 2 máy bơm dầu để chữa cháy, 2 máy bơm còn lại dùng để bơm nước sinh hoạt cho CBCNV trong Nhà máy.

- Thoát nước mưa và nước thải: Căn cứ vào hiện trạng thoát nước của khu vực. Hệ thống thoát nước trong khu vực được thiết kế hoàn toàn mới, nước mưa và nước thải được thu gom theo các đường ống riêng biệt, các tuyến mương được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy đảm bảo tiêu thoát nước cho cả khu vực. Nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước nằm dưới vỉa hè của các tuyến giao thông nội bộ rồi thoát ra hệ thống mương thoát nước của KCN Bắc Vinh dọc đường D2.

Thoát nước thải: Nước thải từ Nhà máy may Minh Trí Vinh được thu gom bằng các hệ thống ống đung vào hồ ga tới bể tách dầu mỡ (Nước thải rửa tay chân, nhà ăn,...) và bể tự hoại cải tiến BASTAF (nước thải vệ sinh) để xử lý cục bộ. Sau đó, nước thải được dẫn theo hệ thống mương thoát nước thải chung tới hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Vinh để xử lý nước đạt quy chuẩn (QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B) trước khi được bơm ra hệ thống mương thoát nước thải của KCN.

Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải tính bằng 80% lượng nước cấp dành cho sinh hoạt của dự án:

$$Q_{NT,max} = Q_{ngày,max} \times 80\% = 91,13 \times 0,80 = 73,0 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

#### 1.9. Tổng mức đầu tư, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án

- Tổng mức đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại KCN Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư 13.745.278.000 đồng (Mười ba tỷ, bảy trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn), cụ thể ở bảng sau:

**Bảng 1.8: Tổng mức đầu tư xây dựng Nhà máy**

TT	Hạng mục công trình	Thành tiền (USD)
<b>1</b>	<b>Vốn cố định</b>	<b>13.046.782.000</b>
1.1	Chi phí xây lắp	3.946.910.000
1.2	Chi phí thiết bị	7.271.000.000
1.3	Chi phí khác	731.773.000
1.4	Bảo hiểm công trình	10.764.000
1.5	Dự phòng phí	1.086.335.000
<b>2</b>	<b>Vốn lưu động</b>	<b>698.496.000</b>
<b>Tổng cộng (1+ 2)</b>		<b>13.745.278.000</b>

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

+ Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

+ Hình thức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện dự án, quản lý dự án theo quy định hiện hành.

- Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty và vốn vay Ngân hàng.

- Tiến độ thực hiện dự án: Sau 12 tháng hoàn thành các thủ tục liên quan đến khởi công xây dựng dự án và sau 24 tháng kể từ ngày UBND tỉnh Nghệ An ký quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng xong các hạng mục thuộc quy hoạch.

## II. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đây là dự án xây dựng hoàn chỉnh một Nhà máy may Minh Trí Vinh tại KCN Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An. Các nguồn gây ra các tác động đến môi trường đất, nước, không khí đến các điều kiện vật lý, hóa học, sinh học và các điều kiện kinh tế xã hội phát sinh trong các giai đoạn chủ yếu: Giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn vận hành (hoạt động) của dự án.

Các tác động tới môi trường được trình bày cụ thể như sau:

### 2.1. Các loại chất thải phát sinh

#### 2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

##### 2.1.1.1. Nguồn gây tác động

Dự án xây dựng Nhà máy may nên giai đoạn thi công xây dựng sẽ gây ảnh hưởng tới môi trường là chủ yếu, các nguồn gây tác động, các loại chất thải phát sinh và thành phần của các chất gây ô nhiễm được thể hiện cụ thể ở bảng sau:

**Bảng 2.1: Nguồn gây tác động và các thành phần gây ô nhiễm**

TT	Nguồn gây ô nhiễm	Chất thải phát sinh	Thành phần của các chất gây ô nhiễm
1	- Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng Dự án. - Hoạt động máy móc thi công xây dựng Nhà máy may.	Bụi, khí thải và tiếng ồn	- Bụi - Tạo ra các loại khí thải: SO <sub>x</sub> , CO <sub>x</sub> , NO <sub>x</sub> , VOC, C <sub>n</sub> H <sub>m</sub> ... - Tiếng ồn
2	Nước thải sinh hoạt của cán bộ và công nhân thi công xây dựng Dự án.	Nước thải	- Nước thải chứa chất hữu cơ dễ phân hủy, chất rắn lơ lửng, VSV gây bệnh...
3	Nước mưa chảy tràn.		- Chứa nhiều cặn lơ lửng (đất, cát...)
4	Nước rửa xe, máy móc, dụng cụ thi công xây dựng.		- Chứa đất, cát, dầu mỡ...
5	Phát sinh từ quá trình thi công xây dựng Nhà máy.	Chất thải rắn	- Rơi vãi vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi, xi măng...), dè lau dính dầu

TT	Nguồn gây ô nhiễm	Chất thải phát sinh	Thành phần của các chất gây ô nhiễm
			mỡ,...
6	Sinh hoạt của cán bộ và công nhân thi công xây dựng		- Thực phẩm thừa, giấy loại, túi bóng,...

### 2.1.1.2. Đối tượng và quy mô bị tác động

- Môi trường không khí: Tác động đến môi trường chủ yếu trong quá trình GPMB, thi công xây dựng dự án. Tuy nhiên, ô nhiễm không khí ở giai đoạn này chỉ mang tính tạm thời trong thời gian thi công công trình (24 tháng).

- Hệ thống thoát nước: Nước mưa, nước chảy tràn trong quá trình thi công công trình cuốn theo đất, đá có thể làm ứ đọng hệ thống thoát nước chung.

- Sức khỏe và sinh hoạt của cộng đồng: Tác động của ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe cộng đồng chủ yếu là công nhân thi công dự án và dân cư xung quanh khu vực dự án.

Rơi vãi vật liệu, chất thải và các chất độc hại trong quá trình vận chuyển cũng như tai nạn giao thông (do tăng mật độ phương tiện tham gia giao thông) sẽ tác động mạnh tới an toàn và sức khỏe cộng đồng dọc tuyến đường liên xã, đường Quy hoạch D2 (Khu công nghiệp) khu vực Dự án.

- Thẩm mỹ cảnh quan: Khi thi công sẽ sinh ra một lượng đất đá, vật liệu xây dựng thải nếu không được xử lý tốt sẽ gây mất vệ sinh chung và thẩm mỹ toàn khu vực.

### 2.1.1.3. Đánh giá các tác động

#### a) Tác động đến môi trường không khí

Việc vận chuyển nguyên vật liệu thi công, xây lắp... sẽ gây nên một số tác động đến môi trường không khí do phát sinh các yếu tố ô nhiễm sau:

- Bụi do vận chuyển nguyên vật liệu, bụi cuốn lên từ đường giao thông do phương tiện, con người tạo nên trong quá trình thi công.

- Khí thải của các phương tiện vận tải, máy móc thi công... chứa bụi, các khí: SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, THC, hợp chất chì từ khói xăng dầu.

- Tiếng ồn và độ rung của phương tiện thi công cơ giới, xe vận tải.

#### \* Ô nhiễm do bụi:

Tác nhân ô nhiễm chính trong giai đoạn thi công xây dựng là bụi. Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất đá, nguyên vật liệu và thi công xây dựng xây dựng Dự án... sẽ gây ô nhiễm môi trường cục bộ tại khu vực Dự án, các công trình, hộ dân dọc tuyến đường vận chuyển.

Khi vận chuyển do rung động và gió, bụi từ đất, cát ở trên xe và đất cát trên đường sẽ cuốn theo gió làm phát sinh bụi. Tùy theo điều kiện chất lượng đường,

phương thức bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu mà bụi phát sinh nhiều hay ít. Nồng độ bụi sẽ tăng cao trong những ngày trời nắng, phạm vi phát tán có thể lên đến 200m nếu gặp những ngày có gió lớn. Khối lượng bụi được tính toán cụ thể như sau:

- Bụi do vận chuyển nguyên vật liệu thi công:

Theo dự toán, khối lượng nguyên vật liệu (xi măng, gạch đá, cát, sỏi, tôn,...) vận chuyển để thi công xây dựng Dự án khoảng 36.320,5 tấn (Theo Hồ sơ dự toán, Công ty CP Thiết kế xây lắp và Dịch vụ thương mại). Sử dụng xe ô tô có trọng tải 8 tấn, như vậy số lượt xe vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng Dự án là  $36.320,5/8 = 4.540$  lượt xe.

Quy ước, cứ 2 xe không tải bằng 1 xe có tải. Vậy tổng số lượt xe sử dụng để vận chuyển nguyên vật liệu thi công là:  $4.540 + (4.540/2) = 6.810$  lượt xe/2 năm, tương đương 3.405 lượt xe/năm.

Tùy theo chất lượng đường sá, bốc dỡ và tập kết nguyên liệu mà ô nhiễm phát sinh nhiều hay ít. Nồng độ bụi sẽ tăng cao trong những ngày khô, nắng gió.

Tính tải lượng bụi trong quá trình vận chuyển (Theo WHO, 1993) như sau:

$$L = 1,7K \left[ \frac{s}{12} \right] \times \left[ \frac{S}{48} \right] \times \left[ \frac{W}{2,7} \right]^{0,7} \times \left[ \frac{w}{4} \right]^{0,5} \times \left[ \frac{365 - p}{365} \right] \quad (*)$$

Trong đó:

- L : Tải lượng bụi (kg/km/lượt xe/năm);
- K : Kích thước hạt (0,2);
- s : Lượng đất trên đường (8,9%);
- S : Tốc độ trung bình của xe (20 km/h);
- W : Trọng lượng có tải của xe (8 tấn);
- w : Số bánh xe (6 bánh);
- P : Số ngày hoạt động trong năm, P = 288 ngày.

Từ công thức (\*) thay số tính toán ta được  $L = 0,085$  kg/km/lượt xe/năm. Với quãng đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công trung bình 20km (lượt đi và về). Như vậy, tải lượng ô nhiễm bụi do vận chuyển là  $0,085$  kg/km/lượt xe/năm  $\times 20$  km  $\times 3.405$  lượt xe/năm = 5.788,5 kg bụi/lượt/năm = 20,09 kg bụi/ngày trong suốt quá trình chuẩn bị và thi công xây dựng dự án.

Quá trình vận chuyển sẽ phát sinh bụi, thông thường giá trị hàm lượng bụi lơ lửng đo được tại khu vực thi công dao động trong khoảng 0,9- 2,7 mg/m<sup>3</sup> tức cao hơn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh 3- 9 lần (QCVN 05: 2009/BTNMT quy định nồng độ bụi: 0,3mg/m<sup>3</sup> trung bình 1 giờ). Tải lượng bụi lớn và tỷ trọng bụi cao (d= 1,6 - 2,0). Tuy vậy, phát tán của bụi trong không khí không lớn nên chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân lao động tại công

trường, nhân dân dọc tuyến đường vận chuyển. Lượng bụi trên sẽ giảm nhiều trong điều kiện mùa mưa khi đất, cát bị ướt.

Tuy nhiên, ô nhiễm bụi sẽ giảm vì chất lượng đường giao thông quanh khu vực vận chuyển khá tốt và đơn vị thi công, chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm như tưới ẩm đường, vệ sinh mặt bằng, tạo độ ẩm cho nguyên vật liệu,...

**\* Ô nhiễm do khí thải từ các phương tiện giao thông:**

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu DO có trọng tải 3,5- 10 tấn ở Bảng 2.2, có thể ước tính được tổng lượng bụi và các chất ô nhiễm trong khí thải phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng như ở Bảng 2.3 dưới đây.

**Bảng 2.2: Hệ số ô nhiễm của các phương tiện giao thông**

Đơn vị: kg/km

Trọng lượng xe	Bụi	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>	CO	VOC
< 3,5 tấn	0,20	1,16S	0,70	1,00	0,15
3,5 - 10 tấn	0,90	4,29S	11,8	6,00	2,60

Nguồn: Handbook of emission, Non Industrial source, Netherlands

**Bảng 2.3: Ước tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (Xe tải 8 tấn)**

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (kg/km)	Tổng chiều dài (km)	Tải lượng	
				kg/24 tháng	kg/ngày
1	Bụi	0,9	20	18,0	0,025
2	SO <sub>2</sub>	4,15S	20	0,4	0,0005
3	NO <sub>x</sub>	11,4	20	228	0,32
4	CO	4,5	20	90	0,125
5	THC	0,8	20	16	0,02
6	VOC	2,3	20	46	0,064

**Ghi chú:**

- S là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (0,5%);
- Quãng đường vận chuyển trung bình cho 1 chuyến xe được ước tính là 20 km (cả lượt đi và về).

Bụi cùng với các khí NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, THC và VOC từ các phương tiện giao thông sẽ làm ô nhiễm không khí xung quanh. Gia tăng các khí gây hiệu ứng nhà



kinh, ảnh hưởng đến chất lượng không khí từ đó tác động lên các yếu tố môi trường, con người và sinh vật.

Tuy nhiên, các nguồn gây ô nhiễm trên mang tính tạm thời, không liên tục, phân tán và tùy thuộc vào cường độ thi công, khối lượng xe cơ giới, lưu lượng người. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường không lớn. Đồng thời, trong quá trình thực hiện Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu.

**\* Ô nhiễm tiếng ồn và độ rung:**

Việc sử dụng máy móc thi công, xe vận tải nặng cũng gây ra tiếng ồn cho môi trường xung quanh. Để tính bán kính ảnh hưởng của tiếng ồn chúng tôi sử dụng công thức Mackerminze, 1985 để tính toán mức ồn:

$$Lp(X) = Lp(X_0) + 20\lg(X_0/X)$$

Trong đó:

$Lp(X_0)$  : Mức ồn cách nguồn 1m (dBA)

$X_0$  : 1m

$Lp(X)$  : Mức ồn tại vị trí cần tính toán (dBA)

$X$  : Vị trí cần tính toán

**Bảng 2.4: Kết quả tính toán và dự báo độ ồn cho khu vực dự án**

TT	Loại máy móc	Mức ồn ứng với khoảng cách 1m		Mức ồn ứng với khoảng cách					
		Khoảng	TB	5m	10m	20m	50m	100m	200m
1	Xe tải	82- 94	88	74,0	68,0	62,0	54,0	48	42
2	Cần trục di động	76- 87	81,5	67,5	61,5	55,5	47,5	41,5	35,5
3	Máy ép cọc	74- 90	82,0	79,3	75,1	68,4	56,5	50,5	44,8
4	Máy xúc	72 - 84	78,0	76,8	67,1	52,1	38,3	28,3	20,4
5	Máy phát điện	72- 82,5	77,2	63,2	57,2	51,2	43,2	37,2	31,2

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn:

- Khu vực đặc biệt: 55 dBA (6h- 21h);

- Khu vực thông thường: 70 dBA (6h- 21h).

*Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB KH&KT, Hà Nội 1997*

Tiếng ồn cao hơn Quy chuẩn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe như mất ngủ, mệt mỏi, tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động của công nhân khu vực sản xuất làm họ kém tập trung tư tưởng dễ dẫn đến tai nạn lao động.

Kết quả tính toán ở Bảng 2.4 cho thấy mức độ ồn giảm dần theo khoảng cách so với điểm nguồn:  $X > 100\text{m}$ , mức độ ồn thấp hơn QCVN 26: 2010/BTNMT; Dự án tiếp giáp với khu dân cư xã Hưng Đông và công nhân KCN Bắc Vinh nên tác động của tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân thi công xây dựng và dân cư khu vực dự án.

#### **b) Tác động đến môi trường nước**

##### **\* Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:**

Nước mưa chảy tràn giai đoạn này là loại nước sinh ra do lượng nước mưa rơi rải trên mặt bằng  $8.635,66\text{m}^2$ . Nước mưa chảy tràn có chất lượng phụ thuộc vào độ sạch của khí quyển và lượng các chất rửa trôi trên mặt bằng khu vực dự án.

Tại khu vực thi công xây dựng Dự án, chất lượng nguồn thải nước mưa chảy tràn chỉ phụ thuộc vào bề mặt mặt bằng khu vực thi công do hiện trạng chất lượng môi trường không khí của khu vực dự án là khá tốt, không thể làm ô nhiễm được nguồn nước mưa của khu vực.

Thành phần ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn ở giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu gồm các chất lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi, dầu mỡ. Đặc biệt, trong giai đoạn này bề mặt mặt bằng thi công chưa hoàn thiện, dễ bị rửa trôi và xói bề mặt.

Lượng nước lớn nhất rơi trực tiếp xuống công trường thi công trong mùa mưa và có thể ước tính tải lượng nước lớn nhất chảy tràn trên bề mặt trong 1 ngày như sau:

Diện tích khu vực dự án là  $8.635,66\text{m}^2$ , cường độ mưa lớn nhất ngày là  $275\text{mm/ngày}$ . Do đó, lưu lượng nước mưa chảy qua mặt bằng Dự án được tính theo công thức sau:

$$Q = w \times q \times F = 0,5 \times 275 \times 10^{-3} \times 8.635,66 = 118,403 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng tính toán ( $\text{m}^3$ );

w: Hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ của khu vực tính toán, chọn  $w = 0,5$ ;

q: Cường độ mưa lớn nhất ngày ( $q = 275 \text{ mm/ngày}$ );

F: Diện tích Dự án ( $F = 8.635,66\text{m}^2$ ).

Ước tính khoảng 30% lượng nước mưa ngấm xuống đất và bốc hơi, do đó lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt là:  $118,403 \times 0,7 = 82,88 \text{ m}^3\text{/ngày}$ .

Lượng nước mưa tại bề mặt Dự án là tương đối lớn. Do đó, cần tính toán và xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước khu vực dự án.

##### **\* Ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của công nhân:**

Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực xây dựng Dự án là nguyên

nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng nước khu vực xung quanh. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất cặn bã, chất hữu cơ dễ phân huỷ, chất dinh dưỡng và các vi khuẩn gây bệnh nên có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm nếu không được xử lý.

Dựa vào khối lượng các chất ô nhiễm thể hiện trong Báo cáo hiện trạng nước thải đô thị - Viện KH và CNMT - Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2006, khối lượng các chất ô nhiễm mỗi người thải vào môi trường hàng ngày được đưa ra trong Bảng 2.5 như sau:

**Bảng 2.5: Dự báo khối lượng các chất ô nhiễm do mỗi người phát sinh hàng ngày**

TT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	45 - 54
2	Chất rắn lơ lửng	70 - 145
3	Dầu mỡ phi khoáng	10 - 30
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo nitơ)	6 - 12
5	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (tính theo photpho)	0,8 - 4,0
6	Coliform	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup> MPN/100ml

*Nguồn: Báo cáo hiện trạng NTĐT- Viện KH&CNMT- ĐHBKHN, 2006*

Số lượng công nhân tham gia thi công xây dựng Dự án dao động khoảng 15-30 người/ngày (Không tổ chức lán trại cho công nhân, công nhân về nhà cuối mỗi ngày làm việc). Với định mức sử dụng nước là 100 lít nước/người/ngày (Theo TCXD 33- 2006), lượng nước thải phát sinh bằng 80% lượng nước cấp (80 lít/người/ngày) thì tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường hàng ngày khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày (ngày cao điểm có 30 công nhân lao động tại công trường). Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại khu vực xây dựng Dự án được tính dựa vào khối lượng chất ô nhiễm, số lượng công nhân, lưu lượng nước thải, kết quả được trình bày trong Bảng 2.6 dưới đây:

**Bảng 2.6: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm (kg/ngày)	Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trước xử lý (mg/l)	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
1	BOD	4,5 - 5,4	563 - 675	50
2	TSS	7,0 - 14,5	875 - 1813	100
3	Dầu mỡ ĐTV	1,0 - 3,0	125 - 375	20
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo nitơ)	0,6 - 1,2	75 - 150	50
5	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (tính theo P)	0,08 - 0,40	10 - 50	10
6	Coliform		10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup> MPN/100ml	5000 MPN/100ml

**Ghi chú:** QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Với kết quả tính toán ở Bảng 2.6 trên cho thấy nước thải sinh hoạt không được xử lý thì nồng độ các chất ô nhiễm vượt rất nhiều so với quy chuẩn QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B). Nếu không xây dựng, lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý thì hàng ngày sẽ có một lượng lớn chất ô nhiễm thải ra môi trường. Đây là nguồn ô nhiễm đáng kể, tác động trực tiếp tới môi trường sống của công nhân và nhân dân quanh khu vực dự án, gây dịch bệnh và ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường nước ngầm và nước mặt. Lượng nước thải sinh hoạt này Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, cụ thể giải pháp được nêu ở mục III của báo cáo này.

**\* Ô nhiễm do nước thải thi công:**

Nước thải phát sinh từ quá trình thi công tại Dự án do rửa nguyên liệu, thiết bị, máy móc, nước đường hộ bê tông, rửa bánh xe,... Đặc tính của loại nước thải này có hàm lượng chất rắn lơ lửng và các chất hữu cơ cao, lưu lượng khoảng  $1,0m^3$ /ngày, thành phần nước thải này chứa các chất như pH, SS, COD,  $NH_4^+$ , nitơ, photpho, dầu mỡ,... Lượng nước này tuy không nhiều nhưng nếu không được xử lý mà xả thẳng ra môi trường sẽ làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước dưới đất và cảnh quan khu vực cũng như sức khỏe của công nhân thi công xây dựng.

**c) Tác động do chất thải rắn**

**\* Ô nhiễm do chất thải rắn xây dựng:**

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công bao gồm: Bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, bê tông, sắt thép vụn,... Khối lượng các chất thải rắn này phát sinh phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như quá trình xây dựng và chế độ quản lý dự án, nguồn cấp vật liệu xây dựng,... Do vậy, tải lượng thải của nguồn thải này khó có thể ước tính chính xác.

Tuy nhiên, theo kinh nghiệm xây dựng các công trình dân dụng tại Việt Nam, Chủ đầu tư cam kết nguồn thải này không có những tác động lớn tới môi trường khu vực và các biện pháp giảm thiểu áp dụng với nguồn thải này sẽ giảm thiểu triệt để mức độ ô nhiễm cũng như khối lượng phát sinh nguồn thải ra môi trường xung quanh.

**\* Ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh do quá trình sinh hoạt của công nhân tại công trường, thành phần chủ yếu của CTRSH là túi nilông, giấy vụn, bao gói thức ăn thừa...)

Ước tính, mỗi công nhân làm việc tại khu vực Dự án thải ra khoảng 1,3 kg rác thải sinh hoạt mỗi ngày. Chất thải sinh hoạt này nhìn chung chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân huỷ (trừ bao bì, nylon). Nếu tính thời điểm thi công cao điểm mỗi ngày tại khu vực Dự án có 30 công nhân làm việc, thì tổng khối lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày là  $1,3kg \times 30 = 39kg$ /ngày.

Lượng rác thải này nếu không được quản lý thu gom hiệu quả sẽ gây tác động đến nguồn nước mặt, nước ngầm, gây nên mùi hôi thối khó chịu tại khu vực Dự án do quá trình phân hủy và cuốn trôi của nước mưa. Các chất thải vô cơ khó phân hủy như chai lọ, túi nilon và các vật dụng khác có mặt trong nước sẽ làm mất mỹ quan, ảnh hưởng đến chất lượng nước và làm giảm khả năng khuếch tán oxy vào nước qua đó tác động đến các sinh vật thủy sinh.

Để khắc phục ảnh hưởng này Chủ đầu tư đã đưa ra một số phương pháp khắc phục nêu cụ thể ở mục III của báo cáo này.

**\* Ô nhiễm do chất thải rắn nguy hại:**

Hoạt động bảo dưỡng phương tiện nếu thực hiện ngay tại công trường cũng có thể gây phát sinh cặn dầu nhớt, vỏ chai, thùng đựng dầu nhớt và giẻ lau nhiễm dầu nhớt... Đây là các dạng chất thải nguy hại, khối lượng phát sinh khoảng 0,1kg/ngày. Nhưng khi phát sinh Chủ Dự án, đơn vị thi công cho thu gom ngay để lưu giữ và xử lý theo quy chế CTNH, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường khu vực.

Các tác động do chất thải rắn phát sinh là đáng kể nhưng chỉ xảy ra trong thời gian ngắn (thời gian thi công công trình 24 tháng) và chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của công nhân thi công xây dựng tại công trường và dân cư khu vực dự án.

**d) Tác động đến kinh tế- xã hội của dự án**

**\* Tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng:**

- Đối với vấn đề an toàn lao động: Việc bốc dỡ, vận chuyển vật liệu và thi công xây dựng, sử dụng điện trong thi công... đều có khả năng xảy ra tai nạn và sự cố, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của công nhân và người dân sống xung quanh nếu không có biện pháp an toàn và phòng ngừa phù hợp.

- Đối với sức khỏe cộng đồng, đây là vấn đề cần được quan tâm nhất, vì với việc tập trung một lực lượng lao động không nhỏ của dự án, các thiết bị thi công trong thời gian 24 tháng sẽ có ảnh hưởng đến các hộ dân sống ở khu vực xung quanh và trên các tuyến đường vận chuyển (đường Quy hoạch D2, đường liên phường...) vào khu vực Dự án... Bởi vậy, việc triển khai các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường (đặc biệt là ô nhiễm bụi, ồn) là rất cần thiết. Công nhân thi công ngoài trời trong điều kiện thời tiết không thuận lợi sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh dịch có thể xảy ra và ảnh hưởng tới khu vực cộng đồng nhân dân xung quanh.

**\* Tác động đến giao thông và trật tự vệ sinh đường giao thông:**

Trong giai đoạn thi công xây dựng, số lượng xe tải được sử dụng cho vận chuyển đất nguyên vật liệu xây dựng là tương đối lớn. Tuyến đường chính là các đường Quy hoạch D2, đường liên phường... Vì vậy, hoạt động của các xe tải có thể gây cản trở tới giao thông trên các tuyến đường này.

Sự gia tăng mật độ giao thông trong khu vực do các xe tải phục vụ xây dựng Dự án sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra các tai nạn giao thông trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

Vi vậy, trong quá trình thi công xây dựng Chủ dự án và Đơn vị thi công phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu nhằm phòng ngừa tai nạn, tắc nghẽn giao thông.

### 2.1.2. Giai đoạn vận hành của dự án

#### 2.1.2.1. Nguồn gây tác động

Trong quá trình hoạt động của Nhà máy may Minh Trí Vinh sẽ sinh ra chất thải từ các nguồn sau: Nước thải, nước mưa chảy tràn và chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất từ văn phòng làm việc, xưởng sản xuất trong dự án, khí thải từ quá trình là hơi (do đốt lò hơi bằng than). Ngoài ra, còn có các tác động không liên quan tới chất thải như: Tiếng ồn phát sinh do hoạt động của phương tiện xe ô tô, xe máy của CBCNV, công nhân ra vào dự án, sự cố cháy nổ sinh ra từ các sự cố máy móc, điện.

#### 2.1.2.2. Đối tượng và quy mô bị tác động

Bên cạnh những mặt tích cực, Dự án có thể gây ra các tác động tiêu cực đến các đối tượng sau: Môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, người dân sống quanh khu vực dự án. Quy mô bị tác động chính trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động được trình bày như bảng sau:

**Bảng 2.7: Đối tượng, quy mô bị tác động giai đoạn hoạt động**

TT	Đối tượng bị tác động	Quy mô bị tác động
1	Môi trường không khí	- Không đáng kể, nằm trong khả năng chịu tải của môi trường
2	Môi trường nước	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và nước dưới đất quanh khu vực dự án. - Thời gian tác động: Diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của Nhà máy.
3	Chất thải rắn	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và nước dưới đất, cảnh quan quanh khu vực dự án. - Thời gian tác động: Diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của Nhà máy.
4	Người dân sống quanh khu vực dự án	- Ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sống quanh khu vực thực hiện dự án. - Thời gian tác động: Diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của Nhà máy.

#### 2.1.2.3. Đánh giá các tác động

##### a) Tác động đến môi trường không khí

Khi nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh đi vào hoạt động, các nguồn phát sinh khí thải gây ô nhiễm môi trường bao gồm:

**\* Đối với bụi và khí thải giao thông:**

Khi Dự án đi vào hoạt động, các phương tiện giao thông cũng sẽ là một nguồn phát sinh ô nhiễm do khí thải. Các loại phương tiện ra vào khu này bao gồm: Xe ô tô, xe mô tô của cán bộ và công nhân làm việc trong Nhà máy và một lượng xe tải vận chuyển nguyên liệu (vải, da,...) vào và sản phẩm gang tay ra khỏi nhà máy.

Trong quá trình hoạt động, các phương tiện vận tải này với nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khói thải tương đối lớn chứa các chất ô nhiễm như  $\text{NO}_2$ , CO,  $\text{CO}_2$ , VOC...

Nồng độ các khí này phụ thuộc vào mật độ xe và chủng loại xe chạy qua khu vực.

Tuy nhiên, do lưu lượng xe ra vào khu nhà không liên tục và khu vực dự án rộng, thoáng đãng và quanh nhà máy có trồng nhiều loại cây bóng mát, nên ảnh hưởng của loại ô nhiễm này là không đáng kể.

**\* Đối với bụi từ quá trình sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất của nhà máy có làm phát sinh bụi từ các công đoạn như:

- Công đoạn cắt vải: Lượng bụi phát sinh chủ yếu trong việc trải vải.
- Công đoạn may: Nguyên liệu sau khi cắt được chuyển lên xưởng may để hoàn thành sản phẩm và trong quá trình này phát sinh bụi nhưng rất ít.
- Công đoạn dập: Các loại bụi vải, sợi bông trong các nguyên liệu vải, da sẽ phát sinh trong quá trình dập.
- Công đoạn đóng gói sản phẩm: Bụi phát sinh do hoạt động sắp gang tay vào thùng, hộp.

Tác hại nguy hiểm nhất của bụi là gây nên các bệnh phổi nhiễm bệnh. Một số bệnh rất nguy hiểm gây bệnh ung thư và tiếp tục tiến triển và dẫn đến tử vong.

- Bụi gây nên bệnh hô hấp.
- Bụi gây các bệnh ngoài da: Nhiễm trùng da,...
- Bụi gây chấn thương mắt: Viêm màng tiếp hợp, viêm mi mắt. Bụi kiềm, axit gây bỏng giác mạc nếu nặng sẽ gây mù.

Nhìn chung, lượng bụi phát sinh ở các nguồn nêu trên rất ít không đáng kể, chính vì vậy mà đối với bụi Công ty sẽ xây dựng các nhà xưởng sản xuất thông thoáng và có các quạt hút gió để kiểm soát, giảm thiểu chất ô nhiễm, trang bị bảo hộ lao động cụ thể như: Gang tay, mặt nạ, kính, quần áo lao động cho công nhân.

**\* Đối với bụi, khí thải phát sinh do đốt lò hơi:**

Tác động đến môi trường không khí trong giai đoạn này chủ yếu là do quá trình sử dụng lò hơi, thành phần như sau (Lắp đặt 01 lò hơi với lượng than sử dụng), nồng độ phát thải như sau:

**Bảng 2.8: Thành phần hóa học của nguồn nguyên liệu sử dụng (than kiplé)**

TT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Nhiệt trị	Kcal/kg	6000- 6500
2	Độ ẩm	%	5
3	Độ tro (A)	%	20,99
4	Tỷ lệ Carbon	%	60,6
5	Lưu huỳnh S (Pirit)	%	1,7
6	Lưu huỳnh S (hữu cơ)	%	1,7
7	Nitơ	%	1
8	Oxy	%	1,5
9	Hidro	%	2,6
10	1 tấn hơi cần 110- 120 kg than		
11	100 kg than thải ra 7kg xỉ than		

Thải lượng các chất ô nhiễm trong quá trình đốt lò hơi sử dụng than Kiplé được tính theo công thức sau (kg/tấn nhiên liệu):

**Bảng 2.9: Thải lượng các chất ô nhiễm trong quá trình đốt lò hơi**

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng
1	Bụi khói (C)	5A
2	SO <sub>2</sub>	19,5S
3	NO <sub>2</sub>	9,0
4	CO	0,3

Trong đó: A: Độ tro của nhiên liệu (%); S: Thành phần lưu huỳnh trong nhiên liệu (%), khi đốt cháy 1kg than ở điều kiện tiêu chuẩn, lượng khí thải tạo ra là 47,312m<sup>3</sup>.

Công ty sẽ có biện pháp xử lý bụi khói và khí thải để giảm thiểu tác động của lò hơi đến điều kiện sản xuất và môi trường xung quanh.

**\* Đối với tiếng ồn và độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và sản phẩm ra vào Công ty, ngoài ra còn có tiếng ồn do hoạt động sản xuất của các loại máy móc, thiết bị sử dụng như:

- Xưởng sản xuất: Tiếng ồn phát ra chủ yếu từ các máy may công nghiệp để sản xuất ra các sản phẩm quần áo thể thao.



- Máy phát điện: Hoạt động của máy phát điện cũng là nguồn phát sinh tiếng ồn đáng kể. Ngay vị trí máy có thể lên đến 110- 1.115dBA.

- Hệ thống thông gió, hút khí của nhà máy: Khi hệ thống hoạt động cũng là nơi phát ra tiếng ồn.

Tác động của tiếng ồn:

- Tiếng ồn ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch và các cơ quan thính giác.

- Cơ quan thính giác: Nếu tác động của tiếng ồn kéo dài gây giảm thính lực, gây mệt mỏi thính giác làm mất khả năng phục hồi và phát triển biến đổi bệnh lý.

Tuy nhiên, theo kết quả Quan trắc giám sát môi trường tại một số nhà máy may cho kết quả tiếng ồn là 53dBA. Do đó, Tác động của tiếng ồn do máy may tới tới sức khỏe công nhân là không đáng kể và nằm trong giới hạn cho phép quy định trong QCVN 26: 2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (70dBA). Còn đối với máy phát điện đặt ở vị trí cách xa vị trí của xưởng sản xuất của nhà máy. Đồng thời, chủ đầu tư sẽ có các biện pháp để điều hòa nhiệt độ, tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn lao động.

**\* Tác động của độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, tốc độ gió:**

- Độ ẩm

+ Nhìn chung do đặc trưng của ngành sản xuất là chuyên may quần áo thể thao nên vấn đề độ ẩm phát sinh từ công nghệ là không có nhưng trong quá trình cải thiện môi trường bằng cách làm mát nhà xưởng đã tạo nên độ ẩm đối với môi trường không khí.

+ Tác động của độ ẩm: Làm cơ thể mất nhiệt, nhịp tim, nhịp thở giảm, mức tiêu thụ oxi tăng, các mạch máu co thắt sinh cảm giác tê cứng chân tay, vận động khó khăn. Với khí hậu lạnh: Viêm dây thần kinh, viêm phế quản và một số bệnh mãn tính do máu lưu thông kém và mất sức đề kháng. Ngoài ra nếu ẩm độ trong môi trường quá cao sẽ ảnh hưởng đến sản phẩm làm cho sản phẩm mất chất lượng.

- Nhiệt độ:

- Do xưởng may xây dựng theo mô hình nhà khung thép, mái lợp tôn sóng nên nhiệt độ trong xưởng sản xuất lên cao.

- Bức xạ nhiệt mặt trời xuyên qua trần mái tole vào những ngày trời nắng gắt.

- Sự tỏa nhiệt từ các hoạt động của máy móc như máy may,...loại máy này khi hoạt động sẽ phát sinh ra một lượng nhiệt lớn do các dạng chuyển hóa từ cơ thành nhiệt và do việc sử dụng nhiệt.

- Cùng với 1.500 CBCNV làm việc trong một phạm vi nhà xưởng (2 nhà xưởng) thì vấn đề nhiệt phát ra từ cơ thể người là có.

**Bảng 2.10: Lượng nhiệt thải ra trung bình của người**

STT	Trạng thái lao động	Q <sub>0</sub> (Kcal/h)
1	Lao động nhẹ (may, vá, thêu)	100-120
2	Lao động vừa	120-170
3	Lao động nặng	170-220
4	Lao động rất nặng	220-270

Nguồn: Sách ô nhiễm không khí - Viện MT&TN- DH Quốc Gia Tp HCM

Tác động của nhiệt độ (nóng) đối với cơ thể:

- Ở nhiệt độ cao cơ thể tiết ra mồ hôi để duy trì cân bằng nhiệt, từ đây gây ra sự cân và mất cân bằng điện giải do mất ion K, Na, Ca... và vitamin C, B. Do mất nước làm khối lượng máu, tỷ trọng, độ nhớt thay đổi, tim phải làm việc nhiều. Chức phận hoạt động của hệ thần kinh trung ương bị ảnh hưởng sẽ làm giảm tốc độ phản xạ.

- Ngoài ra còn làm rối loạn bệnh lý và kèm theo các triệu chứng chóng mặt, nhức đầu, đau thắt ngực, buồn nôn, thân nhiệt tăng nhanh, nhịp thở nhanh, trạng thái suy nhược, chóng mặt thân nhiệt cao, Thờ nhanh, mắt tri giác và hôn mê. Chính vì vậy mà vấn đề nhiệt độ trong nhà xưởng rất quan trọng cần phải được quan tâm.

- *Ánh sáng:*

Môi trường làm việc tốt phải có ánh sáng thích hợp cho con người và công việc. Đối với ngành may thì ánh sáng rất quan trọng. Do đó, công ty sẽ trang bị đèn huỳnh quang cho việc chiếu sáng cục bộ và chiếu sáng chung. Mỗi vị trí làm việc là một đèn huỳnh quang.

- *Tốc độ gió:*

Tốc độ gió cũng là một trong những yếu tố vi khí hậu quan trọng, đối với môi trường sản xuất như ngành may thì tốc độ gió được tính toán khi thiết kế hệ thống làm mát cho nhà xưởng nên tốc độ gió luôn đạt và phù hợp với hoạt động sản xuất của ngành may.

Các tác động này Chủ đầu tư sẽ có các biện pháp giảm thiểu được trình bày ở mục 3 của báo cáo.

#### **b) Tác động đến môi trường nước**

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt của cán bộ và công nhân làm việc trong Nhà máy may.

\* *Nước mưa chảy tràn:*

Nước mưa chảy tràn đôi khi cũng bị ô nhiễm bởi các chất ô nhiễm có trong thiên nhiên. Nhưng nhìn chung, nước mưa chảy tràn được coi là loại nước ô nhiễm nhẹ và khá sạch so với các loại nước thải khác.

**\* Nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt là tác nhân chính gây ô nhiễm môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động. Lưu lượng nước thải  $73 \text{ m}^3/\text{ngày/ca}$  (Theo kết quả tính toán thể hiện ở mục 1.8).

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là hàm lượng chất hữu cơ lớn (từ 55 - 65% tổng lượng chất rắn), chứa nhiều vi sinh vật, trong đó có vi sinh vật gây bệnh. Đồng thời trong nước thải còn có nhiều vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ cần thiết cho quá trình chuyển hóa chất rắn trong nước.

Thành phần nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào tiêu chuẩn cấp nước, đặc điểm hệ thống thoát nước, điều kiện trang thiết bị vệ sinh,... nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được nêu trong bảng 2.11.

**Bảng 2.11: Thành phần nước thải sinh hoạt**

Chỉ tiêu	Trong khoảng	Trung bình
Tổng chất rắn (TS), mg/l	350 – 1.200	720
- Chất rắn hòa tan (TDS), mg/l	250 – 850	500
- Chất rắn lơ lửng (SS), mg/l	100 – 350	220
BOD <sub>5</sub> , mg/l	110 - 400	
Tổng Nitơ, mg/l	20 – 85	40
- Nitơ hữu cơ, mg/l	8 – 35	15
- Nitơ Amoni, mg/l	12 – 50	25
- Nitơ Nitrit, mg/l	0 – 0,1	0,05
- Nitơ Nitrat, mg/l	0,1 – 0,4	0,2
Clorua, ma/l	30 - 100	50
Độ kiềm, mgCaCO <sub>3</sub> /l	50 – 200	100
Tổng chất béo, mg/l	50 – 150	100
Tổng Phốt pho, mg/l		8
Coliform	$10^6 - 10^9$ MPN/100ml	

Nguồn: PGS.TS. Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải đô thị, NXB KHKT 2006

Nước thải sinh hoạt giàu chất hữu cơ và chất dinh dưỡng, vì vậy nó là nguồn để các loại vi khuẩn, trong đó có vi khuẩn gây bệnh phát triển. Trong nước sinh hoạt số Coliform từ  $10^6 - 10^9$  MPN/100ml, Fecal coliform từ  $10^4 - 10^7$  MPN/100ml.

Như vậy, theo bảng trên thì nước thải sinh hoạt của Dự án với lưu lượng khá lớn ( $73 \text{ m}^3/\text{ngày}$ ) và có hàm lượng chất rắn cao, nhiều vi khuẩn gây bệnh là một trong những nguồn gây ô nhiễm chính đối với môi trường nước. Do đó, chủ đầu tư phải xử

lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Bắc Vinh (mương thoát nước thải dọc đường quy hoạch D2).

**c) Tác động do chất thải rắn**

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh lượng chất thải rắn khá lớn, bao gồm: Rác thải sinh hoạt của CBCNV và rác thải do sản xuất. Ngoài ra, còn có rác thải các công trình công cộng và lá cây khô từ các khu vực cây xanh.

**\* Rác thải sinh hoạt:**

Rác thải từ sinh hoạt của CBCNV mỗi ngày (mỗi ca) thải ra rác thải có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy như thức ăn thừa, các loại rác thải từ việc sinh hoạt khác như: Bao nilông, thùng carton.

Mỗi ngày lượng rác thải do CBCNV thải ra vào khoảng 750 kg/ngày/ca (bình quân mỗi người khoảng 0,5 kg/ngày/ca, số lượng CBCNV 1.500 người). Lượng rác này sẽ được công nhân vệ sinh nhà máy thu gom tập trung lại sau đó hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nghệ An vận chuyển đi xử lý.

**\* Rác thải sản xuất:**

Các nguyên vật liệu trước khi đưa qua xưởng may sẽ được cắt định dạng, lượng chất thải sản xuất phát sinh chủ yếu là ở công đoạn này. Các loại chất thải sản xuất đó là: Vải vụn,...

- Xưởng may: Tuy các sản phẩm được cắt trước khi đưa qua chuyền may nhưng đến khi may xong một chi tiết nào người ta vẫn phải cắt lại phần dư thừa do đó một lượng chất thải sản xuất chủ yếu là chỉ, vải vụn; ngoài ra còn có lõi chỉ.

- Xưởng dập: Nguồn chất thải chủ yếu là các vải vụn,...

- Chất thải là các thùng carton sau khi chứa đựng xong các nguyên vật liệu các loại thùng này bị hư hỏng thải bỏ nhiều. Đây là khâu phát sinh chủ yếu số lượng thùng cotton, ngoài ra trong quá trình đóng thùng vỏ bao bì một số lượng thùng này cũng bị hư và thải bỏ.

**Bảng 2.12: Các loại rác sản xuất của nhà máy khi hoạt động**

STT	Chất thải sản xuất	STT	Chất thải sản xuất
1	Vải vụn	4	Lõi chỉ
2	Giấy Carton	5	Thùng rỗng
3	Chỉ vụn		

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng, 2014

Khối lượng rác thải sản xuất (Rác công nghiệp): Theo số liệu cung cấp của Công ty CP Minh Trí Vinh khi Dự án đi vào hoạt động ước tính lượng rác thải công nghiệp phát sinh bao gồm:

- Trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy, chất thải rắn chủ yếu phát sinh ở công đoạn cắt vật tư theo đường dập, kiểm tra và công đoạn đóng gói... các công đoạn này hàng ngày thải ra một lượng chất thải rắn khoảng 10 kg/ngày.

- Xỉ than: Từ quá trình đốt lò hơi sẽ khối lượng 15 tấn/năm, tương đương khoảng 40 kg/ngày. Được thu gom bán cho người dân san lấp hoặc đóng gạch xây dựng dân dụng.

- Đối với chất thải thuộc thành phần chất thải nguy hại như dẻ lau trong quá trình bảo trì máy móc thiết bị ... hàng ngày phát sinh khoảng 0,5kg/ngày, đây là những loại chất thải thuộc thành phần chất thải nguy hại, chủ đầu tư sẽ lập hồ sơ theo dõi theo quy định và sẽ thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo quy định riêng đối với chất thải nguy hại.

Ngoài ra, còn phát sinh chất thải nguy hại gồm: Bóng đèn huỳnh quang, ắc quy... Phát sinh từ các phân xưởng sản xuất và văn phòng làm việc của các cán bộ trong nhà máy, khối lượng phát sinh của nguồn này khoảng 0,2kg/ngày/ca, tương đương 6kg/tháng (Ngày làm 01 ca 12 tiếng). Nguồn rác thải này phải được thu gom quản lý tuân thủ theo quy chế quản lý chất thải nguy hại.

#### **d) Tác động đến kinh tế- xã hội của dự án**

Một số tác động trong quá trình hoạt động của Nhà máy may Minh Trí Vinh tới kinh tế xã hội của khu vực được tóm tắt như sau:

- Gia tăng dân số cơ học trong khu vực, có khả năng gây ra các vấn đề phức tạp trong việc ổn định văn hóa và trật tự an ninh tại khu vực Dự án. Nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ phát sinh một số các hoạt động thiếu lành mạnh như ma túy, mại dâm, trộm cướp tài sản...;

- Góp phần tạo công ăn việc làm và ổn định cuộc sống cho một số lượng CBCNV khá lớn 1.500 người, tạo không gian mát mẻ và thân thiện với con người, môi trường (hình thành mảng cây xanh...);

- Làm thay đổi điều kiện sống tại khu vực theo hướng tăng cao thu nhập chung của người dân tại địa phương được hình thành kéo theo các dịch vụ khác phát triển theo (dịch vụ ăn uống, các dịch vụ phục vụ khác) đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá tại địa phương.

Nhìn chung quá trình hoạt động của của Nhà máy may Minh Trí Vinh chủ yếu mang lại lợi ích cho người dân, nếu được sự quản lý chặt chẽ của Công ty cũng như Chính quyền địa phương thì Nhà máy sẽ sản xuất ổn định, gia tăng sản phẩm để xuất khẩu, phát triển lành mạnh và bền vững.

## **2.2. Tác động do các rủi ro, sự cố**

*\* Dự báo những rủi ro, sự cố giai đoạn thi công xây dựng:*

- Quá trình thi công lượng bụi, đất rơi vãi trên đường vận chuyển, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động có thể gây tai nạn đáng tiếc.

- Sự cố cháy nổ, khả năng rò rỉ khí độc hại và nhóm liên quan đến điện áp không ổn định.

- Sự cố do quá trình thi công các tầng trên cao nếu không có lưới bảo vệ đã bị hư hỏng chưa được thay thế kịp thời.

**\* Dự báo những rủi ro, sự cố giai đoạn vận hành dự án:**

- Sự cố chập điện, cháy nổ: Xảy ra trong các phòng làm việc, xưởng sản xuất và tại nơi công cộng có đường dây điện chạy qua;

- Sự cố về tai nạn giao thông: Xảy ra trên các tuyến đường lưu thông trong khu vực dự án;

- Sự cố về an ninh, trật tự xã hội: Khi dự án đi vào hoạt động sẽ làm tăng dân số cơ học, an ninh trật tự bước đầu kém ổn định;

- Sự cố về ngập lụt vào mùa mưa lũ...

- Sự cố về hư hỏng các bể tự hoại xử lý nước thải...

### III. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

#### 3.1. Xử lý chất thải

##### 3.1.1. Biện pháp giảm thiểu các tác động giai đoạn thi công xây dựng

###### a) Giảm thiểu các tác động tới môi trường không khí và tiếng ồn

Các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện để hạn chế bụi phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án:

- Làm hàng rào tôn (hoặc bạt) cao 3m bao quanh khu vực dự án để hạn chế bụi phát tán ra các khu vực xung quanh.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng phải có các tấm bạt che phủ vật liệu bên trên nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán.

- Tiến hành phun nước trên các đoạn đường (đường Quy hoạch D2, đường liên xã,...) gần khu công trường, nơi có các xe vận chuyển nguyên vật liệu đi qua vào mùa khô, nắng nóng 2 lần/ngày (6h và 13h).

- Khi xây dựng trên các tầng đến độ cao trên 3m phải có lưới che chắn xung quanh và sẽ được thay thế khi bị hư hỏng.

- Đối với bụi phát sinh từ công tác vận chuyển chất thải đi đổ thải và vật liệu ra vào dự án: Trong giai đoạn thi công, khí thải sinh ra do hoạt động của các động cơ bao gồm: CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, khói đen, hơi hydrocacbon. Mức độ ô nhiễm phụ thuộc vào chất lượng đường giao thông, chủng loại xe và chế độ hoạt động của động cơ. Các giải pháp chủ yếu để giảm thiểu các tác động này là:

+ Bố trí thời gian vận chuyển của các phương tiện hợp lý để giảm thiểu lượng khí thải. Giám sát chặt chẽ các hoạt động của các nhà thầu, thực hiện các biện pháp phụ trợ như phun nước tại các đoạn đường để phát sinh bụi, đặc biệt là các khu vực gần khu dân cư, các vị trí xây dựng, nơi tập kết vật liệu, đặc biệt trong mùa khô;

- Thường xuyên bảo dưỡng các loại xe và thiết bị xây dựng để giảm tối đa lượng khí thải ra;

- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của các động cơ;

- Không được chở quá trọng tải qui định (8 tấn);

- Trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân như mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động...

- Vệ sinh bánh xe các phương tiện vận chuyển chất thải, nguyên vật liệu xây dựng trước khi ra khỏi dự án.

- Khi thi công khu vực dự án sử dụng các loại xe như: Máy ủi, máy xúc, các phương tiện chuyên chở chất thải, vật tư sẽ hoạt động tạo nên ô nhiễm tiếng ồn cần:

+ Trang bị dụng cụ chống ồn cho các công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao;

+ Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ hợp đồng mua bê tông tươi từ các đơn vị cung cấp bê tông tươi gần khu vực dự án (Công ty CP Bê tông và xây dựng Vinaconex), không lắp đặt trạm trộn bê tông trong khu vực dự án để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

+ Không thi công vào các giờ nghỉ trưa (11h đến 13h chiều) và ban đêm (22h đến 06h) để tránh làm ảnh hưởng tới sinh hoạt và nghỉ ngơi của người dân trong khu vực.

#### **b) Giảm thiểu các tác động tới môi trường do nước thải**

\* *Kiểm soát ô nhiễm do nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân có lưu lượng không lớn ( $Q=2,4 m^3/ngày$ , kết quả tính toán ở mục 2.1.1.3 (b)) nhưng có nồng độ ô nhiễm cao, thời gian xây dựng 24 tháng nên Chủ dự án phải có các giải pháp để hạn chế ảnh hưởng do nước thải của công nhân. Các biện pháp là:

+ Không chế lượng nước thải bằng cách hạn chế tối đa số nhân công lưu trú trong khu vực xây dựng dự án, công nhân tự tổ chức ăn uống, không tổ chức các bữa ăn tập thể. Xây dựng kế hoạch tổ chức hợp lý nhân lực trong các giai đoạn thi công.

+ Với thời gian thi công 24 tháng, giải pháp lắp xây dựng bể tự hoại 3 ngăn. Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại: Bể tự hoại gồm 3 ngăn:

- *Ngăn chứa phân:* Có kích thước lớn nhất chiếm 2/3 dung tích bể. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phân xác bã (phần bùn) và các chất vàng nổi, bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- *Ngân lắng*: Chiếm  $\frac{1}{4}$  thể tích còn lại, nơi này chỉ nhận nước từ ngân chứa phân đi qua bằng các lỗ thông bên vách.

- *Ngân lọc kết hợp khử mùi*: Chứa đầy than cây (cò dãn đá 4x6 bên trên để giữ cho than không nổi lên). Nước từ ngân lọc đi ngược lên trên qua lớp than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp Bắc Vinh (hệ thống mương thoát nước thải dọc đường Quy hoạch D2).

Ngoài ra, nước dùng để rửa tay, rửa mặt sẽ thu bằng hệ thống riêng và dẫn đến hố ga trước khi dẫn ra nguồn tiếp nhận (hệ thống mương thoát nước thải dọc đường Quy hoạch D2).

Sau khi hoàn thành thi công xây dựng cơ bản Chủ dự án sẽ tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước khu vực dự án dọc đường Quy hoạch D2 (200- 300m) theo hướng nước chảy.

*\* Kiểm soát ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

Để hạn chế sự ứ đọng nước mưa gây ngập úng cục bộ tại khu vực dự án, giảm thiểu khả năng nước mưa mang theo các chất ô nhiễm trên mặt đất gây tác động tiêu cực cho nguồn tiếp nhận (hệ thống mương thoát nước thải dọc đường Quy hoạch D2) Chủ dự án đưa ra giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu như sau: Trong quá trình thi công xây dựng Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công xây dựng hệ thống thoát nước bằng đất tạm thời có lưới chắn rác, hố lắng để lắng cặn, ngăn bùn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, nạo vét mương thoát nước khu vực dự án cuối mỗi ngày làm việc.

**c) Giảm thiểu các tác động tới môi trường do chất thải rắn**

- Chất thải rắn xây dựng từ quá trình xây dựng: Như kim loại, nhựa, giấy, bao bì được thu gom, phân loại bán phế liệu. Phần không sử dụng được đổ thải cùng với rác thải sinh hoạt tại nơi quy định;

- Đối với rác thải sinh hoạt: Rác thải của công nhân khối lượng 39 kg/ngày (Tính toán ở mục 2.1.1.3 (c)) được gom vào các thùng đựng có nắp đậy đặt tại nơi quy định (Bố trí 1 thùng rác trong khu vực dự án), cuối ngày vận chuyển tới bãi xử lý rác Nghi Yên để xử lý theo hợp đồng ký kết.

- Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động xây dựng: Bao gồm dè lau dầu mỡ, bộ phận máy móc hư hỏng...khối lượng khoảng 0,1kg/ngày được đơn vị thi công thu gom và lưu giữ vào các thùng phuy có nắp đậy kín, chủ dự án phải được đăng ký chủ nguồn thải với Sở Tài nguyên và Môi trường và sau một thời gian nhất định phải ký hợp đồng để xử lý.

**d) Giảm thiểu các tác động tới kinh tế - xã hội**

Giai đoạn thi công xây dựng là giai đoạn gây ảnh hưởng môi trường rất lớn và như vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người dân sống xung quanh khu vực Dự án. Các vấn đề kinh tế - xã hội trong giai đoạn này cũng sẽ có những diễn biến theo sắc thái riêng của nó. Một lượng lớn công nhân sẽ đến làm việc, gây xáo trộn nhất định đến



cuộc sống dân cư trong khu vực này. Các dịch vụ sẽ được mở ra để phục vụ công trường, đó là mặt tốt nhưng cũng có thể xảy ra những hiện tượng tiêu cực gây ảnh hưởng xấu như: Cờ bạc, nghiện hút, dịch bệnh...

Để giảm thiểu tối đa các vấn đề xã hội trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng nguồn lao động tại chỗ: Các lao động tại địa phương có đầy đủ năng lực theo yêu cầu của các nhà thầu và có mong muốn được tuyển dụng sẽ được các nhà thầu tuyển dụng tối đa;

- Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức các chương trình giáo dục tuyên truyền ý thức công dân đối với công nhân xây dựng tại khu vực dự án. Báo cáo với Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam về bản cam kết bảo vệ môi trường và các biện pháp giảm thiểu;

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án.

### 2.1.2. Biện pháp giảm thiểu các tác động giai đoạn vận hành

#### a) Giảm thiểu các tác động tới môi trường không khí và tiếng ồn

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn này, ngoài việc quy hoạch các cụm theo hướng gió chủ đạo, phân khu chức năng,... còn có các biện pháp mang tính chất phụ trợ như kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các điểm có nguy cơ rò rỉ như:

- Tạo độ thông thoáng cho các xưởng may để giảm lượng bụi phát sinh trong quá trình trải vải để cắt và đóng gói sản phẩm.

- Áp dụng các biện pháp an toàn phòng chống sự cố (cháy, nổ ...) tại các phân xưởng sản xuất, khu văn phòng làm việc, căn tin và các công trình phụ trợ.

Ngoài các giải pháp kể trên, biện pháp sử dụng cây xanh và thảm cỏ trong khuôn viên Nhà máy để hạn chế ô nhiễm không khí là khá đơn giản, hiệu quả và ít tốn kém nhất. Cây xanh có tác dụng hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt tạo cảnh quan môi trường.

Sử dụng loại cây lấy bóng mát chịu được gió bụi và sâu bệnh thân cây thẳng, cây có rễ ăn sâu, tán rộng và cây có khả năng chịu được điều kiện khí hậu khắc nghiệt của khu vực. Cây xanh và thảm cỏ được bố trí phía trước khu văn phòng, các xưởng sản xuất và dọc theo các tuyến đường giao thông.

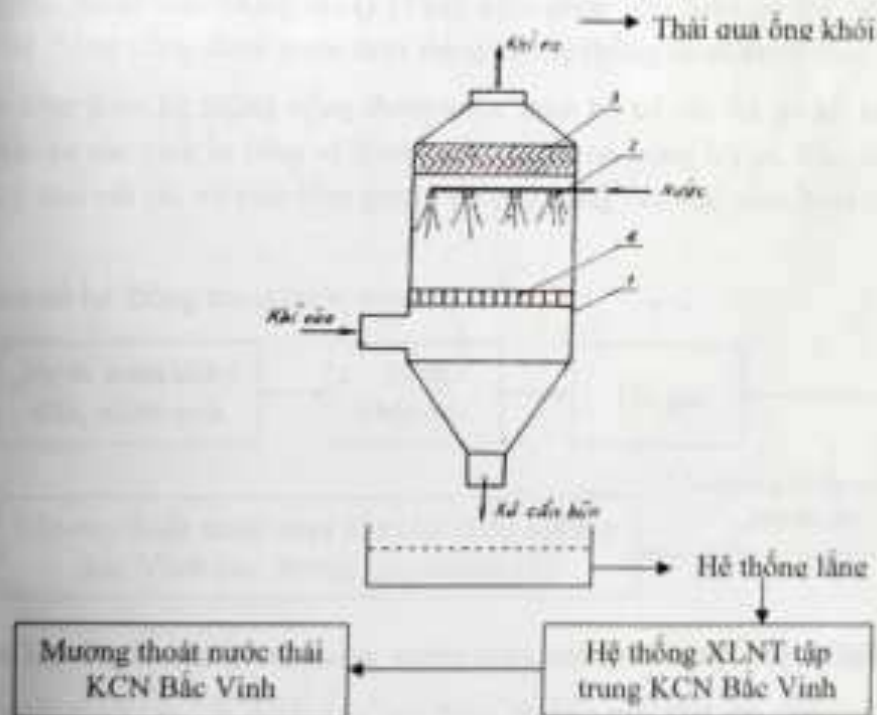
**Đối với khí thải lò hơi:** Trong quá trình sấy sinh ra một lượng khí thải có mùi, trong thành phần có khí thải này Công ty sẽ trang bị một hệ thống lò sấy có buồng đốt với hiệu suất thu hồi cao, khả năng đốt cháy hoàn toàn nguyên liệu nhằm giảm đến mức tối thiểu lượng khí CO thoát ra môi trường. Các lò sấy được bố trí cách xa khu vực sản xuất chính, có lắp đặt Cyclon thu gom bụi và xử lý khí thải.

Khí thải nồi hơi sẽ được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành (QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT).

Phương án xử lý khí thải nổi hơi được đề xuất theo hệ thống tháp rửa khí ướt như sau:

- Nguyên lý hoạt động: Trên nắp lò đốt lắp 1 đường ống thoát khí với đường kính thích hợp để dẫn toàn bộ khí sinh ra do quá trình đốt tập trung vào trong thiết bị để xử lý. Khí sau khi được hút vào vào nhờ áp suất âm của quạt gió, đi qua thiết bị hấp thụ khí dạng đệm. Thiết bị gồm tám mâm lỗ và lớp vật liệu tiếp xúc. Dán ống nhựa châm lỗ phân phối dung dịch chất hấp thụ đặt trên đỉnh tháp. Nước rơi xuống tám châm kẽ và khí đi từ dưới lên tạo lớp bọt và màng nước. Hiệu quả quá trình hấp thụ được tăng cường nhờ sự tiếp xúc dị pha ngược dòng giữa dòng khí và dung dịch chất hấp thụ ngay trong lòng lớp vật liệu tiếp xúc. Hiệu quả xử lý bụi đạt được khoảng 80- 90% với tất cả các loại dung dịch chất hấp thụ. Khi sử dụng nước làm dịch chất hấp thụ, trên 50%  $SO_2$ ,  $NO_2$  và các khí độc hại khác sẽ được các hạt nước hấp thụ, còn khi dùng các chất hấp thụ kiềm, hiệu quả xử lý có thể đạt tới 90%. Sau khi ra khỏi lớp hấp thụ, khí tiếp tục đi qua bộ tách ẩm để tách hết ẩm và sau cùng được quạt ly tâm cao áp hút đưa ngược trở lại ống khói thải hiện hữu và tiếp tục phân tán vào khí quyển.

Sơ đồ cấu tạo hệ thống xử lý khí thải lò hơi:



**Hình 3.1: Sơ đồ xử lý khí thải lò hơi của Nhà máy**

**Ghi chú:** 1- Tháp hấp thụ; 3- Màng tách nước; 4- Vật liệu lọc.

2- Giàn phun mưa dẫn dung dịch chất hấp thụ (Dung dịch NaOH);

Dung dịch được tuần hoàn trong hệ thống nhờ bơm tuần hoàn và được chứa trong bể gom. Sau thời gian nhất định dung dịch sẽ được thay thế mới, dung dịch cũ

được đưa đến hệ thống xử lý nước thải. Bùn thải được thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Hàm lượng  $SO_2$  sau khi qua tháp rửa khí ướt chỉ còn lại khoảng  $70mg/Nm^3$ .

Như vậy, sau khi xử lý các chỉ tiêu khí thải đầu ra của Nhà máy đều đạt tiêu chuẩn khí thải QCVN 19: 2009/BTNMT và QCVN 20: 2009/BTNMT cho phép thải ra môi trường.

#### b) Giảm thiểu các tác động tới môi trường do nước thải

Hệ thống thu gom và thoát nước của Dự án được thiết kế và xây dựng độc lập giữa nước thải và nước mưa chảy tràn.

##### \* Đối với nước mưa chảy tràn:

- Nước mưa chảy tràn trên phần mặt bằng khu vực Nhà máy sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, xuống hệ thống thoát nước. Lượng nước mưa chảy tràn này có thể gây tác động xấu tới môi trường sinh thái trong khu vực và các vùng phụ cận nếu như không có hệ thống thu gom và xử lý thích hợp.

- So với nước thải, nước mưa khá sạch nhưng có lưu lượng lớn và không ổn định (phụ thuộc vào lượng mưa) vì vậy biện pháp hữu hiệu có thể áp dụng là xây dựng hệ thống công thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Doc theo hệ thống công thoát nước mưa bố trí các hố ga có lưới chắn rác. Rác thải và các chất lơ lửng sẽ được tách và giữ lại trong hố ga. Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét rác và bùn lắng gom về xử lý cùng rác thải sinh hoạt tại các bãi xử lý rác.

Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa:



**Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy may Minh Trí Vinh**

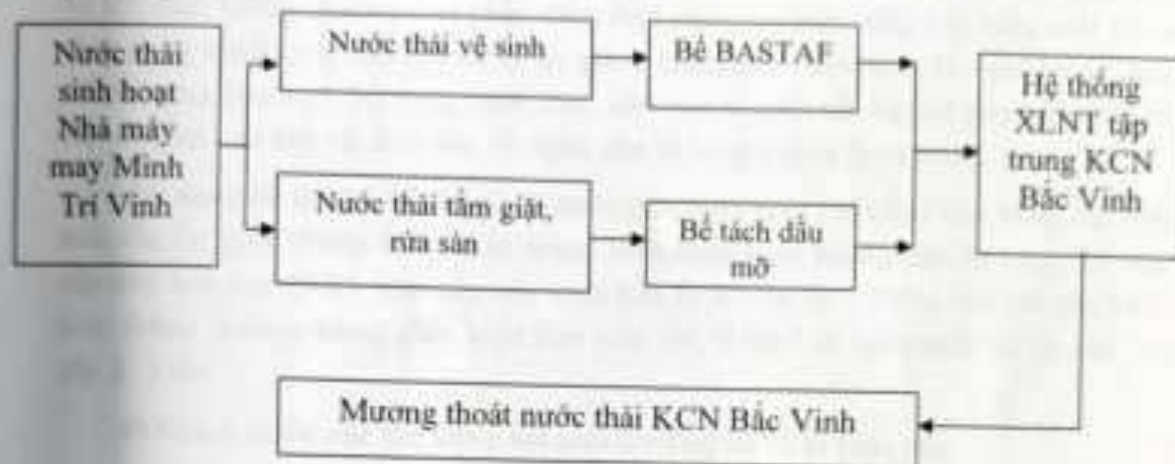
Nước mưa sau khi được vào ống thoát từ trên mái của các nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ăn... cùng với mưa ở mặt bằng sẽ được thu bằng hệ thống công nổi chảy qua đường vào hệ thống công chính bố trí dưới hè đường. Trên công có bố trí cả hố ga (30x40cm/hố). Vừa để thu nước mưa đồng thời lắng đất cát. Toàn bộ nước mưa của dự án được thoát ra mương thoát nước của khu công nghiệp Bắc Vinh dọc đường Quy hoạch D2.

##### \* Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải từ quá trình hấp thụ trong xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng trung bình khoảng  $6m^3/ngày$  đem được cho qua bể lắng để lắng cặn bẩn sau đó được dẫn cùng nước thải sinh hoạt tới HTXLNT tập trung của KCN Bắc Vinh để xử lý trước khi thải ra môi trường.

**\* Đối với nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt của Nhà máy may Minh Trí Vinh được thu gom theo phương án sau:

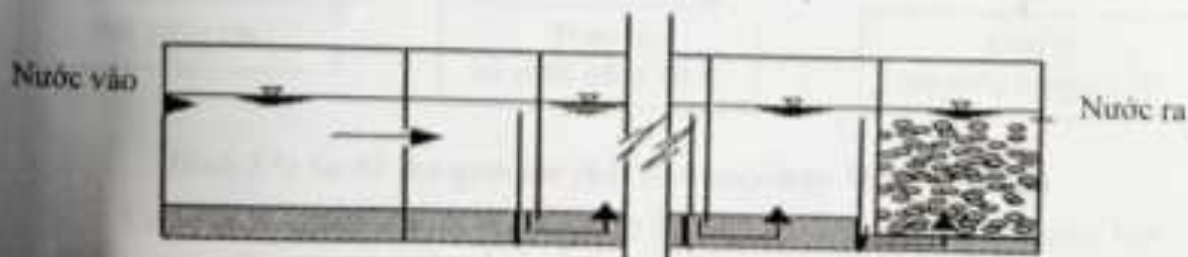


**Hình 3.3: Phương án thu gom nước thải của Nhà máy may Minh Trí Vinh**

Nước thải của Dự án bao gồm 2 dòng nước thải vệ sinh, rửa sàn: Nước thải vệ sinh được dẫn vào bể Bastaf để xử lý, nước thải rửa sàn, tắm giặt được xử lý qua bể tách dầu mỡ để lắng cặn lơ lửng, tách dầu mỡ. Sau đó, 2 dòng nước này sẽ được dẫn bằng hệ thống mương thoát nước thải chung vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Vinh để xử lý nước thải đạt QCVN 14: 2008/BTNMT cột B trước khi bơm thải ra hệ thống thoát nước thải của KCN (Chủ dự án trả phí xử lý nước thải cho Ban quản lý KCN Bắc Vinh).

**Nguyên lý hoạt động của bể Bastaf:**

BASTAF là bể phản ứng kỵ khí với các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí dòng hướng lên, có chức năng xử lý nước thải sinh hoạt và các loại nước thải khác có thành phần tính chất tương tự như nước thải sinh hoạt (Xem hình 3.4).



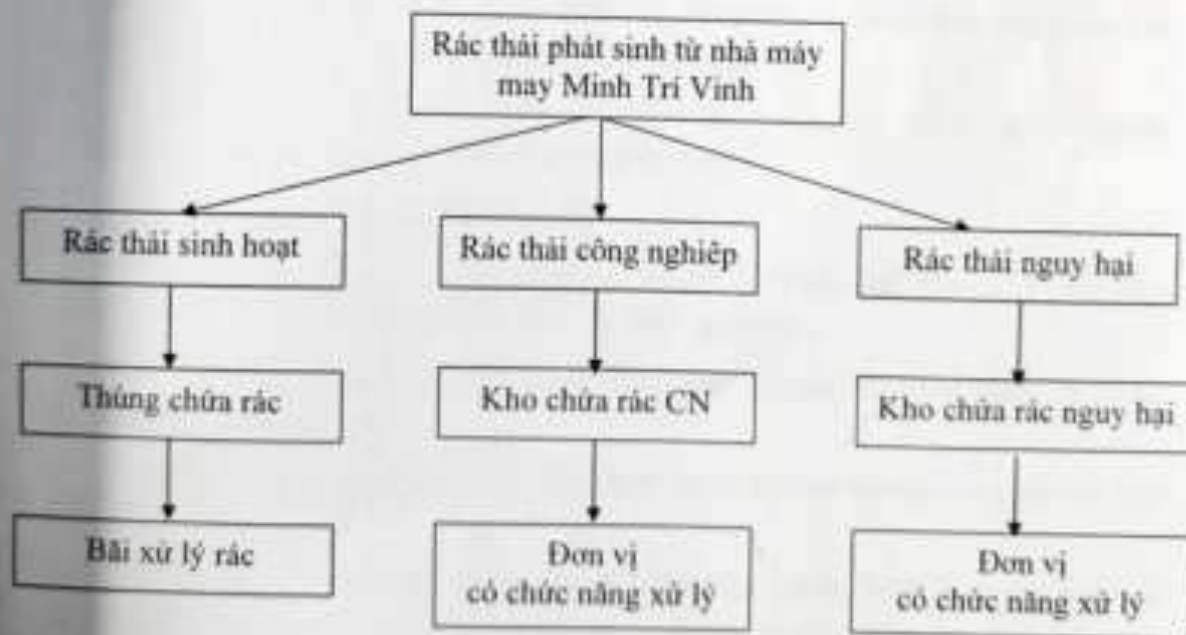
**Hình 3.4: Cấu tạo bể Bastaf xử lý nước thải sinh hoạt**

Nguyên tắc, nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Bastaf cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Các ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

Sử dụng bể BASTAF để xử lý nước thải sinh hoạt (xí tiểu) cho phép đạt hiệu suất tốt, ổn định (Hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cần lơ lửng SS, nhu cầu oxy hóa học COD, nhu cầu oxy sinh hóa BOD<sub>5</sub> từ 70 - 75%). So với các bể tự hoại thông thường trong điều kiện làm việc tốt, Bastaf có hiệu suất xử lý cao hơn gấp 2- 3 lần.

**c) Giảm thiểu các tác động tới môi trường do chất thải rắn**

Chất thải rắn của Nhà máy sẽ được Công ty thu gom theo phương án và được thể hiện bằng sơ đồ như sau:



**Hình 3.5: Sơ đồ thu gom rác thải Nhà máy may Minh Trí Vinh**

Chất thải rắn phát sinh từ nhà máy khi Dự án đi vào hoạt động bao gồm: Rác sinh hoạt, rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại.

**\* Đối với rác thải sinh hoạt:**

Rác sinh hoạt khối lượng ước tính 750 kg/ngày (Với 1.500 công nhân, tiêu chuẩn thải rác 0,5kg/người/ngày/ca) bao gồm rác thực phẩm từ nhà ăn, CTR sinh hoạt. Đối với rác thực phẩm (Thực ăn thừa,...) sẽ được công nhân vệ sinh của Nhà máy thu gom cho vào các thùng nhựa kín rồi cuối ngày cho nhân dân xung quanh mang về chăn nuôi gia súc, còn lại chất thải rắn sinh hoạt sẽ cho vào các thùng rác đặt ngoài các xưởng sản xuất, căn tin và khu công cộng, khu phụ trợ khác. Sau đó, lượng rác này sẽ được Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nghệ An vận chuyển đến bãi xử lý rác Nghi Yên theo hợp đồng ký kết.

**\* Đối với rác thải công nghiệp:**

Rác thải công nghiệp với khối lượng 10kg/ngày gồm vải, da vụn,... sẽ được công nhân thu gom và lưu giữ vào Kho chứa rác của Nhà máy sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Còn xỉ than khối lượng khoảng 40kg/ngày được thu gom và bán cho người dân san lấp mặt bằng và xây dựng dân dụng khác.

**\* Đối với rác thải nguy hại:**

Khối lượng chất thải nguy hại khoảng 6,0 kg/tháng (phát sinh do bảo dưỡng máy móc, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng,...) sẽ được công nhân vệ sinh của Nhà máy thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại tại thùng chứa chất thải nguy hại kín, có mái che. Chủ đầu tư (Công ty CP Minh Trí Vinh) phải làm thủ tục đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý CTNH để xử lý lượng chất thải này.

Ngoài ra, chính quyền địa phương (xã, xóm) phối hợp với Công ty thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường.

**e) Đối với nguồn ô nhiễm tiếng ồn**

Để chống ồn, rung cho Nhà máy may Minh Trí Vinh chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí các loại máy móc khi hoạt động phát ra tiếng ồn bằng cách tập trung lại trong khu vực làm việc.

- Đối với máy phát điện đặt ở vị trí cách xa vị trí của xưởng sản xuất của nhà máy.

- Lắp đặt các máy may hoàn toàn mới do Hàn Quốc, Nhật Bản sản xuất và định kỳ bảo dưỡng các máy này (03 tháng/lần, kiểm tra máy móc, lau chùi, bổ sung dầu máy).

- Nghiêm cấm tụ họp nhiều công gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

**g) Biện pháp cải thiện điều kiện vì khí hậu**

- Để cải thiện vấn đề nhiệt ở đây Công ty sẽ thiết kế hệ thống tấm trao đổi nhiệt. Đó là hệ thống thông gió xuyên phòng có sử dụng tấm chắn khí động, kết hợp với bộ làm mát bay hơi đoạn nhiệt có sử dụng tấm trao đổi nhiệt âm dạng kết cấu tổ ong. Hệ thống này sẽ được Công ty áp dụng cho xưởng sản xuất của Nhà máy.

Ngoài ra, đối với các mái nhà xưởng được lợp bằng mái tôn sóng, bên dưới người ta còn che thêm lớp bạc cách nhiệt, với mục đích giảm được phần lớn lượng nhiệt bức xạ từ mặt trời.

Tại tổ đập và tổ cắt nòng đặt các chiếc quạt làm mát cục bộ và chiếc quạt hút nhỏ (tổ cắt nòng). Mỗi tổ đặt từ một đến hai chiếc.

Tại các phòng ban để cải thiện nhiệt độ trong phòng Công ty sẽ trang bị các máy điều hòa (hơi lạnh được cung cấp bằng các máy chạy hơi lạnh) phân phối cho toàn bộ khối văn phòng.

- *Ánh sáng:* Mỗi máy may trang bị 1 bóng đèn huỳnh quang, bóng đèn luôn được thay mỗi khi không còn đảm bảo độ sáng hay hư hỏng tại nơi làm việc.

- *Tốc độ gió:* Cùng với việc thiết kế tấm trao đổi nhiệt nên việc điều chỉnh để tốc độ gió ở đây được đảm bảo tốt đạt chuẩn TCVS 3733/2002/QĐ-BYT.

#### **h) Giảm thiểu các tác động tới kinh tế - xã hội**

- Dự án đi vào hoạt động chủ yếu đem lại lợi ích về kinh tế xã hội cho khu vực thể hiện ở việc tạo công ăn việc làm và ổn định cuộc sống cho 1.500 công nhân tại địa phương. Sự hình thành và hoạt động của Dự án kéo theo một loạt các dịch vụ khác phát triển theo góp phần quan trọng vào việc đẩy nhanh tốc độ Công nghiệp hóa tại khu vực, nâng cao cuộc sống của người dân.

- Xây dựng nội qui hoạt động của từng đơn vị thành phần trong Dự án. Hoạt động kiểm tra, giám sát Dự án được thực hiện bằng sự phối hợp, sắp đặt kế hoạch chung của nhiều cơ quan chức năng, đồng thời khẩn trương khắc phục các vấn đề phát sinh trong cộng đồng thì các tác động tiêu cực xã hội sẽ không còn đáng kể.

- Tuyên truyền giáo dục văn hóa - xã hội bằng các hình ảnh, biểu ngữ, đài báo vận động công nhân trong Nhà máy thực hiện nếp sống văn minh.

### **3.2. Giảm thiểu tác động do các rủi ro, sự cố**

#### **a) Giảm thiểu những rủi ro, sự cố giai thi công xây dựng**

##### **\* Công tác an toàn lao động:**

- Lập Ban an toàn lao động tại công trường và cử người chuyên trách; xây dựng, ban hành và buộc công nhân viên tại công trường phải thực hiện nghiêm túc các nội quy làm việc tại công trường bao gồm nội quy ra vào làm việc tại công trường, nội quy về trang bị bảo hộ lao động, nội quy sử dụng thiết bị nâng cẩu, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn cháy nổ,...

- Trước khi đi vào thi công xây dựng công trình, Chủ dự án cho lập rào chắn tại các khu vực có dân cư qua lại, khu vực tiếp giáp với đường giao thông để hạn chế tối đa các khả năng xảy ra sự cố tai nạn giao thông;
- Có quy định chặt chẽ về công tác an toàn lao động;
- Công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động;
- Quy định tốc độ tối đa đối với xe cộ, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công để phòng ngừa sự cố;
- Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị thi công được thực hiện qua đào tạo, thực hành theo các nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật;
- Các tài liệu chỉ dẫn của các thiết bị và máy móc xây dựng luôn được kèm theo thiết bị máy móc. Các thông số kỹ thuật được kiểm tra thường kỳ;
- Có biển báo trên khu vực thi công;
- Sắp xếp tuyến thi công hợp lý;
- Thiết kế hệ thống đèn chiếu sáng cho các khu vực làm việc vào ban đêm;
- Khi thi công, lắp ráp ở giàn dáo hoặc thiết bị trên cao, công nhân phải có dây đeo an toàn;
- Trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết cho công nhân tại công trường như khẩu trang chống bụi và khí, mũ bảo hộ, găng tay, kính và tất chân trong quá trình hàn xì, các thiết bị an toàn trong sử dụng điện...

**\* An toàn cho thiết bị:**

- Thiết bị trước khi đưa vào sử dụng phải được các ban chức năng kiểm tra và được đăng ký sử dụng.
- Vận hành mỗi loại thiết bị, máy móc đều tuân thủ nghiêm các nguyên tắc của nhà sản xuất.
- Tất cả các thợ vận hành được đào tạo chính quy và được cấp giấy chứng chỉ tay nghề.
- Đối với các thiết bị điện:
  - + Kiểm tra loại của thiết bị điện được nối đất bảo vệ tuân theo quy định của TCVN "Quy phạm nối đất và nối không của các thiết bị điện".
  - + Nối điện từ lưới vào thiết bị có cầu giao, giấy cháy.
  - + Tất cả các thiết bị sử dụng vỏ che chắn an toàn.
  - Đối với đường dây điện phục vụ sinh hoạt và thi công sẽ dùng cách điện và giảm tối thiểu việc chạy qua thiết bị.
  - Tại vị trí làm việc được lắp dây tiếp đất và tủ điện.
  - Đường dây tải điện đủ lớn và công suất để truyền tải đủ điện cho thiết bị.
  - Các đầu cáp điện được cuốn kín và đặt trong hòm thiếc và sau đó phủ bằng vật liệu cách điện và chống thấm.

**\* Phương án phòng chống cháy nổ và phòng chống sét:**

- Phương án phòng chống cháy nổ:



- + Không được hút thuốc, đốt lửa hay hàn gần khu vực cấm lửa, khu vực có xăng dầu, thiết bị, máy móc, xưởng gia công cốt pha.
- + Chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện chống cháy như bể cát, nước, bơm, bình khí CO<sub>2</sub>... để kịp thời chữa cháy khi có hỏa hoạn xảy ra.
- + Thiết kế thiết bị tự động ngắt điện cầu dao tổng.
- + Tổ chức quan trắc và giám sát các sự cố trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và đưa các giải pháp ứng cứu, xử lý kịp thời.

*- Phương án phòng chống sét:*

Các sự cố cháy nổ, sét đánh cũng có thể xảy ra trong quá trình thi công gây thiệt hại rất lớn cho công trình và con người nên hương án PCCC, phòng chống sét được Chủ dự án rất quan tâm.

Để đảm bảo an toàn trong chống sét cho công trình trong quá trình xây dựng cũng như hoạt động, chủ dự án cho lắp đặt các hệ thống thu sét bao gồm thu lôi và hệ thống tiếp địa. Hệ thống thu sét được lắp đặt tại các xưởng sản xuất, nhà làm việc, nhà ăn.

Tất cả vỏ thiết bị công nghệ, tủ, hộp điện vỏ cấp và các kết cấu kim loại khác dùng để lắp đặt thiết bị điện và hệ thống điện được nối đất phù hợp với chế độ của điện trung tính của máy biến thế nguồn, thông qua một mạng lưới tiếp địa bằng dây đồng trần. Lắp đặt mạng lưới và hệ thống điện vừa đảm bảo độ thâm mỹ vừa mang tính tiện lợi và có tính an toàn cao.

**b) Giảm thiểu những rủi ro, sự cố giai đoạn vận hành dự án**

**a. Sự cố về cháy nổ**

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC như: Hệ thống ống dẫn nước chữa cháy, các bình chữa cháy: bình bột ABCDE, bình khí CO<sub>2</sub> ở khu vực văn phòng, xưởng sản xuất, kho, căn tin.
- Trang bị còi báo cháy tự động, đầu dò quanh khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.
- Xây dựng sơ đồ thoát hiểm khi sự cố xảy ra.
- Hệ thống cứu hỏa bình chữa cháy luôn được kiểm tra định kỳ 1 lần/1 tháng.
- Bố trí các bình chữa gas nấu ăn ở khu vực riêng biệt và có kiểm tra định kỳ hàng tuần.
- Thiết kế hệ thống cung cấp nước chữa cháy ở khắp các khu vực.
- Trồng cây xanh để lấy bóng mát và bảo vệ môi trường.
- Tổ chức huấn luyện tuyên truyền giáo dục về công tác phòng cháy chữa cháy cho CBCNV trong Nhà máy.

**b. An toàn lao động**

- Xây dựng bộ phận chuyên trách về bộ phận an toàn trong lao động (bộ phận SOE).
- Tổ chức các chương trình huấn luyện về vệ sinh an toàn lao động.
- Áp dụng chương trình 5S trong nhà xưởng: Sắp xếp, sắp đặt, sàng lọc, sạch sẽ, sẵn sàng.
- Áp dụng nguyên tắc tuân thủ toàn cầu VF: Nội dung chính là bắt buộc các nhà máy phải tuân thủ nguyên tắc đảm bảo an toàn lao động đối với sức khỏe công nhân và vấn đề môi trường.
- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc: Khẩu trang,...
- Kiểm tra định kỳ hàng năm các chỉ tiêu nước uống đo đó đảm bảo được vệ sinh và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe.
- Phòng Y tế luôn sẵn sàng ứng cứu khi sự cố tai nạn xảy ra.
- Lắp đặt các hệ thống an toàn trong lao động: Các tấm cách điện gắn thùng điện, các rào chắn đối với các thiết bị điện đặt ngoài trời.

#### **IV. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

##### **4.1. Các công trình xử lý môi trường**

###### **4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

Chủ đầu tư sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường do Dự án gây ra.

Cụ thể như sau:

- Lắp đặt tường rào xung quanh khu đất xây dựng mới bằng tấm lưới chắn để giảm thiểu lượng bụi phát tán tại các vị trí gần khu dân cư và đường giao thông.
- 01 thùng đựng rác dung tích từ 10-15 lít đặt tại công trường để chứa các loại rác thải nguy hại nếu có. Bên ngoài thùng có ghi đầy đủ nhãn mác: "thùng đựng chất thải nguy hại".
- Xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích  $5m^3$ . Và một số biện pháp quản lý, kỹ thuật khác đã được đề cập trong mục III: Tưới ẩm đường giao thông và công trình, thu gom rác thải, vệ sinh mặt bằng...

###### **4.1.2. Giai đoạn vận hành của dự án**

- Xây dựng 04 bể Bastaf để xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV và công nhân tại các khu nhà làm việc, xưởng sản xuất;
- Xây dựng 01 hệ thống ga bằng BTCT để lắng cặn bản của nước thải từ rửa chân, tay, rửa sàn, vệ sinh sân đường nội bộ trong dự án;
- Lắp đặt 01 hệ thống tháp hấp thụ xử lý khí thải lò hơi, bể lắng cặn bản sau khi qua tháp hấp thụ trước khi được dẫn tới HTXLNT tập trung của KCN để xử lý đạt Quy chuẩn;

- Xây dựng 01 hệ thống hồ ga, mương thoát nước mưa xung quanh khu vực dự án để thu gom nước mưa của dự án trước khi thải ra mương thoát nước của Khu công nghiệp Bắc Vinh dọc đường Quy hoạch D2.

- Xây dựng 01 kho chứa rác để chứa rác thải khu vực văn phòng và xưởng sản xuất, 01 thùng đựng rác khu vực sân đường nội bộ, dung tích 15lit, 01 thùng đựng rác thải nguy hại kín đặt tại kho chứa rác.

Thời gian hoàn thành các hạng mục thu gom, xử lý nước thải: Đầu tư xây dựng và hoàn thành trước khi đưa dự án vào sử dụng (tháng 06/2016).

- Trồng cây xanh: Công ty sẽ chỉ đạo nhà thầu tiến hành trồng cây xung quanh dự án trước tháng 07/2016.

#### 4.2. Chương trình giám sát môi trường

Để ra chương trình nhằm giám sát các chất thải và các tác động không liên quan đến chất thải phát sinh trong suốt quá trình xây dựng và giai đoạn vận hành dự án. Ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường, Chủ dự án (Công ty CP Minh Trí Vinh) phải thực hiện chương trình quan trắc giám sát môi trường và hàng quý báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường và giám sát chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể như sau:

##### 4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

###### \* Giám sát môi trường không khí và tiếng ồn:

- Số điểm giám sát: 02 điểm;

- Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực dự án và 01 điểm ngoài khu vực dự án theo hướng gió chủ đạo (khu dân cư);

+ Các thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, độ rung, bụi lơ lửng, các khí: CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>;

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05: 2009/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26: 2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (QCVN 27: 2010/BTNMT).

###### \* Giám sát nước thải:

+ Số điểm giám sát: 01 điểm

+ Vị trí giám sát: Sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn;

+ Các thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Coliform, dầu mỡ khoáng;

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B).

#### 4.2.2. Giai đoạn vận hành của dự án

\* **Giám sát môi trường không khí và tiếng ồn:**

+ Số điểm giám sát: 03 điểm;

+ Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực khuôn viên Nhà máy và 01 điểm ngoài khu vực dự án theo hướng gió chủ đạo; 01 điểm tại ống hệ thống xử lý khí thải.

+ Các thông số giám sát: Tiếng ồn và bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05: 2009/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26: 2010/BTNMT), QCVN 19: 2009/BTNMT và QCVN 20: 2009/BTNMT.

\* **Giám sát nước thải:**

+ Số điểm giám sát: 01 điểm;

+ Vị trí giám sát: Sau khi xử lý tại cửa xả trước khi xả thải ra mương thoát nước thải của KCN Bắc Vinh tới hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN.

+ Các thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Coliform, dầu mỡ, TDS;

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B).

#### 4.2.3. Chế độ báo cáo

Hàng năm, Công ty chúng tôi sẽ thực hiện chế độ quan trắc định kỳ và nộp báo cáo 04 lần/năm (tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm) cho các cơ quan quản lý là UBND thành phố Vinh, Ban quản lý KCN Bắc Vinh để kiểm tra, giám sát.

## V. CAM KẾT THỰC HIỆN

Công ty CP Minh Trí Vinh Chủ đầu tư xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An cam kết thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định 29/2011/NĐ-CP bao gồm:

- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng dự án; quan trắc môi trường như đã nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường;

- Thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án; nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu;

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý./.

### CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Nguyễn Hồng Hạnh*

## PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Minh Trí Vinh;
2. Công văn số 902/UBND-XD ngày 24/02/2014 của UBND tỉnh Nghệ An;
3. Bản vẽ Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Mặt bằng tổng thể dự án Nhà máy may Minh Trí Vinh.
4. Chứng chỉ quy hoạch số 03/CCQH-KCN ngày 23/04/2014.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH NGHỆ AN  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 2901567817**

*Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 08 năm 2012*

*Đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 24 tháng 09 năm 2013*

*Đăng ký cấp lại, ngày 24 tháng 5 năm 2013*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu Công nghiệp Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Điện thoại: 0388 687788

Fax:

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410 (Chính)
2	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
3	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
4	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
5	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt, may	4639
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc.	4659

**4. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 500.000

**5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0**

## 6. Vốn pháp định

## 7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức
1	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUY PHONG	Số 53, ngõ Thái Hà, phố Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	3	0105907973
			Tổng số	15.000	150.000.000	3	
2	CÔNG TY TNHH MINH TRÍ	Khu Công nghiệp Vinh Tuy, Phường Vinh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	362.500	3.625.000.000	72,5	0100737879
			Tổng số	362.500	3.625.000.000	72,5	
3	TRƯƠNG HỒNG HẠNH	C6, khu TT Đại học Xây dựng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10	011537213
			Tổng số	50.000	500.000.000	10	
4	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	Thôn Nhân Vực, Xã Văn Nhân, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	2	111201347
			Tổng số	10.000	100.000.000	2	
5	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	33, ngõ 243, tổ 38, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5	012541157
			Tổng số	25.000	250.000.000	5	
6	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Tổ 37, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5	011035680
			Tổng số	25.000	250.000.000	5	



7	NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	Số 92 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.500	125.000.000	2,5	010363895
			Tổng số	12.500	125.000.000	2,5	

**8. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG HẠNH**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *20/08/1969*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *011419020*

Ngày cấp: *19/09/2001*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Số 164, ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 164, ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Thông tin về chi nhánh**

**10. Thông tin về văn phòng đại diện**

**11. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MẠI  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: *25-12-2013* 08 H

Số chứng thực: *14305* SGT/BS

**TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Nguyễn Văn Hải*



**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Sơn Minh*

## CHỨNG CHỈ QUY HOẠCH

Số: 03 /CCQH- KCN

Cấp cho: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.

ĐC: Tổ 10, khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh tỉnh Nghệ An.

### NỘI DUNG

#### I. Vị trí lô đất: Thuộc khu công nghiệp Bắc Vinh.

- Phía Bắc lô đất giáp: Kho nông sản thực phẩm;
  - Phía Nam lô đất giáp: Mương thoát nước;
  - Phía Tây lô đất giáp: Đường D2 KCN Bắc Vinh;
  - Phía Đông lô đất giáp: Hàng rào KCN Bắc Vinh.
- Diện tích lô đất: 8.647 m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

#### II - Quy hoạch và sử dụng đất đai:

1. Tính chất chức năng khu đất để xây dựng nhà máy may.
  - Loại công trình được xây dựng : Nhà xưởng, kho, nhà điều hành, công trình phụ trợ.
  - Loại công trình cấm xây dựng : Công trình dân dụng, dịch vụ.
2. Cột san nền: Cao độ trung bình 4,7-5,0 m (Theo lườn cao độ chuẩn Quốc gia)
3. Mật độ xây dựng (DT xây dựng/ DT lô đất): 50 - 60%.
4. Chỉ giới xây dựng: Phía Tây cách trục đường D2 là 16,75m;  
Chỉ giới đường đỏ: trùng với chỉ giới xây dựng;
5. Đường giao thông: Hệ thống giao thông trong KCN đã xây dựng.
  - Thoát nước mưa, thoát nước bẩn: Đã xây dựng.
  - Cấp nước, cấp điện: Theo hệ thống cấp điện của KCN.
6. Yêu cầu về kiến trúc: Hiện đại, phù hợp với công năng của công trình.
7. Yêu cầu về môi trường: Chủ đầu tư phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc cam kết BVMT tùy dự án) và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

#### III. Những lưu ý khác:

1- Chứng chỉ quy hoạch này là cơ sở cho việc: Lập thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng; thiết kế cơ sở dự án, báo cáo đánh giá tác động môi trường (cam kết BVMT) và lập dự án đầu tư để phê duyệt theo quy định hiện hành. Hoàn chỉnh các thủ tục trên nộp cho Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An để được cấp giấy chứng nhận đầu tư, sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư làm thủ tục cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

2- Chứng chỉ quy hoạch này chỉ có hiệu lực trong thời hạn cấp. Nếu quá thời gian trên mà Chủ đầu tư chưa đủ hồ sơ đã được phê duyệt nộp hồ sơ để nộp tại Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thì Ban sẽ thu hồi CCQH, hoặc cấp khu đất cho đơn vị khác mà không phải thông báo lại cho Chủ đầu tư. Mọi thiệt hại (nếu có) do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo đơn cấp CCQH đã cam kết.

Số chứng thực: ..... Quyển số: ..... Vinh, Ngày 23 tháng 4 năm 2014.

Nơi nhận:

Nơi trên;  
UBND tỉnh (báo cáo);  
Trưởng Ban;  
Phó trưởng ban ( A.Hòa);  
Cty PT KCN Nghệ An;  
Lưu VT, QHDD, KHDT, TNMT, TĐXD

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TRƯỜNG THỊ

TRƯỞNG BAN



Võ Văn Hải

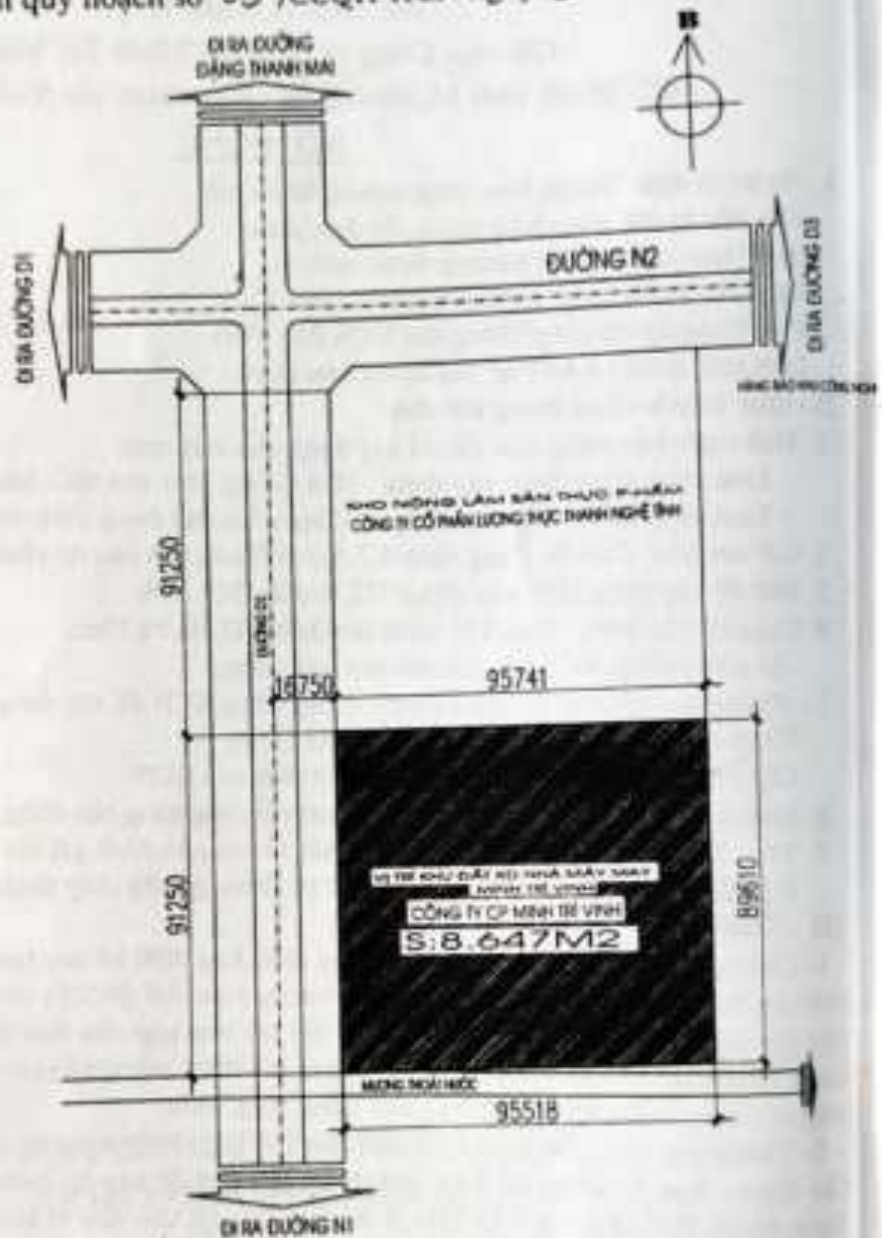
Mai Ngọc Lương

# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

KHU ĐẤT NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH TRÍ VINH

( Kèm theo chứng chỉ quy hoạch số 05 /CCQH-KCN ngày 23 tháng 4 năm 2014)



### GHI CHÚ

- DIỆN TÍCH ĐẤT: 8.719 M<sup>2</sup>
- MỐC KCN BẮC VINH
  - PHÍA BẮC GIÁP: KHO NÔNG SẢN THỰC PHẨM
  - PHÍA NAM GIÁP: MƯỜNG THOÁT NƯỚC
  - PHÍA TÂY GIÁP: ĐƯỜNG D2 KCN BẮC VINH
  - PHÍA ĐÔNG GIÁP: HÀNG BẢO KCN
- MẶT ĐỘ XO: 50 - 60%
- CỘT SÀN NỀN: CAO TỶ 4.8M.

BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN  
TRƯỞNG BAN

TP. QUẢNG

VÔ VĂN HẢI

NGUYỄN CẢNH H

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 902 /UBND-XD

V/v chuyển đổi dự án Nhà máy gạch bê tông nhẹ NAMIC sang Dự án nhà máy may xuất khẩu tại KCN Bắc Vinh.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nghệ An, ngày 24 tháng 02 năm 2014*

Kính gửi:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An;
- Công ty Đầu tư phát triển KCN Bắc Vinh;
- Công ty CP ĐT TM và SX VLXD Nghệ An,  
Công ty CP Minh Trí Vinh.

Xét Công văn số 04/IDCo ngày 18/02/2014 của Công ty Đầu tư phát triển KCN Bắc Vinh về việc Công ty CP Minh Trí Vinh xin mở rộng nhà máy may tại KCN Bắc Vinh; Công văn số 02 NAMIC/CV-2014 ngày 08/01/2014 của Công ty CP ĐT TM và SX VLXD Nghệ An, công văn số 128/CV-MT ngày 08/01/2014 của Công ty CP Minh Trí Vinh và hồ sơ đề nghị chuyển đổi, mở rộng Dự án kèm theo,

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Cho phép chuyển đổi Dự án từ Công ty CP ĐT TM và SX VLXD Nghệ An sang Công ty CP Minh Trí Vinh.

Yêu cầu hai Công ty nói trên thực hiện đầy đủ các thủ tục, nghĩa vụ liên quan đến chuyển đổi dự án, chuyển đổi chủ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật;

Công ty CP Minh Trí Vinh (chủ đầu tư mới nếu hoàn thành chuyển đổi) được kế thừa toàn bộ hồ sơ thủ tục đã có của dự án và chịu trách nhiệm hoàn thiện thủ tục mở rộng, đầu tư xây dựng, đưa dự án vào hoạt động đúng nội dung, tiến độ theo quy định.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. *ta*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT CN UBND tỉnh;
- CVP, PVP CN UBND tỉnh;
- Lưu VTUB, CVXD (0).

*SĐ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Thanh Điền*



# CHỨNG CHỈ QUY HOẠCH

Số: 03 /CCQH- KCN

Cấp cho: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.

ĐC: Tổ 10, khối 14, phường Bến Thủy, thành phố Vinh tỉnh Nghệ An.

## NỘI DUNG

### I . Vị trí lô đất: Thuộc khu công nghiệp Bắc Vinh.

- Phía Bắc lô đất giáp: Kho nông sản thực phẩm;
  - Phía Nam lô đất giáp: Mương thoát nước;
  - Phía Tây lô đất giáp: Đường Đ2 KCN Bắc Vinh;
  - Phía Đông lô đất giáp: Hàng rào KCN Bắc Vinh .
- Diện tích lô đất: 8.647 m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

### II - Quy hoạch và sử dụng đất đai:

1. Tính chất chức năng khu đất để xây dựng nhà máy may.
  - Loại công trình được xây dựng : Nhà xưởng, kho, nhà điều hành, công trình phụ trợ.
  - Loại công trình cấm xây dựng : Công trình dân dụng, dịch vụ...
2. Cốt san nền: Cao độ trung bình 4,7-5,0 m (Theo lưới cao độ chuẩn Quốc gia).
3. Mật độ xây dựng (DT xây dựng/ DT lô đất): 50 - 60%.
4. Chỉ giới xây dựng: Phía Tây cách trục đường Đ2 là 16,75m;  
Chỉ giới đường đỏ: trùng với chỉ giới xây dựng;
- 5.- Đường giao thông: Hệ thống giao thông trong KCN đã xây dựng.
  - Thoát nước mưa, thoát nước bán: Đã xây dựng.
  - Cấp nước, cấp điện: Theo hệ thống cấp điện của KCN.
6. Yêu cầu về kiến trúc: Hiện đại, phù hợp với công năng của công trình.
7. Yêu cầu về môi trường: Chủ đầu tư phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc cam kết BVMT tùy dự án) và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

### III . Những lưu ý khác:

1- Chứng chỉ quy hoạch này là cơ sở cho việc: Lập thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng; thiết kế cơ sở dự án, báo cáo đánh giá tác động môi trường (cam kết BVMT) và lập dự án đầu tư để phê duyệt theo quy định hiện hành. Hoàn chỉnh các thủ tục trên nộp cho Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An để được cấp giấy chứng nhận đầu tư, sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư làm thủ tục cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

2- Chứng chỉ quy hoạch này có thời hạn 06 tháng tính từ ngày cấp. Nếu quá thời gian trên mà Chủ đầu tư chưa đủ hồ sơ đã được phê duyệt nêu trên để nộp tại Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thì Ban sẽ thu hồi CCQH, hoặc cấp khu đất cho đơn vị khác mà không phải thông báo lại cho Chủ đầu tư. Mọi thiệt hại (nếu có) do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo đơn cấp CCQH đã cam kết.

Vinh, Ngày 23 tháng 4 năm 2014.

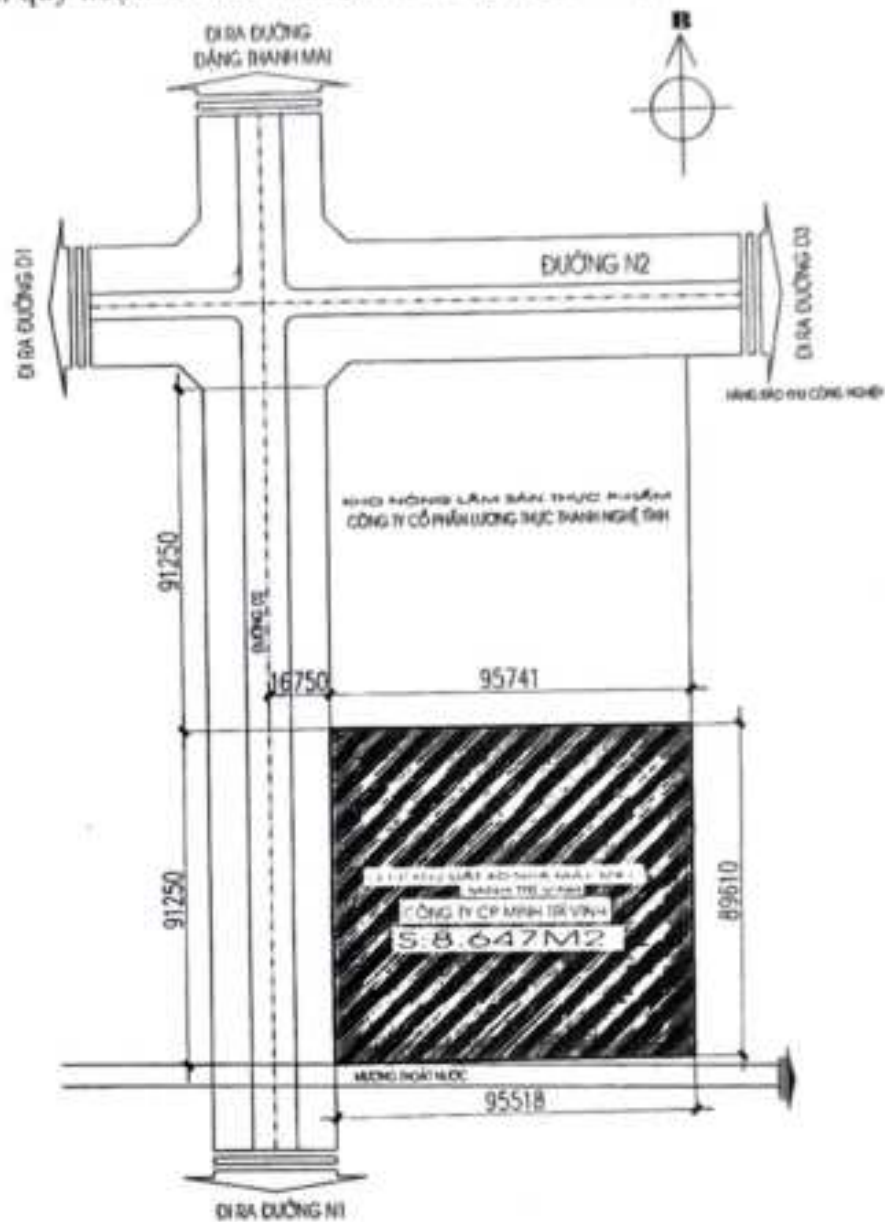


### Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trưởng Ban;
- Phó trưởng ban ( A.Hòa);
- Cty PT KCN Nghệ An;
- Lưu VT, QHXD, KHĐT, TNMT, TĐXD.

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ**  
**KHU ĐẤT NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH TRÍ VINH**

(Kèm theo chứng chỉ quy hoạch số 03 /CCQH-KCN ngày 23 tháng 4 năm 2014)



**GHI CHÚ**

- DIỆN TÍCH ĐẤT: 8.719 M<sup>2</sup>
- THUỘC KCN BẮC VINH
- PHÍA BẮC GIÁP: KHO NÔNG SẢN SẢN PHẨM THỰC PHẨM
- PHÍA NAM GIÁP: MƯỜNG THOÁT NƯỚC
- PHÍA TÂY GIÁP: ĐƯỜNG D2 KCN BẮC VINH
- PHÍA ĐÔNG GIÁP: HÀNG RÀO KCN
- MẬT ĐỘ XD: 50 - 60%
- CỘT SAN HẸM: CAO 18 4,8M.

**BAN QUẢN LÝ KKT ĐỒNG NAM NGHỆ AN**

TRƯỞNG BAN

TP. QHĐ

*(Handwritten signature)*

VÔ VĂN HẢI

NGUYỄN CẢNH HÙNG

**BAN Q.LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN ĐẦU TƯ**

**Số: 12/2014/XNĐT**

*Xác nhận lần đầu: ngày 30 tháng 6 năm 2014*

- Căn cứ Luật Đầu tư, ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, ngày 22 tháng 9 năm 2006, của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Quyết định số 1150/2007/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 8 năm 2007, của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An;
- Xét đề nghị của Công ty CP Minh Trí Vinh và hồ sơ đăng ký đầu tư nộp kèm theo ngày 26/6/2014.

**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM NGHỆ AN**

**Xác nhận: CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH**

- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại: 0383596072

- Fax:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901567817, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 24/09/2013.

**Người đại diện:**

- Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG HẠNH** Giới tính: Nữ

- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Sinh ngày: 20/08/1969 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 011419020

- Ngày cấp: 19/09/2001 Cơ quan cấp: Công an Thành phố Hà Nội.

- Hộ khẩu thường trú: Số 164, Ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

- Chỗ ở hiện tại: Số 164, Ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

**Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:**

**Điều 1. Tên dự án đầu tư:**

**XÂY DỰNG NHÀ MÁY MAY MINH TRÍ VINH**

**Điều 2. Mục tiêu và mô dự án:**

- Mục tiêu: Nghệ An có vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển nền công nghiệp nên việc Xây dựng Nhà máy may Minh Trí Vinh theo công nghệ hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của Nghệ An.

Dự án sẽ tạo ra tiền đề phát triển sản xuất kinh doanh cho Công ty, phát huy tối đa tiềm năng lao động, tối đa hóa lợi nhuận, đóng góp thêm cho nguồn vốn ngân sách cho Nhà nước và cho tỉnh nhà, góp phần thúc đẩy nền kinh tế tỉnh nhà phát triển mạnh hơn.

Tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động trên địa bàn, và mức thu nhập ổn định cho người lao động ngày càng cao, cải thiện đời sống.

- Quy mô dự án: 1,5 triệu sản phẩm/ năm.

**Điều 3. Địa điểm và diện tích sử dụng:**

- Địa điểm: Tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Diện tích sử dụng đất: 8.635,66 m<sup>2</sup>.

**Điều 4. Vốn đầu tư đăng ký: 13.745.278.000 đồng**

**Điều 5. Thời gian hoạt động dự án: 34 năm kể từ ngày cấp Giấy xác nhận đầu tư.**

**Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy xác nhận đầu tư.**

**Điều 7. Các ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định của Nhà nước hiện hành.**

**Điều 8:** Giấy xác nhận đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 (một) bản cấp cho Công ty CP Minh Trí Vinh, 01 (một) bản lưu tại Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

Xác nhận đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. 3

**Nơi nhận:**

- Như điều 8;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP Vinh;
- UBND xã Hưng Đông;
- Công ty ĐTPT KCN Bắc Vinh;
- Các Phó Trưởng Ban;
- Các phòng: QHXD, TNMT, DN&LD;
- Lưu VT, KHĐT. Y





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Vinh, ngày 16 tháng 4 năm 2014

**HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
Số: 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ

- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/12/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 18/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 189937 (số vào sổ T00056) ngày 04/6/2008 và BA 845246 (số vào sổ CT 00238) ngày 07/10/2010 của UBND tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh;

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2014, tại phòng công chứng số 1 tỉnh Nghệ An, chúng tôi đại diện hai bên hợp đồng gồm có:

**I- Bên cho thuê (Sau đây gọi là bên A)**

Công ty đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh- thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Do ông: **Nguyễn Bá Trinh**

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

(Theo Giấy ủy quyền số 545/TCT-TCNS ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt nam)

Trụ sở: 01 Lê Doãn Nhã - phường Trung Đô- TP. Vinh- tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038. 3852 731 - Fax: 038. 3852 731

Tài khoản: 5101 000000 2067 - Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Nghệ An

Mã số thuế: 0100106313-006

**II- Bên thuê (Sau đây gọi là bên B)**

Công ty cổ phần Minh Trí Vinh

Đăng ký kinh doanh số 2901567817 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/8/2011

Do ông: **Nguyễn Lê Hùng**

Chức vụ: Giám đốc Tài chính Công ty

(Theo Quyết định ủy quyền số 01/QĐ của Chủ tịch HĐQT Công ty CP Minh Trí Vinh)

Trụ sở: khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh- tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038 3555 453

Tài khoản: 190 26402468 688 - tại Ngân hàng Techcombank PGD Bà Triệu.

Mã số thuế: 2901567817



Handwritten signatures and initials in the bottom right corner.

Hai bên đồng ý ký hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất theo các thoả thuận sau đây:

## ĐIỀU 1

### QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI

Quyền sử dụng đất thuê lại của bên B đối với thửa đất như sau:

- Thửa đất có diện tích 8.783,1 m<sup>2</sup>

(Bằng chữ: *Tám ngàn, bảy trăm tám ba phẩy một mét vuông*)

Vị trí: Theo trích lục bản đồ địa chính khu đất đo, chính lý bổ sung số 49/2012/BĐ.ĐC được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An phê duyệt ngày 04/5/2012.

+ Phía Bắc giáp khu đất kho nông sản Công ty CP lương thực Thanh Nghệ Tĩnh

+ Phía Nam giáp hàng rào khu công nghiệp

+ Phía Đông giáp hàng rào khu công nghiệp

+ Phía Tây cách tìm đường D2: 16,75m

- Địa chỉ thửa đất: đường D2 KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 8.783,1 m<sup>2</sup>

- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy may xuất khẩu

- Thời hạn sử dụng: đến ngày 18/12/2048.

- Nguồn gốc sử dụng: Thuê lại của Công ty đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh

Thửa đất nêu trên thuộc 1 phần thửa đất số 102, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189937 và 1 phần thửa đất số 109, tờ bản đồ số 15/BĐ.ĐC, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 845246 địa chỉ thửa đất: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

## ĐIỀU 2

### THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê lại quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này kể từ ngày 01/4/2014 đến ngày 18/12/2048.

## ĐIỀU 3

### MỤC ĐÍCH THUÊ LẠI ĐẤT

Mục đích thuê lại quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy may xuất khẩu

## ĐIỀU 4

### GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê lại quyền sử dụng đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này áp dụng tại thời điểm hiện tại là 14.700 đồng/m<sup>2</sup>/năm (chưa bao gồm thuế GTGT). Đơn giá sẽ được

1 1/1  
1 1/2

điều chỉnh hàng năm khi có thay đổi về tiền thuê đất nguyên thổ đối với bên A, thay đổi về chính sách của Nhà nước và có biến động lớn về giá cả.

2. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.
3. Phương thức thanh toán: thanh toán tiền một năm một lần. Thời hạn thanh toán vào quý I hàng năm. Nếu bên B nộp tiền thuê đất chậm so với thời gian quy định trên thì phải thanh toán tiền lãi cho bên A theo lãi vay thương mại tại thời điểm nộp tiền cho số tiền nộp chậm. Thời gian chậm nộp tiền thuê đất không quá 03 tháng. Trong trường hợp Bên B chậm nộp tiền thuê đất quá 03 tháng thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B thanh lý hợp đồng, trao mặt bằng cho Bên A và Bên A có quyền gửi hồ sơ yêu cầu tòa án kinh tế Nghệ An giải quyết.
4. Tiền thuê đất phải nộp tính từ ngày: 01/4/2014.
5. Nơi nộp tiền thuê đất: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV  
- Tài khoản Việt Nam đồng: 1201 000 000 1034  
tại sở giao dịch I Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (53 Quang Trung, Hà Nội)
6. Riêng tiền điện, nước, phí xử lý nước thải, các phí dịch vụ khác bên B thanh toán hàng tháng cho nhà cung cấp dịch vụ theo số thực tế bên B đã sử dụng. Giá phí theo giá tại thời điểm.

#### ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

##### 1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thừa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B sau khi được Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An cấp chứng nhận đầu tư.
- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Nộp thuế sử dụng đất;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

##### 2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê đất theo thời gian và phương thức đã thỏa thuận tại điều 4 của hợp đồng này;
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu bên B trả lại đất khi thời hạn cho thuê đã hết.

#### ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

##### 1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;

*[Handwritten signature]*  
1  
3

- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức và thời gian đã thoả thuận tại điều 4 của hợp đồng này;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh. Bên B phải thực hiện nghiêm túc các quy định sau về môi trường:
  - + Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn và vệ sinh môi trường đạt tiêu chuẩn cột B - QCVN 40:2011/BTNMT thì mới được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp.
  - + Trong trường hợp doanh nghiệp có nước thải công nghiệp xả vào đường ống thoát nước thải chung của khu công nghiệp thì Bên B phải đăng ký lượng nước thải với Bên A và phải thanh toán tiền phí xử lý nước thải hàng tháng với mức phí theo quy định của Bên A.
  - + Tiêu chuẩn khí thải theo quy định của Nhà nước.
  - + Chất thải rắn: hợp đồng với Công ty môi trường Đô thị vận chuyển đến bãi rác tập trung của thành phố.
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất trong các trường hợp: hết thời hạn thuê đất tại điều 2; Bị thu hồi xác nhận đầu tư; Bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

**2. Bên B có các quyền sau đây:**

- Yêu cầu bên A giao thừa đất đúng như đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

**ĐIỀU 7**

**VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ**

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc thuê lại quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên B chịu trách nhiệm nộp.

**ĐIỀU 8**

**PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

*(Handwritten signature and initials)*

11/2/2019  
 11/2/2019  
 11/2/2019

**ĐIỀU 9  
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN**

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

**1. Bên A cam đoan**

1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**2. Bên B cam đoan**

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

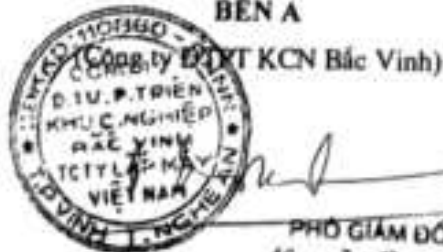
**ĐIỀU 10  
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

2. Hợp đồng này được lập thành 08 bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản, 01 bản gửi Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, 01 bản gửi sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, 01 bản lưu tại Phòng Công chứng số 1 Nghệ An.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký

**BÊN A**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Bá Vinh*

**BÊN B**



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Nguyễn Lê Hùng*

## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2014 (Ngày mười sáu tháng tư năm hai nghìn mười bốn), tại trụ sở Phòng Công chứng số 1 tỉnh Nghệ An, 56 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tôi: **Nguyễn Cảnh Toàn** - Công chứng viên Phòng công chứng số 1 tỉnh Nghệ An,

### CÔNG CHỨNG:

*Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số: 01/2014 - DD/HĐ - TQS Đ, ngày 16/4/2014, được giao kết giữa:*

**BÊN A (Bên cho thuê):**

Công ty Đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh - thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam.

Do ông: **Nguyễn Bá Trình**

Chức vụ: Phó Giám đốc công ty làm đại diện

**BÊN B (Bên thuê):**

Công ty cổ phần Minh Trí Vương

Do ông: **Nguyễn Lê Hùng**

Chức vụ: Giám đốc Tài chính Công ty làm đại diện

Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Hợp đồng.

Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng không trái với pháp luật và đạo đức xã hội.

Đối tượng của giao dịch của Hợp đồng là có thật.

Các bên giao kết đã tự nguyện đọc lại Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng. Các bên đã ký và đóng dấu vào Hợp đồng trước sự chứng kiến của Công chứng viên.

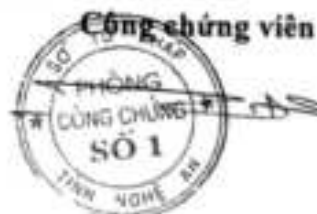
Hợp đồng này gồm 08 bản chính, mỗi bản gồm 06 trang, 06 tờ, cấp cho:

+ 03 bản chính cho bên cho thuê,

+ 04 bản chính cho bên thuê.

+ Lưu tại Phòng công chứng 01 bản.

Số công chứng: 2028 quyển số: 02/2014 TP/CC - SCC/HĐGD



**Nguyễn Cảnh Toàn**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Vinh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 01/PL-HĐTQSDĐ

(Phụ lục của Hợp đồng thuê lại QSD đất số 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ ngày 16/4/2014)

- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Căn cứ công văn số 137/KKT-TNMT ngày 12/3/2015 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An về việc chấp thuận điều chỉnh giá cho thuê lại đất đã xây dựng công sở hạ tầng KCN Bắc Vinh;
- Căn cứ hợp đồng thuê lại QSD đất số 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ ngày 16/4/2014 giữa Công ty Đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh và Công ty cổ phần Minh Trí Vinh;

Hôm nay, ngày 31 tháng 3 năm 2015 tại văn phòng Công ty đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh, chúng tôi đại diện hai bên ký hợp đồng gồm có:

### I- BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT (BÊN A)

Đại diện Công ty đầu tư phát triển khu công nghiệp Bắc Vinh- thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Do bà: **Lê Thị Ngọc Cẩm**

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (Giấy ủy quyền số 4421/TCT-TCNS ngày 19/3/2015 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam)

Trụ sở: 01 Lê Doãn Nhã - phường Trung Đô- TP. Vinh- tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038. 3852 731 - Fax: 038. 3852 731

Tài khoản: 5101 000000 2067 - Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Nghệ An

Mã số thuế: 0100106313-006

### II- BÊN THUÊ LẠI ĐẤT (BÊN B)

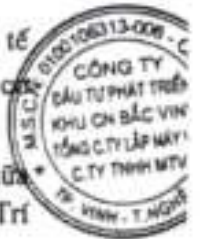
Đại diện Công ty cổ phần Minh Trí Vinh

Do ông: **Nguyễn Lê Hùng**

Chức vụ: Giám đốc Tài chính Công ty (Theo Giấy ủy quyền số 02-15 ngày 01/01/2015 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Minh Trí Vinh )

Trụ sở: Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, TP Vinh, T Nghệ An

Điện thoại: 038 868 7788



Tài khoản: 190 26402468 688 - Tại ngân hàng Techcombank PGD Bà Triệu  
Mã số thuế: 2901567817

Sau khi thoả thuận, hai bên đã đi đến thống nhất thay đổi điều khoản hợp đồng thuê QSD đất số 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ ngày 16/4/2014 như sau:

**Điều 1: Điều chỉnh giá cho thuê lại đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bắc Vinh:**

Giá tiền thuê lại đất mà bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A từ ngày 01/01/2015 (chưa có VAT) là: 20.000 đồng/m<sup>2</sup>/năm (Đơn giá này sẽ được điều chỉnh hàng năm khi có sự thay đổi giá thuê đất nguyên thổ của tỉnh Nghệ An đối với bên A và các thay đổi của chính sách Nhà nước và giá cả thị trường).

Tiền thuê đất năm 2015: 8.783,1 m<sup>2</sup> x 20.000 đồng/m<sup>2</sup>/ năm = 175.662.000 đồng  
Thuế GTGT (10%) = 17.566.200 đồng  
**Tổng số tiền: 193.228.200 đồng**

Bằng chữ: *Một trăm chín ba triệu, hai trăm hai tám ngàn, hai trăm đồng.*

**Điều 2:**

Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất cho bên A theo như các điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng thuê QSD đất số 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ ngày 16/4/2014.

**Điều 3:**

1. Phụ lục hợp đồng này là một phần của hợp đồng thuê QSD đất số 01/2014-Đ2/HĐ-TQSDĐ ngày 16/4/2014.
2. Phụ lục hợp đồng thuê lại đất này được ký ngày 31 tháng 3 năm 2015 tại thành phố Vinh và được lập thành 06 bản, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản, 01 bản gửi Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.
3. Phụ lục hợp đồng thuê lại đất này có hiệu lực kể từ ngày ký.



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Nguyễn Lê Hùng*



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Lê Thị Ngọc Cẩm*



Nghệ An, ngày 28 tháng 8 năm 2014

**SỐ ĐĂNG KÝ  
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 40.000312.T

(Cấp lần thứ nhất: ngày 28/8/2014)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

- Tên chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Minh Trí Vinh.
- Địa chỉ văn phòng: Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0388.687.788
- Tài khoản số: 19026402468688 tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2901567817 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 24/9/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Số đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận: *2*

- Như phần I;

- Lưu: VT; CCBVMT

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Võ

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 40.000312.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp lần thứ nhất ngày 28/8/2014).

**1. Cơ sở phát sinh CTNH**

- Tên: Công ty Cổ phần Minh Trí Vinh.
- Địa chỉ cơ sở: Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Găng tay, giẻ lau dính dầu.	Rắn	36	18 02 01
02	Bóng đèn huỳnh quang cháy hỏng.	Rắn	09	16 01 06
03	Hộp mực in thải.	Rắn	1,2	08 02 04
04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác.	Lỏng	12	17 02 04
05	Vỏ, thùng đựng dầu máy.	Rắn	05	18 01 02
06	Rác thải y tế (Bông băng, kim tiêm, vỏ hộp thuốc sơ cứu, điều trị các bệnh thông thường,...).	Rắn	06	13 01 01
07	Ắc quy.	Rắn	06	16 01 12
Tổng số lượng			75,2 kg/năm	

**3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
01	Rác thải sinh hoạt.	Rắn	30.000
02	Bìa carton, giấy, rác thải sản xuất.	Rắn	13.500
Tổng số lượng			43.500 kg/năm

**4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở (nếu có): không có****5. Bộ hồ kèm theo Sổ đăng ký**

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh.
- Bản sao Thông báo việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường./.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH TRÍ VINH

**BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ  
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

*Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: ..... do  
Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An, cấp lần ... ngày ... tháng ... năm 2014)*



= T.P Vinh, tháng 8 năm 2014 =

T.P Vinh, ngày 22 tháng 8 năm 2014

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
(cấp lần đầu)Kính gửi: - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An.  
- Chi cục Bảo vệ Môi trường.**1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:****1.1. Tên: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Khu Công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0388 687 788 Fax: E-mail:

Tài khoản số: 19026402468688, tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2901567817 ngày cấp: 24/9/2013 nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An.

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục): **Nguyễn Lê Hùng****1.2. Cơ sở phát sinh CTNH:**

Tên: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh

Địa chỉ (nhà máy): Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Loại hình (ngành nghề chính) hoạt động: May trang phục

Điện thoại: 0388 687 788 Fax: E-mail:

**2. Dữ liệu về sản xuất:****2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất:**

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)
01	Vải	96.000
02	Chỉ	34.000
03	Thùng carton	46.000
04	Bao nilon	64.000
05	Phụ liệu các loại	82.000

**2.2. Danh sách sản phẩm:**

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)
01	Quần áo dệt kim các loại	90.000

**3. Dữ liệu về chất thải:****3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	36	18 02 01
02	Bóng đèn huỳnh quang cháy hỏng	Rắn	9	16 01 06
03	Hộp mực in thải	Rắn	1,2	08 02 04
04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	12	17 02 04
05	Vỏ hộp, thùng đựng dầu máy	Rắn	5	18 01 02
06	Rác thải y tế (Bông băng, kim tiêm, vỏ, hộp thuốc phục vụ sơ cứu, điều trị các bệnh thông thường, ...)	Rắn/Lỏng	6	13 01 01
07	Ác quy	Rắn	6	16 01 12
	Tổng số lượng		75,2	

3.2. Danh sách chất thải thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
01	Rác sinh hoạt	Rắn	30.000
02	Bìa carton, giấy, rác thải sản xuất	Rắn	13.500
	Tổng số lượng		43.500

3.3. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có): Không có

4. Danh sách CTNH đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở (nếu có): Không có

5. Mục lục bộ hồ sơ đăng ký (3 bộ):

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH;
- Giấy đăng ký kinh doanh;
- Quy trình phương án lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại;
- Văn bản cam kết lưu giữ chất thải nguy hại;
- Văn bản cam kết bảo vệ môi trường của công ty CP Minh trí Vinh ngày 19/11/2012;

- Thông báo số 45/TB-UBND, ngày 22 tháng 11 năm 2012 của UBND TP Vinh, về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy may mặc xuất khẩu tại KCN Bắc Vinh xã Hưng Đông, thành phố Vinh" công suất 1,8 triệu sản phẩm/năm;

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý cơ quan cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Nguyễn Lê Hùng*

## QUY TRÌNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ TẠM THỜI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An
- Chi cục Bảo vệ Môi trường

### 1. Quy trình, phương án phân loại chất thải nguy hại:

Mã số	Tên chất thải	Mô tả chất thải	Quy trình, phương án phân loại, lưu giữ	Người thực hiện	Xử lý
18 02 01	Găng tay, giẻ lau dính dầu,...	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc	Toàn bộ găng tay, dẻ lau dính dầu thải ra trong quá trình sản xuất được thu gom và chứa trong các túi nilon hoặc các bao tải gai đựng trong thùng phuy có nắp đậy. Thùng phuy được để trong khu vực có mái che chắc chắn để lưu giữ tạm thời, có gắn biển cảnh báo nguy hại, phía trên thùng phuy có dán nhãn: "Thùng chứa chất thải nguy hại và mã số 18 02 01"	Công nhân	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
18 01 02	Vỏ hộp, vỏ thùng dầu	Vỏ hộp, vỏ thùng đựng dầu máy	Vỏ hộp, vỏ thùng đựng dầu sau khi sử dụng hết, được thu gom vào khu vực chứa chất thải nguy hại. Thùng đựng vỏ hộp dầu có dán nhãn "Vỏ hộp dầu và mã số 18 01 02"	Công nhân	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

3	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang	Bóng đèn neon phát sinh từ khu vực văn phòng và nhà xưởng công ty	Bóng đèn huỳnh quang cháy, hỏng được thu gom, phân loại riêng và được chứa trong các thùng. Các thùng đựng bóng đèn có dán nhãn "Bóng đèn huỳnh quang và mã số 16 01 06"	Công nhân	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
4	08 02 04	Hộp mực in thái	Phát sinh từ khu vực văn phòng	Hộp mực in thái được thu gom, phân loại riêng và được chứa trong các thùng. Các thùng đựng hộp mực in thái có dán nhãn "Hộp mực in thái và mã số 08 02 04"		Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
5	17 02 04	Dầu thải	Phát sinh từ quá trình bảo dưỡng máy móc	Dầu thải được thu gom, phân loại riêng và được chứa trong các thùng, có nắp đậy. Các thùng đựng dầu thải dán nhãn "Dầu thải và mã số 17 02 04"	Công nhân	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
6	13 01 01	Rác thải y tế (Bông băng, kim tiêm, vỏ, hộp thuốc phục vụ sơ cứu, điều trị các bệnh thông thường, ..)	Phát sinh từ quá trình khám bệnh, sơ cứu ban đầu và chữa các bệnh thông thường cho cán bộ, công nhân	Rác thải y tế được thu gom, phân loại riêng và được chứa trong các thùng, có nắp đậy. Các thùng đựng rác thải y tế có dán nhãn "Rác thải y tế và mã số 13 01 01"	Công nhân	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
7	16 01 12	Ắc quy	Phát sinh từ quá trình bảo dưỡng máy móc	Ắc quy được thu gom, phân loại riêng và được chứa trong các thùng, có nắp đậy. Các thùng đựng ắc quy có dán nhãn "Ắc quy và mã số 16 01 12"	Công nhân	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH

TY  
N  
VINH  
CHUYÊN

## 2. Quy trình dán nhãn, đánh số, mã số chất thải nguy hại.

Toàn bộ thùng chứa các chất nguy hại trên được dán nhãn. Nhãn gồm tên của chất thải nguy hại và mã số của chất thải nguy hại đó. Ngoài ra, trên tường, trong nhà kho, khu vực để chất thải nguy hại có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại.

Trong trường hợp có phát sinh thêm chủng loại chất thải nguy hại. Công ty cổ phần Minh Trí Vinh sẽ làm thêm thùng chứa chất thải nguy hại, dán nhãn, đặt biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại để tạm thời lưu giữ.



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Nguyễn Lê Hùng*

T.P Vinh, Ngày 22 tháng 8 năm 2014  
NGƯỜI LẬP





## BẢN CAM KẾT LƯU GIỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An.
- Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Nghệ An.

Công ty cổ phần Minh Trí Vinh có trụ sở tại đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là may trang phục. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hiện nay có phát sinh một lượng chất thải nguy hại, lượng tổng cộng khoảng 6,5 kg mỗi tháng.

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý chất thải nguy hại nói riêng theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần Minh Trí Vinh tiến hành lập hồ sơ đăng ký "Sổ quản lý chất thải nguy hại" theo đúng hướng dẫn trong Thông tư số 12/20011/TT-BTNMT, ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường. Trong quá trình thực hiện, Công ty chúng tôi đã tiến hành liên hệ với đơn vị có giấy phép để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại. Tuy nhiên, do số lượng chất thải phát sinh không nhiều nên Công ty vẫn chưa xác lập được hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Vậy, Công ty chúng tôi xin cam kết lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Công ty, ký hợp đồng với Đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và định kỳ 6 tháng một lần, Công ty chúng tôi sẽ báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại với chi cục Bảo vệ môi trường và sở Tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An.

**Xin trân trọng cảm ơn !**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP

CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH  
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Nguyễn Lê Hùng*



TN & MT

**CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: **K108- BH108323**

- Tên khách hàng: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.
- Địa chỉ: Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
+ Khu vực xưởng sản xuất.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'22,5"; VI độ (N) = 18°42'23,7".  
+ Tại khuôn viên của nhà máy.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'21,1"; VI độ (N) = 18°42'24,6".  
+ Tại khu vực cổng ra vào.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'20,2"; VI độ (N) = 18°42'24,0".
- Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 02/3/2023
- Ngày phân tích: 02/3/2023 + 08/3/2023
- Loại mẫu: Khí - ồn Số lượng mẫu: 03
- Ký hiệu mẫu: KMMT2-1, KMMT2-2, KMMT2-3.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả			QCVN 05 (TB 1h)
				KMMT2-1	KMMT2-2	KMMT2-3	
1	Bụi TSP	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	126,1	98,9	139,8	300
2	CO	µg/m <sup>3</sup>	PTK.04:2020	2674	2610	2654	30.000
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	45,7	39,3	43,7	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	38,6	23,1	29,5	200
5	Tiếng ồn*	đBA	TCVN 7878-2:2018	71,2	62,5	58,1	70 <sup>(a)</sup> 85 <sup>(b)</sup>

**Ghi chú:** QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

(a): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

(b): QCVN 24:2016/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (áp dụng tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp, 85 đBA).

Trưởng PTN ✓

ThS. Trần Thị Thu Hằng

QA/QC

KS. Nguyễn Thị Nhâm

Ngày 08 tháng 3 năm 2023



**Chú thích:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích.
- Kết quả này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- (\*) Kết quả đo tại hiện trường
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



TN &amp; MT

**CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: T74- BH109323

1. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.  
2. Địa chỉ: Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;  
+ Tại điểm thoát nước thải sinh hoạt.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'21,1"; Vĩ độ (N) = 18°42'23,3"  
4. Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 02/3/2023  
5. Ngày phân tích: 02/3/2023 + 09/3/2023  
6. Loại mẫu: Nước thải. Số lượng mẫu: 01  
7. Ký hiệu mẫu: TMMT2-1

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 14 (Cột B, C <sub>max</sub> )	Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,1	5 + 9	5 + 9
2.	TDS*	mg/l	QTĐ.14	213	1000	-
3.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	52,0	100	100
4.	BOD <sub>5</sub>	mg/l	SMEWW 5210B:2017	43,7	50	300
5.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	109,0	-	500
6.	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3:2011	<0,2	-	2
7.	Fe	mg/l	TCVN 6177:1996	0,31	-	5
8.	Mn	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,24	-	1
9.	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	38,6	-	60
10.	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	6,18	-	8
11.	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N	mg/l	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017	4,77	50	-
12.	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/l	TCVN 6202:2008	5,30	10	-
13.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	11,2	20	-
14.	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	4760	5000	460.000

Ghi chú: "-": Không quy định trong Quy chuẩn. "KCN": Khu công nghiệp.  
QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B - C<sub>max</sub> K=1,0).

Trưởng PTN

ThS. Trần Thị Thu Hằng

QA/QC

KS. Nguyễn Thị Nhâm

Ngày 09 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

## Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích. - Kết quả này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN  
- (\*) Kết quả đo tại hiện trường  
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttamta@gmail.com VILAS 499 VINCERTS 004

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: K08.0612/2023

- Tên khách hàng: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.
- Địa chỉ: Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
+ Khu vực xưởng sản xuất.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'22,5"; Vĩ độ (N) = 18°42'23,7".  
+ Tại khuôn viên của nhà máy.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'21,1"; Vĩ độ (N) = 18°42'24,6".  
+ Tại khu vực cổng ra vào.  
Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'20,2"; Vĩ độ (N) = 18°42'24,0".
- Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 06/12/2023
- Ngày phân tích: 07/12/2023 + 13/12/2023
- Loại mẫu: Khí - ồn Số lượng mẫu: 03
- Ký hiệu mẫu: KMMT2-1, KMMT2-2, KMMT2-3.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả			QCVN 05 (TB 1h)
				KMMT2-1	KMMT2-2	KMMT2-3	
1	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	129,6	116,3	145,6	300
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	PTK:04:2020	2723	2729	2746	30.000
3	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	54,3	40,8	40,5	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	45,3	26,8	32,9	200
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,5	58,7	56,2	70 <sup>(a)</sup> 85 <sup>(b)</sup>

**Ghi chú:** QCVN 05:2023/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh. (TB 1h).

(a): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

(b): QCVN 24:2016/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (áp dụng tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp, 85 dBA).

QA/QC <sup>thw</sup>

CN: Đặng Thị Thu Hiền

Trưởng PTN

CN: Nguyễn Trọng Lục

Ngày 13 tháng 12 năm 2023



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao môi phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: [Labkttmtna@gmail.com](mailto:Labkttmtna@gmail.com) VILAS 499 VIMCERTS 004

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: T20.0612/2023

1. Tên khách hàng: Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.  
 2. Địa chỉ: Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
 3. Vị trí đo, lấy mẫu: Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;  
 + Tại điểm thoát nước thải sinh hoạt.  
 Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'21,1"; Vĩ độ (N) = 18°42'23,3"  
 4. Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 06/12/2023  
 5. Ngày phân tích: 07/12/2023 + 13/12/2023  
 6. Loại mẫu: Nước thải. Số lượng mẫu: 01  
 7. Ký hiệu mẫu: TMS12-1

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 14 (Cột B, C <sub>max</sub> )	Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	5 - 9	5 - 9
2.	TDS	mg/l	QTĐ.14	210	1000	-
3.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	56,5	100	100
4.	BOD <sub>5</sub>	mg/l	SMEWW 5210B:2023	38,9	50	300
5.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	91,9	-	500
6.	Clo dư	mg/l	SMEWW 4500-Cl:2023	0,22	-	2
7.	Fg	mg/l	TCVN 6177:1996	0,33	-	5
8.	Mn	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,25	-	1
9.	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	23,5	-	60
10.	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	3,85	-	8
11.	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N	mg/l	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023	6,16	50	-
12.	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/l	TCVN 6202:2008	5,85	10	-
13.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	10,6	20	-
14.	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	4710	5000	460.000

**Ghi chú:** "-": Không quy định trong Quy chuẩn; ĐTV: Động thực vật; "KCN": Khu công nghiệp.  
 QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.  
 Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, (C<sub>max</sub> = C x K; K=1,0).

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

QA/QC

Trưởng PTN

Giám đốc



CN: Đặng Thị Thu Hiền

CN: Nguyễn Trọng Lục

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T24.2003/2024/PKQ.24.751

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	T1: Tại điểm thoát nước thải sinh hoạt. Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'21,1"; VI độ (N) = 18°42'23,3"
Ngày quan trắc	20/03/2024
Ngày phân tích	20/03/2024 đến 27/03/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 14 (Cột B, C <sub>max</sub> )	Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh
				T1		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5 + 9	5 + 9
2.	TDS	mg/l	QTĐ.14	219	1000	-
3.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	58,0	100	100
4.	BOD <sub>5</sub>	mg/l	SMEWW 5210B:2023	43,7	50	300
5.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	124,2	-	500
6.	Clo dư	mg/l	SMEWW 4500-CI:2023	0,21	-	2
7.	Fe	mg/l	TCVN 6177:1996	0,34	-	5
8.	Mn	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,26	-	1
9.	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	51,8	-	60
10.	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	5,69	-	8
11.	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N	mg/l	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023	1,33	50	-
12.	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/l	TCVN 6202:2008	6,69	10	-
13.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	9,4	20	-
14.	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	6.300	5.000	460.000

Ghi chú: "-": Không quy định trong Quy chuẩn; ĐTV: Động thực vật; "KCN": Khu công nghiệp.

QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. (C<sub>max</sub> = C x K; K=1,0).

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2024

QA/QC

Trưởng PTN

KS. Nguyễn Thị Nhâm

CN. Nguyễn Trọng Lực



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttntmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K56.2003/2024/PKQ.24.751

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Trí Vinh
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K2: Tại khuôn viên của nhà máy. Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'21,1"; VI độ (N) = 18°42'24,6". K3: Tại khu vực cổng ra vào. Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'20,2"; VI độ (N) = 18°42'24,0".
Ngày quan trắc	20/03/2024
Ngày phân tích	20/03/2024 đến 27/03/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả		QCVN 05 (TB 1h)
				K2	K3	
1	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	123,3	153,8	300
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	PTK.04:2020	<4.000	<4.000	30.000
3	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	63,2	66,8	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	58,9	58,0	200
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,3	59,8	70 <sup>(a)</sup>

**Ghi chú:** QCVN 05:2023/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh. (TB 1h).

(a): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2024

QA/QC

Trưởng PTN

KS. Nguyễn Thị Nhâm

CN. Nguyễn Trọng Lục



Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 0932.492.499 Email: [labkttmtna@gmail.com](mailto:labkttmtna@gmail.com) VILAS 499 VINCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K57.2003/2024/PKQ.24.751

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Trí Vinh
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K1: Khu vực xưởng sản xuất. Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°39'22,5"; Vĩ độ (N) = 18°42'23,7"
Ngày quan trắc	20/03/2024
Ngày phân tích	20/03/2024 đến 27/03/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 03
				K1	
1	Bụi toàn phần	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	146,1	8.000 <sup>a</sup>
2	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	PTK.04:2020	<4.000	20.000
3	SO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	67,2	5.000
4	NO <sub>2</sub>	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	56,5	5.000
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	69,1	85 <sup>b</sup>

**Ghi chú QCVN 03:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc.

(a): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

(b): QCVN 24:2016/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (áp dụng tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp, 85 dBA).

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2024

QA/QC

KS. Nguyễn Thị Nhâm

Trưởng PTN

CN. Nguyễn Trọng Lục



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.





CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 02386250236 Email: [Labkttmtna@gmail.com](mailto:Labkttmtna@gmail.com) VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K03.0810/2024/PKQ.24.3175

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Tri Vinh.
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K2: Tại khuôn viên của nhà máy (N = 18°42'24,6", E = 105°39'21,1") K3: Tại khu vực cổng ra vào (N = 18°42'24,0", E = 105°39'20,2")
Ngày quan trắc	07/10/2024
Ngày phân tích	08/10/2024 đến 15/10/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K2	K3	GTGH
1	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	64,3	65,6	350
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	PTK.04:2020	<4000	<4000	30.000
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	57,0	59,2	200
4	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	140,9	170,1	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;
- GTGH: Giá trị giới hạn - Thông số cơ bản trung bình 1 giờ;

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QA/QC<sup>th</sup>

Trưởng PTN

Giám đốc



KS. Nguyễn Thị Nhâm

CN. Nguyễn Trọng Lục

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (\*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 02386250236 Email: [Labkttmtnai@gmail.com](mailto:Labkttmtnai@gmail.com) VILAS 499 VIMCERTS 004

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: K02.2810/2024/PKQ.24.3175

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K1: Khu vực xưởng sản xuất (N = 18°42'23,7", E = 105°39'22,5")
Ngày quan trắc	07/10/2024
Ngày phân tích	08/10/2024 đến 15/10/2024

**II. KẾT QUẢ**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				K1
1	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	66,4
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	PTK.04:2020	<4000
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	60,8
4	Bụi TSP	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	182,3

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QA/QC

Trưởng PTN

Giám đốc

KS. Nguyễn Thị Nhâm

CN. Nguyễn Trọng Lục



Phạm Anh Tuấn

**Chú thích:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (\*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttntmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K04.0810/2024/PKQ.24.3175

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K1: Khu vực xưởng sản xuất (N = 18°42'23,7", E = 105°39'22,5") K2: Tại khuôn viên của nhà máy (N = 18°42'24,6", E = 105°39'21,1") K3: Tại khu vực cổng ra vào (N = 18°42'24,0", E = 105°39'20,2")
Ngày đo	07/10/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Vị trí	Thông số	Phương pháp phân tích	Kết quả (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT
				K1	GTGH
1	K1	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	75,6	-
2	K2			52,2	
3	K3			62,3	

Ghi chú: (-): Không quy định;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn.

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QA/QC

Trưởng PTN

Giám đốc



KS. Nguyễn Thị Nhâm

CN. Nguyễn Trọng Lực

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttmtrna@gmail.com VII.AS.499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T05.0810/2024/PKQ.24.3175

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần Minh Trí Vinh.
Địa chỉ	Đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Địa điểm quan trắc	Khu vực Nhà máy may mặc xuất khẩu 2 tại KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	T1: Tại điểm thoát nước thải sinh hoạt (N = 18°42'23,3", E = 105°39'21,1")
Ngày quan trắc	07/10/2024
Ngày phân tích	08/10/2024 đến 15/10/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT	Tiêu chuẩn xả thải KCN Bắc Vinh
				T1	Cột B, Cmax	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	5 - 9	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	SMEWW 5210B:2023	46,5	50	300
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	114,1	-	500
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	64,5	100	100
5	TDS	mg/L	QTĐ.14	201	1.000	-
6	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	7,9	20	-
7	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,015	-	1
8	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,39	-	5
9	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/L	TCVN 6202:2008	4,10	10	-
10	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> :E:2023	1,18	50	-
11	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	44,0	-	60
12	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	6,91	-	8
13	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,23	-	2
14	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	9.400	5.000	460.000

**Ghi chú:** - (-): Không quy định; DTV: Động thực vật; KCN: Khu công nghiệp;

**Chú thích:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (\*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giữ quyền việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An  
Điện thoại: 02386250236 Email: [Labkttntna@gmail.com](mailto:Labkttntna@gmail.com) VILAS 499 VIMCERTS 004

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt ( $C_{max}, K=1$ );

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QA/QC <sup>id</sup>

Trưởng PTN

Giám đốc

KS. Nguyễn Thị Nhâm

CN. Nguyễn Trọng Lục



Phạm Anh Tuấn

**Chú thích:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 015/2024/HDKT.

"V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải"

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH 13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Thương mại 35/2005/QH 11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI ngày 14/5/2005, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, nhu cầu khả năng của mỗi bên/

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Công ty TNHH Phát Triển Môi Trường Thành Phố Vinh.

### **BÊN A: CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH**

Địa chỉ: KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038 868 7788

Fax:

Mã số thuế: 2901567817

Số tài khoản: 190264024686 88 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Thăng Long

Đại diện: Bà Phạm Thị Thanh Hương Chức vụ: Tổng giám đốc

### **II. BÊN B : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ VINH**

Địa chỉ : Số 6, ngõ 78, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Lợi, TP. Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 0396076666

Mã số thuế : 2902083350

Số tài khoản 110605834888 - Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh Nghệ An

Đại diện : Ông Nguyễn Trung Hào Chức vụ: Giám đốc

Sau khi trao đổi, thương lượng đàm phán hai bên cùng đồng ý và nhất trí ký kết hợp đồng với những điều khoản như sau:

### **ĐIỀU 01. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

1.1. Bên A đồng thu gom, vận chuyển các loại chất thải và bên B đồng thu gom, xử lý các loại chất thải tại nhà máy của bên A (Theo phụ lục hợp đồng).

1.2. Việc thu gom, vận chuyển các loại chất thải được thực hiện theo phương án sau:

- Bên B dùng phương tiện, xe ô tô chuyên dụng cùng nhân công tới thu gom các loại chất thải tại nơi tập kết của nhà máy bên A. Sau khi hoàn thành toàn bộ thủ tục các loại chất thải sẽ được vận chuyển khỏi nhà máy bên A.

- Bên A tập kết các loại chất thải sinh hoạt đúng nơi tập kết để bên B thu gom được thuận lợi.

1.3. Giá cả dịch vụ xử lý các loại chất thải theo danh mục từng loại phế liệu và các loại chất thải được thống kê trong phụ lục hợp đồng.

## **ĐIỀU 02. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng có giá trị từ 02/01/2024 đến ngày 31/12/2024

## **ĐIỀU 03. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN - GIAO NHẬN HÀNG**

3.1. *Phương thức thanh toán:* Bên A sẽ thanh toán cho bên B 1 tháng 1 lần

3.2. *Hình thức thanh toán:* Bằng chuyển khoản

3.3. *Địa điểm, thời gian và hình thức thu gom:*

- Địa điểm: Các loại chất thải sinh hoạt tập trung tại nơi lưu chứa của bên A và thuận tiện cho xe vận chuyển của bên B.

- Thời gian giao nhận:

+ Đối với rác thải công nghiệp thông thường : Bên B sẽ thu gom 1 ngày 1 lần vào cuối ngày ( trừ ngày nghỉ của bên A)

+ Đối với các loại chất thải sinh hoạt: Bên B sẽ thu gom 01 ngày 1 lần sau 19h (trừ những ngày nghỉ và lễ tết)

- Quy trình thu gom:

+ Bên B cho xe chuyên dụng đến vị trí tập kết các loại rác thải để vận chuyển ra khỏi nhà máy bên A.

## **ĐIỀU 04: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA 02 BÊN.**

4.1. *Quyền và trách nhiệm của bên A:*

- Hàng tuần bên A phải thông báo lịch nhận hàng và tạo điều kiện để bên B nhận hàng.

- Bên A phải thông báo danh sách cá nhân có trách nhiệm lập, kí xác nhận khối lượng hàng hóa.

- Bên A chịu trách nhiệm phân công nhân viên giám sát việc phân loại các loại phế liệu và cân đo số lượng thu gom thực tế với bên B.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B và cử nhân viên có thẩm quyền giải quyết các công việc phát sinh trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

- Được quyền kiểm tra, giám sát hàng hóa thanh lý cho bên B.

- Có quyền kiểm tra việc thực hiện thu gom của bên B tại nhà máy bên A.

- Không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các loại phế liệu đã thanh lý/các loại chất thải giao cho bên B xử lý sau khi đã được vận chuyển ra khỏi nhà máy bên A.

- Thực hiện việc thanh toán đầy đủ như Điều 3 hợp đồng.

4.2. *Quyền và trách nhiệm của bên B:*

CÔNG  
PHÁT  
MÔI  
TRƯỜNG  
THÀNH  
PHỐ

- Thực hiện đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng này và các phụ lục đính kèm.
- Thực hiện thu gom hàng hóa phế liệu thanh lý và các loại chất thải theo lịch đã thỏa thuận với bên A.
- Bên B không chịu trách nhiệm về mọi vấn đề về hàng hóa, phế liệu, rác thải bị đưa ra khỏi công ty mà không do Bên B thực hiện giao nhận tại công ty Bên A.
- Bên B phải cung cấp cho bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do bên A yêu cầu.
- Bên B chịu số tiền phạt là 500.000 đồng cho 1 lần không thu gom rác đúng lịch
- Chịu trách nhiệm cho việc xin các thủ tục vận chuyển hàng hóa phế liệu thanh lý, các loại chất thải từ nơi nhận hàng đến địa điểm của bên B. Mọi chi phí phát sinh, rủi ro trong quá trình vận chuyển bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả bằng kinh phí của mình.
- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc vận chuyển các loại phế liệu và xử lý các loại chất thải thu gom tại bên A khi ra khỏi cổng nhà máy. Trong trường hợp có khiếu nại về việc liên quan đến các loại chất thải khi bên B chuyển ra ngoài nhà máy để xử lý thì bên B phải đứng ra giải quyết và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có sự trách chấp xảy ra.
- Trong trường hợp xe hư hỏng bên B sẽ sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom rác thải trong thời gian sớm nhất (24 giờ).
- Tuân thủ qui định nội bộ của bên A trong quá trình làm việc trong khu vực nhà máy của bên A.
- Thực hiện việc thanh toán đầy đủ như Điều 3 hợp đồng.

#### **ĐIỀU 05. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 5.1. Hai bên cam kết thi hành đúng các điều khoản của hợp đồng.
- 5.2. Trong quá trình thực hiện các nội dung theo hợp đồng. Nếu bên B không đảm bảo được các yêu cầu về luật môi trường, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này với bên B.
- 5.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này khi có phát sinh vấn đề thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng thảo gỡ khó khăn. Trong trường hợp hai bên với tất cả nỗ lực của mình mà vẫn không tự giải quyết được đưa ra tòa án có thẩm quyền tại Nghệ An để giải quyết. Các chi phí liên quan đến tranh tụng tại tòa sẽ do bên thua kiện chi trả.
- 5.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau, bên A giữ 02 bản và bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A** #



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Thị Thanh Hương*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Trung Hào*

350  
Y.TS  
TRUC  
PHI  
T.H



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYÊN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**Số: 240517/HD –XLMTNA – MINHTRIVINH**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường ;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty CP Minh Trí Vinh và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xir lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 17 tháng 05 năm 2024 tại văn phòng Công ty CP Minh Trí Vinh, chúng tôi gồm có:

**BÊN A (Bên giao) : CÔNG TY CP MINH TRÍ VINH**

Địa chỉ : Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại : 02388 687788

MST : 2901567817

Đại diện : Bà Phạm Thị Thanh Hương Chức vụ: Tổng giám đốc

**BÊN B (Bên nhận) : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN**

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0982 491 067 Email: [nguyensexuan.xlmt@gmail.com](mailto:nguyensexuan.xlmt@gmail.com)

Tài khoản : 0101000997708

Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam (VietcomBank)- CN Nghệ An

MST : 2901070574

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại thường trực khi gọi thu gom chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

## ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Công ty CP Minh Trí Vinh (Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải - Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

## ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoản: **13.000.000 đồng/ 01 lần thu gom**. Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 400 kg/ 01 lần thu gom (*Bốn trăm kilogam trên một lần thu gom*). Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 400 kg/01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoản ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng).

Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
3	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
5	Bao bì kim loại cứng thải (Vỏ, thùng đựng dầu máy,...)	Rắn	18 01 02
6	Chất thải y tế	Rắn	13 01 01
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12

2.1.2. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2. Hình thức thanh toán:

- 2.2.1. Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên B 100% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết.
- 2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- 2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điểm 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

### ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

#### 3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### 3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải không được phân

290156  
CÔNG  
CỐ PHỤ  
NH TRÍ  
NH-T. NGY

CÔNG TY CP  
XỬ LÝ  
TRƯỜNG  
HỆ AN  
LIÊN T. NGY

loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.

- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

##### **4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:**

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### **4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:**

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

#### **ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

##### **6.1 Bồi thường thiệt hại:**

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

##### **6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:**

- 6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa

vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;  
6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

**ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

**ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.
- 8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 8.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. *Ug*

**ĐẠI DIỆN BÊN A** *gh*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Thị Thanh Hương*

**ĐẠI DIỆN BÊN B** *Quy*

